	Code	CheckXml		SendXml	SendMail	Config	Claim
CheckXML	000000	☐	☐	☐			
XML1	100000	☑	☑	☐			
Validate XML1	110000	☑	☑	☐			
MA_LK	110100	☑	☑	☐			
MA_LK chưa đúng quy định	110101	☑	☑	☑			
STT	110200	☑	☑	☐			
STT chưa đúng quy định	110201	☑	☑	☑			
MA_BN	110300	☑	☑	☐			
MA_BN chưa đúng quy định	110301	☑	☑	☑			
HO_TEN	110400	☑	☑	☐			
HO_TEN không đúng quy định	110401	☑	☑	☑			
NGAY_SINH	110500	☐	☑	☐			
NGAY_SINH không đúng định dạng hoặc để trống	110501	☐	☑	☑			
NGAY_SINH không được lớn hơn thời gian hiện tại	110502	☑	☑	☑			
NGAY_SINH không được nhỏ hơn 140 năm so với thời gian hiện tại	110503	☐	☑	☑			
GIOI_TINH	110600	☑	☑	☐			
GIOI_TINH chưa đúng quy định	110601	☑	☑	☑			
DIA_CHI	110700	☑	☑	☐			
DIA_CHI chưa đúng quy định	110701	☑	☑	☑			
MA_THE	110800	☑	☑	☐			
Số lượng MA_THE không được lớn hơn 2	110801	☑	☑	☑			
Số lượng MA_THE ,MA_DKBD ,GT_THE_TU không bằng nhau	110802	☑	☑	☑			
Số lượng MA_THE ,MA_DKBD ,GT_THE_TU ,GT_THE_DEN không bằng nhau	110803	☑	☑	☑			
Kí tự 4,5 của MA_THE không phải mã tỉnh	110804	☑	☑	☑			
10 Kí tự cuối của MA_THE phải là số	110805	☑	☑	☑			
Kí tự 3 của MA_THE phải là số từ 1-5	110806	☑	☑	☑			
Kí tự 4,5 của MA_THE mã hóa thẻ tạm sai cấu trúc	110807	☑	☑	☑			
Kí tự 3,4,5 của MA_THE không đúng cấu trúc 597 hoặc 598	110808	☑	☑	☑			
MA_DKBD	110900	☑	☑	☐			
MA_DKBD không được để trống	110901	☑	☑	☑			
MA_DKBD không được lớn hơn 2 mã trong một đợt điều trị	110902	☑	☑	☑			
Kí tự 1,2 của MA_DKBD không phải mã tỉnh	110903	☑	☑	☑			
MA_DKBD phải có độ dài 5 kí tự	110904	☑	☑	☑			
GT_THE_TU	111000	☑	☑	☐			
GT_THE_TU không được để trống	111001	☑	☑	☑			
GT_THE_TU không được lớn hơn 2 giá trị trong một đợt điều trị	111002	☑	☑	☑			
GT_THE_TU không đúng định dạng yyyyMMdd	111003	☑	☑	☑			
GT_THE_TU không được lớn hơn thời gian hiện tại	111004	☑	☑	☑			
GT_THE_DEN	111100	☑	☑	☐			
GT_THE_DEN không được để trống	111101	☑	☑	☑			
GT_THE_DEN không được lớn hơn 2 giá trị trong một đợt điều trị	111102	☑	☑	☑			
GT_THE_DEN không đúng định dạng yyyyMMdd	111103	☑	☑	☑			
MIEN_CUNG_CT	111200	☑	☑	☐			
MIEN_CUNG_CT phải bằng 8 kí tự hoặc bỏ trống	111201	☑	☑	☑			
MIEN_CUNG_CT không đúng định dạng yyyyMMdd	111202	☑	☑	☑			
MIEN_CUNG_CT không được lớn hơn thời gian hiện tại	111203	☑	☑	☑			
TEN_BENH	111300	☑	☑	☐			
TEN_BENH không được để trống	111301	☑	☑	☑			
TEN_BENH không được lớn hơn 2000 kí tự	111302	☑	☑	☑			
MA_BENH	111400	☑	☑	☐			
MA_BENH không được để trống	111401	☑	☑	☑			
MA_BENH không được lớn hơn 255 kí tự	111402	☑	☑	☑			
MA_BENH không được chứa kí tự đặc biệt	111403	☑	☑	☑			
MA_BENHKHAC	111500	☑	☑	☐			
MA_BENHKHAC không được lớn hơn 255 kí tự	111501	☑	☑	☑			
MA_BENHKHAC không được chứa khoản trắng, kí tự đặc biệt	111502	☑	☑	☑			
MA_LYDO_VVIEN	111600	☑	☑	☐			
MA_LYDO_VVIEN không được để trống	111601	☑	☑	☑			
MA_LYDO_VVIEN phải có giá trị từ 1-4	111602	☑	☑	☑			
MA_NOI_CHUYEN	111700	☑	☑	☐			
MA_NOI_CHUYEN phải có độ dài bằng 5	111701	☑	☑	☑			
MA_NOI_CHUYEN không tồn tại trong danh mục DM CSKCB	111702	☑	☑	☑			
MA_TAI_NAN	111800	☑	☑	☐			
MA_TAI_NAN phải có giá trị từ 0-8	111801	☑	☑	☑			
NGAY_VAO	111900	☑	☑	☐			
NGAY_VAO không được để trống	111901	☑	☑	☑			
NGAY_VAO phải có độ dài bằng 12	111902	☑	☑	☑			
NGAY_VAO không đúng định dạng ngày tháng năm	111903	☑	☑	☑			
NGAY_VAO Không được lớn hơn thời gian hiện tại	111904	☑	☑	☑			
NGAY_VAO Không được lớn hơn thời gian ra viện	111905	☑	☑	☑			
NGAY_VAO không được nhỏ hơn NGAY_YL nhỏ nhất trên 48 giờ	111906	☑	☑	☑			
NGAY_RA	112000	☑	☑	☐			
NGAY_RA không được để trống	112001	☑	☑	☑			
NGAY_RA không đúng định dạng ngày tháng năm	112002	☑	☑	☑			
NGAY_RA Không được lớn hơn thời gian hiện tại	112005	☑	☑	☑			
NGAY_RA không được lớn hơn NGAY_YL lớn nhất trên 48 giờ	112006	☑	☑	☑			
SO_NGAY_DTRI	112100	☑	☑	☐			
SO_NGAY_DTRI phải bằng 0 khi MA_LOAI_KCB 1,7,9	112101	☑	☑	☑			
SO_NGAY_DTRI phải có giá trị từ 0-366	112102	☑	☑	☑			
SO_NGAY_DTRI phải nhỏ hơn ra - vao num.Blue	112103	☑	☑	☑			
KET_QUA_DTRI	112200	☑	☑	☐			
KET_QUA_DTRI không được để trống	112201	☑	☑	☑			
KET_QUA_DTRI phải có giá trị từ 1-8	112202	☑	☑	☑			
TINH_TRANG_RV	112300	☑	☑	☐			
TINH_TRANG_RV không được để trống	112301	☑	☑	☑			
TINH_TRANG_RV phải có giá trị từ 1-5	112302	☑	☑	☑			
NGAY_TTOAN	112400	☑	☑	☐			
NGAY_TTOAN không đúng định dạng ngày tháng năm	112401	☑	☑	☑			
NGAY_TTOAN phải có tháng lớn hơn hoặc bằng THANG_QT	112402	☑	☑	☑			
NGAY_TTOAN Không được lớn hơn thời gian hiện tại	112403	☑	☑	☑			
T_THUOC	112500	☑	☑	☐			

GPP.vn

T_THUOC trong XML1 không được quá 15 ký tự	112501	☑	☑	☑
T_THUOC trong XML1 không được quá 2 ký tự	112502	☑	☑	☑
T_VTYT	112600	☑	☑	☐
T_VTYT trong XML1 không được quá 15 ký tự	112601	☑	☑	☑
T_VTYT trong XML1 không được quá 2 ký tự	112602	☑	☑	☑
T_TONGCHI	112700	☑	☑	☐
T_TONGCHI trong XML1 không được quá 15 ký tự	112701	☑	☑	☑
T_TONGCHI trong XML1 không được quá 2 ký tự	112702	☑	☑	☑
T_BHTT	112800	☑	☑	☐
T_BHTT trong XML1 không được quá 15 ký tự	112801	☑	☑	☑
T_BHTT trong XML1 không được quá 2 ký tự	112802	☑	☑	☑
T_BNCCT	112900	☑	☑	☐
T_BNCCT trong XML1 không được quá 15 ký tự	112901	☑	☑	☑
T_BNCCT trong XML1 không được quá 2 ký tự	112902	☑	☑	☑
T_BNTT	113000	☑	☑	☐
T_BNTT trong XML1 không được quá 15 ký tự	113001	☑	☑	☑
T_BNTT trong XML1 không được quá 2 ký tự	113002	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC	113100	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC trong XML1 không được quá 15 ký tự	113101	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC trong XML1 không được quá 2 ký tự	113102	☑	☑	☑
T_NGOAIDS	113200	☑	☑	☐
T_NGOAIDS trong XML1 không được quá 15 ký tự	113201	☑	☑	☑
T_NGOAIDS trong XML1 không được quá 3 ký tự	113202	☑	☑	☑
T_NGOAIDS trong XML1 không được quá 15 ký tự	113203	☑	☑	☑
NAM_QT	113300	☑	☑	☐
NAM_QT trong XML1 phải là số tự nhiên từ 2016 đến 2050	113301	☑	☑	☑
NAM_QT trong XML1 không được lớn hơn năm hiện tại	113302	☑	☑	☑
THANG_QT	113400	☑	☑	☐
THANG_QT trong XML1 phải là số tự nhiên từ 1 đến 12	113401	☑	☑	☑
THANG_QT trong XML1 không được lớn hơn tháng hiện tại	113402	☑	☑	☑
MA_LOAI_KCB	113500	☑	☑	☐
MA_LOAI_KCB trong XML1 phải là số tự nhiên từ 1 đến 9	113501	☑	☑	☑
MA_KHOA	113600	☑	☑	☐
MA_KHOA trong XML1 phải có độ dài từ 1 đến 50 ký tự	113601	☑	☑	☑
MA_KHOA trong XML1 không tồn tại trong DmKhoa	113602	☑	☑	☑
MA_KHOA trong XML1 không tồn tại trong Danh mục Khoa, Phòng, Giường	113603	☐	☑	☑
MA_CSKCB	113700	☑	☑	☐
MA_CSKCB trong XML1 phải có độ dài 5 ký tự	113701	☑	☑	☑
MA_CSKCB trong XML1 không tồn tại trong DmCskcb	113702	☑	☑	☑
MA_CSKCB trong XML1 phải bằng mã cskcb của cơ sở	113703	☐	☑	☑
MA_KHUVUC	113800	☐	☑	☐
MA_KHUVUC trong XML1 phải có giá trị K1 hoặc K2 Hoặc K3	113801	☐	☑	☑
MA_KHUVUC không được để trống	113802	☐	☑	☑
MA_PTTT_QT	113900	☑	☑	☐
MA_PTTT_QT trong XML1 phải có độ dài 3-250 kí tự	113901	☑	☑	☑
CAN_NANG	114000	☑	☑	☐
Trẻ em dưới 1 tuổi bắt buộc nhập cân nặng	114001	☑	☑	☑
CAN_NANG không được để trống	114002	☑	☑	☑
CAN_NANG trong XML1 phải là số thập phân có 2 chữ số lẻ	114003	☑	☑	☑
CAN_NANG trong XML1 phải là số thập phân có 2 chữ số lẻ	114004	☑	☑	☑
CAN_NANG không vượt quá 6 ký tự	114005	☑	☑	☑
SO_CCCD	114100	☑	☑	☐
SO_CCCD không đúng định dạng	114102	☑	☑	☑
NHOM_MAU	114103	☑	☑	☑
NHOM_MAU không được lớn hơn 10 ký tự	114104	☑	☑	☑
NHOM_MAU không đúng định dạng	114105	☑	☑	☑
MA_QUOCTICH	114200	☑	☑	☐
MA_QUOCTICH Không cótrong DmQuocTich	114201	☑	☑	☑
MA_DANTOC	114300	☑	☑	☐
MA_DANTOC không được để trống	114301	☑	☑	☑
MA_DANTOC không đúng định dạng	114302	☑	☑	☑
MA_NGHE_NGHIEP	114400	☑	☑	☐
MA_NGHE_NGHIEP phải là 5 kí tự số	114401	☑	☑	☑
MATINH_CU_TRU	114500	☑	☑	☐
MATINH_CU_TRU tối đa 3 kí tự số	114501	☑	☑	☑
MAHUYEN_CU_TRU	114600	☑	☑	☐
MAHUYEN_CU_TRU phải là 3 kí tự số	114601	☑	☑	☑
MAXA_CU_TRU	114700	☑	☑	☐
MAXA_CU_TRU phải là 5 kí tự số	114701	☑	☑	☑
MAXA_CU_TRU không tồn tại trong DmXaPhuong	114702	☑	☑	☑
DIEN_THOAI	114800	☑	☑	☐
DIEN_THOAI phải là 9-15 kí tự số	114801	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT	114900	☑	☑	☐
Số lượng MA_THE_BHYT không được lớn hơn 2	114901	☑	☑	☑
Số lượng MA_THE_BHYT ,MA_DKBD ,GT_THE_TU không bằng nhau	114902	☑	☑	☑
Số lượng MA_THE_BHYT ,MA_DKBD ,GT_THE_TU ,GT_THE_DEN không bằng nhau	114903	☑	☑	☑
Kí tự 4,5 của MA_THE_BHYT không phải mã tỉnh	114904	☑	☑	☑
10 Kí tự cuối của MA_THE_BHYT phải là số	114905	☑	☑	☑
Kí tự 3 của MA_THE_BHYT phải là số từ 1-5	114906	☑	☑	☑
Kí tự 4,5 của MA_THE_BHYT mã hóa thẻ tạm sai cấu trúc	114907	☑	☑	☑
Kí tự 3,4,5 của MA_THE_BHYT không đúng cấu trúc 597 hoặc 598	114908	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT là bắt buộc	114909	☑	☑	☑
NGAY_MIEN_CCT	115000	☑	☑	☐
NGAY_MIEN_CCT không đúng định dạng ngày tháng	115001	☑	☑	☑
NGAY_MIEN_CCT không được lớn hơn thời gian hiện tại	115002	☑	☑	☑
NGAY_MIEN_CCT không được nhỏ hơn 01/01 của năm hiện tại	115003	☑	☑	☑
LY_DO_VV	115100	☑	☑	☐
LY_DO_VV không được để trống	115101	☑	☑	☑
LY_DO_VNT	115200	☑	☑	☐
LY_DO_VNT không được để trống khi mã loại kcb 3,4,9	115201	☑	☑	☑
MA_LY_DO_VNT	115300	☑	☑	☐
MA_LY_DO_VNT phải có độ dài tối đa 5 ký tự	115302	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_VAO	115400	☑	☑	☐
CHAN_DOAN_VAO không được để trống	115401	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV	115500	☑	☑	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

CHAN_DOAN_RV không được để trống	115501	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH	115600	☑	☑	☐
MA_BENH_CHINH không được để trống	115601	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH phải có độ dài tối đa 7 ký tự	115602	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH không phải mã bệnh chính	115604	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH không phù hợp với độ tuổi	115605	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH không phù hợp với giới tính	115606	☑	☑	☑
MA_BENH_KT	115700	☑	☑	☐
MA_BENH_KT có độ dài tối đa 100 ký tự	115701	☑	☑	☑
MA_BENH_KT có tối đa 12 mã cách nhau bằng ;	115702	☑	☑	☑
MA_BENH_KT không có trong danh mục ICD10	115703	☑	☑	☑
MA_BENH_KT không phù hợp với độ tuổi	115705	☑	☑	☑
MA_BENH_KT không phù hợp với giới tính	115706	☑	☑	☑
MA_BENH_YHCT	115800	☑	☑	☐
MA_BENH_YHCT phải có độ dài tối đa 150 ký tự	115801	☑	☑	☑
MA_BENH_YHCT không được lớn hơn 13 mã	115802	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB	115900	☑	☑	☐
MA_DOITUONG_KCB phải có độ dài 5 ký tự	115901	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB không có trong danh mục MADOITUONG	115902	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB không được bằng 8 khi T_TONGCHI_BH <= 0	115903	☑	☑	☑
MA_NOI_DI	116000	☑	☑	☐
MA_NOI_DI phải có độ dài 5 ký tự	116001	☑	☑	☑
MA_NOI_DI không tồn tại trong DmCSKCB	116002	☑	☑	☑
MA_NOI_DEN	116100	☑	☑	☐
MA_NOI_DEN phải có độ dài 5 ký tự	116101	☑	☑	☑
MA_NOI_DEN không tồn tại trong DmCSKCB	116102	☑	☑	☑
MA_NOI_DEN không được để trống khi MA_LOAI_RV = 2 hoặc 5	116103	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU	116200	☑	☑	☐
NGAY_VAO_NOI_TRU không được để trống	116201	☐	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU phải có độ dài 12 ký tự	116202	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU không được lớn hơn thời gian hiện tại	116203	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU không được nhỏ hơn thời gian vào viện	116204	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU không được lớn hơn thời gian ra viện	116205	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU không được bằng NGAY_VAO	116206	☐	☑	☑
GIAY_CHUYEN_TUYEN	116300	☑	☑	☐
GIAY_CHUYEN_TUYEN có độ dài ký tự	116301	☑	☑	☑
GIAY_CHUYEN_TUYEN có giá trị thì không được để trống MA_NOI_DI	116302	☑	☑	☑
GIAY_CHUYEN_TUYEN không được để trống khi MA_NOI_DI có giá trị	116303	☑	☑	☑
PP_DIEU_TRI	116400	☑	☑	☐
PP_DIEU_TRI không được bỏ trống	116401	☑	☑	☑
MA_LOAI_RV	116500	☑	☑	☐
MA_LOAI_RV phải có giá trị từ 1-5	116501	☑	☑	☑
GHI_CHU	116600	☑	☑	☐
GHI_CHU lớn hơn 4000 kí tự	116601	☑	☑	☑
T_TONGCHI_BV	116700	☐	☑	☐
T_TONGCHI_BV phải có giá trị lớn hơn 0	116701	☐	☑	☑
T_TONGCHI_BV Khác T_BHTT T_BNTT	116702	☐	☑	☑
T_TONGCHI_BH	116800	☐	☑	☐
T_TONGCHI_BH phải có giá trị lớn hơn 0	116801	☐	☑	☑
T_BHTT_GDV	116900	☐	☑	☐
T_BHTT_GDV phải có giá trị lớn hơn 0	116901	☐	☑	☑
CAN_NANG_CON	117000	☑	☑	☐
CAN_NANG_CON có độ dài tối đa 100	117001	☑	☑	☑
NAM_NAM_LIEN_TUC	117100	☑	☑	☐
NAM_NAM_LIEN_TUC phải có độ dài 8 kí tự	117101	☑	☑	☑
NAM_NAM_LIEN_TUC không đúng định dạng ngày tháng	117102	☑	☑	☑
NGAY_TAI_KHAM	117200	☑	☑	☐
NGAY_TAI_KHAM không đúng định dạng ngày tháng	117201	☑	☑	☑
NGAY_TAI_KHAM phải lớn hơn ngày ra viện	117202	☑	☑	☑
MA_HSBA	117300	☑	☑	☐
MA_HSBA không được để trống	117301	☑	☑	☑
MA_HSBA có độ dài tối đa 100	117302	☑	☑	☑
MA_TTDV	117400	☑	☑	☐
MA_TTDV không được để trống	117401	☑	☑	☑
DU_PHONG	117500	☑	☑	☐
DU_PHONG chứa giá trị không phải là số chiều cao hợp lệ.	117501	☑	☑	☑
DU_PHONG chứa chiều cao không hợp lệ.	117502	☑	☑	☑
Thừa thiếu trường dữ liệu	117600	☑	☑	☐
Hồ sơ chuyển tuyến thiếu bảng 1	117601	☑	☑	☑
XML1 thừa trường dữ liệu	117602	☑	☑	☑
XML1 thiếu trường dữ liệu	117603	☑	☑	☑
XMl1 không có nội dung	117604	☑	☑	☑
MA_LOAI_KCB = 3,4,9 ở XML1 thì phải có XML7	117605	☑	☑	☑
Chuẩn dữ liệu cũ	117700	☐	☐	☐
Chuẩn dữ liệu 4210 đã hết hiệu lực	117701	☐	☐	☐
XML2	200000	☑	☑	☐
Validate XML2	210000	☑	☑	☐
MA_LK	210100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	210101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	210102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	210103	☑	☑	☑
STT	210200	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	210201	☑	☑	☑
MA_THUOC	210300	☑	☑	☐
MA_THUOC không được để trống	210301	☑	☑	☑
MA_THUOC không được lớn hơn 255 ký tự	210302	☑	☑	☑
MA_THUOC của chi phí vận chuyển máu không đúng định dạng VM.XXXXX	210303	☑	☑	☑
MA_THUOC của bao bì không đúng định dạng BB.XXXXX	210305	☑	☑	☑
MA_THUOC của chi phí máu không tồn tại trong danh mục DmMau	210308	☑	☑	☑
MA_THUOC của nhóm chi phí không được tồn tại trên XML2	210309	☑	☑	☑
MA_NHOM	210400	☑	☑	☐
MA_NHOM trên XML2 không được để trống	210401	☑	☑	☑
MA_NHOM không thuộc XML2	210402	☑	☑	☑
TEN_THUOC	210500	☑	☑	☐
TEN_THUOC không được để trống	210501	☑	☑	☑

GPP.vn

TEN_THUOC không được lớn hơn 1024 ký tự	210502	☑	☑	☑
DON_VI_TINH	210600	☑	☑	☐
DON_VI_TINH không được để trống	210601	☑	☑	☑
DON_VI_TINH của thuốc không được lớn hơn 50 ký tự	210602	☑	☑	☑
HAM_LUONG	210700	☑	☑	☐
HAM_LUONG không được để trống	210701	☑	☑	☑
HAM_LUONG của thuốc không được lớn hơn 1024 ký tự	210702	☑	☑	☑
DUONG_DUNG	210800	☑	☑	☐
DUONG_DUNG không được để trống	210801	☑	☑	☑
DUONG_DUNG của thuốc không được lớn hơn 4 ký tự	210802	☑	☑	☑
LIEU_DUNG	210900	☑	☑	☐
LIEU_DUNG không được để trống	210901	☑	☑	☑
LIEU_DUNG của thuốc không được lớn hơn 255 ký tự	210902	☑	☑	☑
SO_DANG_KY	211000	☑	☑	☐
SO_DANG_KY không được để trống	211001	☑	☑	☑
SO_DANG_KY của thuốc không được lớn hơn 255 ký tự	211002	☑	☑	☑
SO_DANG_KY của thuốc không được chứa khoảng trắng	211003	☑	☑	☑
TT_THAU	211100	☑	☑	☐
TT_THAU không được để trống	211101	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không được lớn hơn 50 ký tự	211102	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không đúng cấu trúc QĐ;GOI;NHOM	211103	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không được để trống Quyết định	211104	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không được để trống Gói thầu	211105	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không được để trống Nhóm thầu	211106	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không được để trống Năm	211107	☑	☑	☑
TT_THAU của thuốc không đúng định dạng năm	211108	☑	☑	☑
PHAM_VI	211200	☑	☑	☐
PHAM_VI của thuốc phải có giá trị 1,2,3	211201	☑	☑	☑
PHAM_VI của thuốc thì T_BHTT bằng không	211202	☑	☑	☑
PHAM_VI của thuốc thì T_BHTT phải khác không	211203	☑	☑	☑
PHAM_VI của thuốc không hợp lệ với mã thẻ BHYT	211204	☑	☑	☑
TYLE_TT	211300	☑	☑	☐
TYLE_TT không được để trống	211301	☑	☑	☑
TYLE_TT của thuốc phải nằm trong khoảng 0-100	211302	☑	☑	☑
SO_LUONG	211400	☑	☑	☐
SO_LUONG không được để trống	211401	☑	☑	☑
SO_LUONG của thuốc phần số nguyên không được quá 10 chữ số	211402	☑	☑	☑
SO_LUONG của thuốc phần số thập phân không được quá 3 chữ số	211403	☑	☑	☑
DON_GIA	211500	☑	☑	☐
DON_GIA không được để trống	211501	☑	☑	☑
DON_GIA của thuốc phần số nguyên không được quá 15 chữ số	211502	☑	☑	☑
DON_GIA của thuốc phần số thập phân không được quá 3 chữ số	211503	☑	☑	☑
THANH_TIEN	211600	☑	☑	☐
THANH_TIEN không được để trống	211601	☑	☑	☑
THANH_TIEN của thuốc phần số nguyên không được quá 15 chữ số	211602	☑	☑	☑
THANH_TIEN của thuốc phần số thập phân không được quá 2 chữ số	211603	☑	☑	☑
THANH_TIEN của thuốc không đúng với SO_LUONG x DON_GIA =	211604	☑	☑	☑
MUC_HUONG	211700	☑	☑	☐
MUC_HUONG không được nhỏ hơn 1 hoặc lớn hơn 100	211701	☑	☑	☑
MUC_HUONG không hợp lệ	211702	☑	☑	☑
MUC_HUONG có PHAM_VI lớn hơn 1 phải để trống	211703	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC	211800	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC phần số nguyên không được quá 15 chữ số	211801	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC phần số thập phân không được quá 2 chữ số	211802	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC không bằng tổng các T_NGUONKHAC_NSNN T_NGUONKHAC_VTTN	211803	☑	☑	☑
T_BNTT	211900	☑	☑	☐
T_BNTT phần số nguyên không được quá 15 chữ số	211901	☑	☑	☑
T_BNTT phần số thập phân không được quá 2 chữ số	211902	☑	☑	☑
T_BHTT	212000	☑	☑	☐
T_BHTT phần số nguyên không được quá 15 chữ số	212001	☑	☑	☑
T_BHTT phần số thập phân không được quá 2 chữ số	212002	☑	☑	☑
T_BNCCT	212100	☑	☑	☐
T_BNCCT phần số nguyên không được quá 15 chữ số	212101	☑	☑	☑
T_BNCCT phần số thập phân không được quá 2 chữ số	212102	☑	☑	☑
T_NGOAIDS	212200	☑	☑	☐
T_NGOAIDS phần số nguyên không được quá 15 chữ số	212201	☑	☑	☑
T_NGOAIDS phần số thập phân không được quá 2 chữ số	212202	☑	☑	☑
MA_KHOA	212300	☑	☑	☐
MA_KHOA không được để trống	212301	☑	☑	☑
MA_KHOA không được quá 50 ký tự	212302	☑	☑	☑
Thuốc đã cơ cấu vào giá dịch vụ không thanh toán BHYT	212304	☑	☑	☑
MA_BAC_SI	212400	☑	☑	☐
MA_BAC_SI không được để trống	212401	☑	☑	☑
MA_BAC_SI không được quá 255 ký tự	212402	☑	☑	☑
MA_BENH	212500	☑	☑	☐
MA_BENH không được để trống	212501	☑	☑	☑
MA_BENH không được quá 255 ký tự	212502	☑	☑	☑
NGAY_YL	212600	☑	☑	☐
NGAY_YL không được để trống	212601	☑	☑	☑
NGAY_YL không khác 12 ký tự	212602	☑	☑	☑
NGAY_YL không được nhỏ hơn thời gian vào viện	212603	☑	☑	☑
NGAY_YL không được lớn hơn thời gian ra viện	212604	☑	☑	☑
NGAY_YL không được lớn hơn thời gian hiện tại	212605	☑	☑	☑
NGAY_YL không đúng định dạng YYYYMMDDHHMM	212606	☑	☑	☑
NGAY_YL không được bằng thời gian ra viện	212607	☑	☑	☑
NGAY_YL ngoa\u0323i tru\u0301 không được bằng thời gian ra viện	212608	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL	212610	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được để trống	212611	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được nhỏ hơn NGAY_YL	212612	☑	☑	☑
MA_PTTT	212700	☑	☑	☐
MA_PTTT không được để trống	212701	☑	☑	☑
MA_PTTT phải là số từ 0-3	212702	☑	☑	☑
MA_PP_CHEBIEN	212800	☑	☑	☐
MA_PP_CHEBIEN không được để trống	212801	☑	☑	☑
MA_PP_CHEBIEN không được quá 255 ký tự	212802	☑	☑	☑

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

MA_CSKCB_THUOC	212900	✓	✓	☐
MA_CSKCB_THUOC không đúng định dạng C.XXXXX K.XXXXX M.XXXXX HC.XXXXX	212901	✓	✓	✓
DANG_BAO_CHE	213000	✓	✓	☐
DANG_BAO_CHE không được để trống	213001	✓	✓	✓
DANG_BAO_CHE không được quá 1024 ký tự	213002	✓	✓	✓
CACH_DUNG	213100	✓	✓	☐
CACH_DUNG không được quá 1024 ký tự	213101	✓	✓	✓
TYLE_TT_BH	213200	✓	✓	☐
THANH_TIEN_BV	213300	☐	✓	☐
THANH_TIEN_BV không được để trống	213301	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BV không được quá 2 chữ số thập phân	213302	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BV không được quá 15 chữ số nguyên	213303	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BV phải bằng SO_LUONG * DON_GIA	213304	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BH	213400	☐	✓	☐
THANH_TIEN_BH không được để trống	213401	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BH không được quá 2 chữ số thập phân	213402	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BH không được quá 15 chữ số nguyên	213403	☐	✓	✓
THANH_TIEN_BH phải bằng SO_LUONG * DON_GIA * TYLE_TT_BH/100	213404	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_NSNN	213500	☐	✓	☐
T_NGUONKHAC_NSNN không được để trống	213501	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_NSNN không được quá 2 chữ số thập phân	213502	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_NSNN không được quá 15 chữ số nguyên	213503	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTNN	213600	☐	✓	☐
T_NGUONKHAC_VTNN không được để trống	213601	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTNN không được quá 2 chữ số thập phân	213602	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTNN không được quá 15 chữ số nguyên	213603	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTTN	213700	☐	✓	☐
T_NGUONKHAC_VTTN không được để trống	213701	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTTN không được quá 2 chữ số thập phân	213702	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_VTTN không được quá 15 chữ số nguyên	213703	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_CL	213800	☐	✓	☐
T_NGUONKHAC_CL không được để trống	213801	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_CL không được quá 2 chữ số thập phân	213802	☐	✓	✓
T_NGUONKHAC_CL không được quá 15 chữ số nguyên	213803	☐	✓	✓
MA_DICH_VU	213900	✓	✓	☐
MA_DICH_VU không được quá 255 ký tự	213901	✓	✓	✓
NGUON_CTRA	214000	✓	✓	☐
NGUON_CTRA phải có giá trị từ 1 đến 4	214001	✓	✓	✓
VET_THUONG_TP	214100	✓	✓	☐
VET_THUONG_TP phải có giá trị 1	214101	✓	✓	✓
DU_PHONG	214200	✓	✓	☐
DU_PHONG trường này tạm thời để trống	214201	✓	✓	✓
Thừa thiếu trường dữ liệu	214300	✓	✓	☐
Thiếu các trường dữ liệu	214301	✓	✓	✓
Thừa trường dữ liệu	214302	✓	✓	✓
XML3	300000	✓	✓	☐
Validate XML3	310000	✓	✓	☐
MA_LK	310100	✓	✓	☐
MA_LK không được để trống	310101	✓	✓	✓
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	310102	✓	✓	✓
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	310103	✓	✓	✓
STT	310200	✓	✓	☐
STT bị trùng	310201	✓	✓	✓
MA_DICH_VU	310300	✓	✓	☐
MA_DICH_VU không được để trống	310301	✓	✓	✓
MA_DICH_VU không được lớn hơn 50 ký tự	310302	✓	✓	✓
MA_DICH_VU không phù hợp với BN > 16 tuổi	310303	✓	✓	✓
MA_VAT_TU	310400	✓	✓	☐
MA_VAT_TU không được để trống	310401	✓	✓	✓
MA_VAT_TU không được lớn hơn 50 ký tự	310402	✓	✓	✓
VTYT đi kèm DVKT không có trong hồ sơ	310403	✓	✓	✓
MA_NHOM	310500	✓	✓	☐
MA_NHOM không được để trống	310501	✓	✓	✓
MA_NHOM không hợp lệ	310502	✓	✓	✓
MA_NHOM không phù hợp với BN ngoại trú không cấp cứu	310503	✓	✓	✓
GOI_VTYT	310600	✓	✓	☐
GOI_VTYT gói không được để trống	310601	✓	✓	☐
GOI_VTYT chỉ mã hóa khi sử dụng trong DVKT	310602	✓	✓	✓
GOI_VTYT không được lớn hơn 3 ký tự	310603	✓	✓	✓
TEN_VAT_TU	310700	✓	✓	☐
TEN_VAT_TU không được để trống	310701	✓	✓	✓
TEN_VAT_TU không được lớn hơn 1024 ký tự	310702	✓	✓	✓
TEN_DICH_VU	310800	✓	✓	☐
TEN_DICH_VU không được để trống	310801	✓	✓	✓
TEN_DICH_VU không được lớn hơn 1024 ký tự	310802	✓	✓	✓
DON_VI_TINH	310900	✓	✓	☐
DON_VI_TINH không được lớn hơn 50 ký tự	310901	✓	✓	✓
DON_VI_TINH không được để trống	310902	✓	✓	✓
PHAM_VI	311000	✓	✓	☐
PHAM_VI không hợp lệ	311001	✓	✓	✓
SO_LUONG	311100	✓	✓	☐
SO_LUONG không được để trống	311101	✓	✓	✓
SO_LUONG không được lớn hơn 2 số thập phân	311102	✓	✓	✓
SO_LUONG không được lớn hơn 10 số nguyên	311103	✓	✓	✓
DON_GIA	311200	✓	✓	☐
DON_GIA không được để trống	311201	✓	✓	✓
DON_GIA không được lớn hơn 3 số thập phân	311202	✓	✓	✓
DON_GIA không được lớn hơn 15 số nguyên	311203	✓	✓	✓
THANH_TIEN	311300	✓	✓	☐
THANH_TIEN không được để trống	311301	✓	✓	✓
THANH_TIEN không được lớn hơn 2 số thập phân	311302	✓	✓	✓
THANH_TIEN không được lớn hơn 15 số nguyên	311303	✓	✓	✓
THANH_TIEN không đúng với SO_LUONG và DON_GIA	311304	✓	✓	✓
T_TRANTT	311400	✓	✓	☐
T_TRANTT không được lớn hơn 2 số thập phân	311401	✓	✓	✓

GPP.vn

T_TRANTT không được lớn hơn 15 số nguyên	311402	✓	✓	✓
T_NGUONKHAC	311500	✓	✓	☐
T_NGUONKHAC không được lớn hơn 2 số thập phân	311501	✓	✓	✓
T_NGUONKHAC không được lớn hơn 15 số nguyên	311502	✓	✓	✓
T_NGUONKHAC không bằng tổng các T_NGUONKHAC_NSNN T_NGUONKHAC_VTTN	311503	✓	✓	✓
T_BNTT	311600	✓	✓	☐
T_BNTT không được lớn hơn 2 số thập phân	311601	✓	✓	✓
T_BNTT không được lớn hơn 15 số nguyên	311602	✓	✓	✓
T_BHTT	311700	✓	✓	☐
T_BHTT không được lớn hơn 2 số thập phân	311701	✓	✓	✓
T_BHTT không được lớn hơn 15 số nguyên	311702	✓	✓	✓
T_BNCCT	311800	✓	✓	☐
T_BNCCT không được lớn hơn 2 số thập phân	311801	✓	✓	✓
T_BNCCT không được lớn hơn 15 số nguyên	311802	✓	✓	✓
T_NGOAIDS	311900	✓	✓	☐
T_NGOAIDS không được lớn hơn 2 số thập phân	311901	✓	✓	✓
T_NGOAIDS không được lớn hơn 15 số nguyên	311902	✓	✓	✓
TT_THAU	312000	✓	✓	☐
TT_THAU không được để trống	312001	✓	✓	✓
TT_THAU không được lớn hơn 50 ký tự	312002	✓	✓	✓
TT_THAU phải có định dạng XXXX.YY.Z	312003	✓	✓	✓
TT_THAU phải có định dạng năm	312004	✓	✓	✓
TT_THAU Quyết định không được để trống	312005	✓	✓	✓
TT_THAU Gói thầu không được để trống	312006	✓	✓	✓
TT_THAU Nhóm thầu không được để trống	312007	✓	✓	✓
TT_THAU Mã cskcb không được để trống	312008	✓	✓	✓
TYLE_TT	313000	✓	✓	☐
TYLE_TT phải nằm trong khoảng 0-100 khi phạm vi bằng 1	313001	✓	✓	✓
TYLE_TT phải bằng 0 khi phạm vi khác 1	313002	✓	✓	✓
MUC_HUONG	314000	✓	✓	☐
MUC_HUONG phải nằm trong khoảng 1-100 khi phạm vi bằng 1	314001	✓	✓	✓
MA_KHOA	315000	✓	✓	☐
MA_KHOA không được để trống	315001	✓	✓	✓
MA_KHOA không được quá 50 ký tự	315002	✓	✓	✓
MA_GIUONG	316000	✓	✓	☐
MA_GIUONG không được để trống	316001	✓	✓	✓
MA_GIUONG không được quá 4 ký tự	316002	✓	✓	✓
MA_GIUONG không đúng cấu trúc HXXX TXXX CXXX KXXX	316003	✓	✓	✓
MA_GIUONG chưa có trong danh mục Giường	316004	✓	✓	✓
MA_BAC_SI	317000	✓	✓	☐
MA_BAC_SI không được để trống	317001	✓	✓	✓
MA_BAC_SI không được quá 255 ký tự	317002	✓	✓	✓
MA_BENH	318000	✓	✓	☐
MA_BENH của DVKT không được để trống	318001	✓	✓	✓
MA_BENH không được quá 100 ký tự	318002	✓	✓	✓
MA_BENH của VTYT không được để trống	318003	✓	✓	✓
NGAY_YL	319000	✓	✓	☐
NGAY_YL không được để trống	319001	✓	✓	✓
NGAY_YL không được lớn hơn ngày hiện tại	319002	✓	✓	✓
NGAY_YL không được nhỏ hơn thời gian vào viện	319003	✓	✓	✓
NGAY_YL không được lớn hơn thời gian ra viện	319004	✓	✓	✓
NGAY_YL không đúng định dạng ngày tháng	319005	✓	✓	✓
NGAY_KQ	320000	✓	✓	☐
NGAY_KQ cu\u0309a VTYT không được để trống	320001	✓	✓	✓
NGAY_KQ của Vận chuyển không được để trống	320002	✓	✓	✓
NGAY_KQ của dịch vụ không được để trống	320003	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được lớn hơn ngày hiện tại	320004	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được nhỏ hơn thời gian vào viện	320005	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được lớn hơn thời gian ra viện	320006	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được bằng NGAY_YL	320007	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được bằng NGAY_TH_YL	320008	✓	✓	✓
NGAY_KQ không được nhỏ hơn NGAY_YL	320009	✓	✓	✓
MA_PTTT	321000	✓	✓	☐
MA_PTTT không được để trống	321001	✓	✓	✓
MA_PTTT không đúng định dạng số từ 1-3	321002	✓	✓	✓
MA_PTTT_QT	322000	✓	✓	☐
MA_PTTT_QT không được để trống	322001	✓	✓	✓
MA_PTTT_QT không được lớn hơn 255 ký tự	322002	✓	✓	✓
MA_XANG_DAU	323000	✓	✓	☐
MA_XANG_DAU không được để trống	323001	✓	✓	✓
MA_XANG_DAU không được lớn hơn 20 ký tự	323002	✓	✓	✓
DON_GIA_BV	324000	✓	✓	☐
DON_GIA_BV không được để trống	324001	✓	✓	✓
DON_GIA_BV không được lớn hơn 3 số thập phân	324002	✓	✓	✓
DON_GIA_BV không được lớn hơn 15 số nguyên	324003	✓	✓	✓
DON_GIA_BV không được lớn hơn 15 số nguyên	324004	✓	✓	✓
DON_GIA_BH	325000	✓	✓	☐
DON_GIA_BH không được để trống	325001	✓	✓	✓
DON_GIA_BH không được lớn hơn 3 số thập phân	325002	✓	✓	✓
DON_GIA_BH không được lớn hơn 15 số nguyên	325003	✓	✓	✓
DON_GIA_BH không được lớn hơn 15 số nguyên	325004	✓	✓	✓
TYLE_TT_DV	326000	✓	✓	☐
TYLE_TT_DV không được để trống	326001	✓	✓	✓
TYLE_TT_DV phải nằm trong khoảng 1-100	326002	✓	✓	✓
TYLE_TT_BH	327000	✓	✓	☐
TYLE_TT_BH không được để trống	327001	✓	✓	✓
TYLE_TT_BH phải nằm trong khoảng 1-100	327002	✓	✓	✓
TYLE_TT_BH phải bằng 0 khi PHAM_VI # 1	327003	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BV	328000	✓	✓	☐
THANH_TIEN_BV không được để trống	328001	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BV không được lớn hơn 3 số thập phân	328002	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BV không được lớn hơn 15 số nguyên	328003	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BV không được lớn hơn 15 số nguyên	328004	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BV không đúng công thức THANH_TIEN_BV = SO_LUONG * DON_GIA_BV * TYLE_TT_DV/100	328005	✓	✓	✓
THANH_TIEN_BH	329000	✓	✓	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

THANH_TIEN_BH không được để trống	329001	☑	☑	☑
THANH_TIEN_BH không được lớn hơn 3 số thập phân	329002	☑	☑	☑
THANH_TIEN_BH không được lớn hơn 15 số nguyên	329003	☑	☑	☑
THANH_TIEN_BH không được lớn hơn 15 số nguyên	329004	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_NSNN	330000	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC_NSNN không được để trống	330001	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_NSNN không được lớn hơn 3 số thập phân	330002	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_NSNN không được lớn hơn 15 số nguyên	330003	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_NSNN không được lớn hơn 15 số nguyên	330004	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTNN	331000	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC_VTNN không được để trống	331001	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTNN không được lớn hơn 3 số thập phân	331002	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTNN không được lớn hơn 15 số nguyên	331003	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTNN không được lớn hơn 15 số nguyên	331004	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTTN	332000	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC_VTTN không được để trống	332001	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTTN không được lớn hơn 3 số thập phân	332002	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTTN không được lớn hơn 15 số nguyên	332003	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_VTTN không được lớn hơn 15 số nguyên	332004	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_CL	333000	☑	☑	☐
T_NGUONKHAC_CL không được để trống	333001	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_CL không được lớn hơn 3 số thập phân	333002	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_CL không được lớn hơn 15 số nguyên	333003	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC_CL không được lớn hơn 15 số nguyên	333004	☑	☑	☑
NGUOI_THUC_HIEN	334000	☑	☑	☐
NGUOI_THUC_HIEN DVKT không được để trống	334001	☑	☑	☑
NGUOI_THUC_HIEN không được lớn hơn 255 ký tự	334002	☑	☑	☑
NGUOI_THUC_HIEN VTYT không được để trống	334003	☑	☑	☑
MA_BENH_YHCT	335000	☑	☑	☐
MA_BENH_YHCT không được để trống	335001	☑	☑	☑
MA_BENH_YHCT không được lớn hơn 255 ký tự	335002	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL	336000	☑	☑	☐
NGAY_TH_YL không được để trống	336001	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được sau ngày hiện tại	336002	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được trước ngày vào viện	336003	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được sau ngày ra viện	336004	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được trước ngày y lệnh	336005	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không đúng định dạng ngày tháng	336006	☑	☑	☑
NGAY_TH_YL không được sau ngày kết quả	336007	☑	☑	☑
VET_THUONG_TP	337000	☑	☑	☐
VET_THUONG_TP không đúng định dạng	337001	☑	☑	☑
PP_VO_CAM	338000	☑	☑	☐
PP_VO_CAM không đúng định dạng 1-4	338001	☑	☑	☑
PP_VO_CAM không phu\u0300 hơ\u0323p vơ\u0301i di\u0323ch vu\u0323	338002	☑	☑	☑
PP_VO_CAM không phu\u0300 hơ\u0323p vơ\u0301i di\u0323ch vu\u0323	338003	☑	☑	☑
VI_TRI_TH_DVKT	339000	☑	☑	☐
VI_TRI_TH_DVKT không đúng định dạng 1-100	339001	☑	☑	☑
MA_MAY	340000	☑	☑	☐
MA_MAY lớn hơn 1024 ký tự	340001	☑	☑	☑
MA_MAY không đúng định dạng XX.n.YYYYY.Z	340002	☑	☑	☑
MA_MAY Mã nhóm phải có độ dài 2-3 kí tự	340003	☑	☑	☑
MA_MAY Nguồn kinh phí phải có giá trị 1-3	340004	☑	☑	☑
MA_MAY Mã cơ sở kcb phải có độ dài 5 ký tự	340005	☑	☑	☑
MA_MAY Không đúng với MA_CSKCB	340006	☑	☑	☑
MA_MAY Số seri không được để trống	340007	☑	☑	☑
MA_MAY không được để trống khi mã nhóm 1,2,3	340008	☑	☑	☑
MA_MAY không được để trống khi mã nhóm 8	340009	☑	☑	☑
MA_MAY không được để trống khi mã nhóm 18	340010	☐	☑	☑
MA_HIEU_SP	341000	☐	☑	☐
MA_HIEU_SP tối đa 255 ký tự	341001	☐	☑	☑
TAI_SU_DUNG	342000	☑	☑	☐
TAI_SU_DUNG phải có giá trị bằng 1 hoặc để trống	342001	☑	☑	☑
DU_PHONG	343000	☑	☑	☐
DU_PHONG tạm thời để trống	343001	☑	☑	☑
Thừa thiếu trường dữ liệu	344000	☑	☑	☐
Thiếu các trường dữ liệu	344001	☑	☑	☑
Thừa trường dữ liệu	344002	☑	☑	☑
XML4	400000	☑	☑	☐
Validate XML4	410000	☑	☑	☐
MA_LK	410100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	410101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	410102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	410103	☑	☑	☑
STT	410200	☑	☑	☐
STT bị trùng	410201	☑	☑	☑
MA_DICH_VU	410300	☑	☑	☐
MA_DICH_VU không được để trống	410301	☑	☑	☑
MA_DICH_VU không được lớn hơn 50 ký tự	410302	☑	☑	☑
MA_DICH_VU không tồn tại trong XML3	410303	☑	☑	☑
MA_CHI_SO	410400	☐	☑	☐
MA_CHI_SO không được để trống	410401	☐	☑	☑
MA_CHI_SO không được lớn hơn 50 ký tự	410402	☐	☑	☑
TEN_CHI_SO	410500	☐	☑	☐
TEN_CHI_SO không được để trống	410501	☐	☑	☑
TEN_CHI_SO không được lớn hơn 255 ký tự	410502	☐	☑	☑
GIA_TRI	410600	☑	☑	☐
GIA_TRI không được lớn hơn 255 ký tự	410602	☑	☑	☑
MA_MAY	410700	☑	☑	☐
MA_MAY không được để trống	410701	☑	☑	☑
MA_MAY không đúng cấu trúc Nhóm.Nguồn tài chính.Mã bv.Serial	410702	☑	☑	☑
MA_MAY Nhóm không đúng độ dài	410703	☑	☑	☑
MA_MAY Nguồn tài chính phải là số từ 1-3	410704	☑	☑	☑
MA_MAY Không đúng với MA_CSKCB	410705	☑	☑	☑
MA_MAY Serial không được để trống	410706	☑	☑	☑
MO_TA	410800	☐	☑	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

MO_TA chứa các kí tự đặc biệt	410801	☐	☑	☑
KET_LUAN	410900	☐	☑	☐
KET_LUAN chứa các kí tự đặc biệt	410901	☐	☑	☑
KET_LUAN không được để trống khi mã nhóm = 2	410902	☐	☑	☑
NGAY_KQ	411000	☑	☑	☐
NGAY_KQ không được lớn hơn thời gian hiện tại	411001	☑	☑	☑
NGAY_KQ không được nhỏ hơn ngày vào	411002	☑	☑	☑
DON_VI_DO	411100	☑	☑	☐
DON_VI_DO không được lớn hơn 50 ký tự	411101	☑	☑	☑
MA_BS_DOC_KQ	411200	☑	☑	☐
MA_BS_DOC_KQ không được lớn hơn 255 ký tự	411201	☑	☑	☑
MA_BS_DOC_KQ không được để trống	411202	☑	☑	☑
DU_PHONG	411300	☑	☑	☐
DU_PHONG Tạm thời để trống	411301	☑	☑	☑
Thừa thiếu trường dữ liệu	411400	☑	☑	☐
Thiếu trường dữ liệu	411401	☑	☑	☑
Thừa trường dữ liệu	411402	☑	☑	☑
XML5	500000	☑	☑	☐
Validate XML5	510000	☑	☑	☐
MA_LK	510100	☑	☑	☐
STT	510200	☑	☑	☐
STT bị trùng	510201	☑	☑	☑
DIEN_BIEN	510300	☑	☑	☐
DIEN_BIEN có độ dài không được lớn hơn 4000 ký tự	510301	☑	☑	☑
DIEN_BIEN không được chứa kí tự đặc biệt	510302	☑	☑	☑
HOI_CHAN	510400	☑	☑	☐
HOI_CHAN có độ dài không được lớn hơn 4000 ký tự	510401	☑	☑	☑
HOI_CHAN không được chứa kí tự đặc biệt	510402	☑	☑	☑
PHAU_THUAT	510500	☑	☑	☐
PHAU_THUAT có độ dài không được lớn hơn 4000 ký tự	510501	☑	☑	☑
PHAU_THUAT không được chứa kí tự đặc biệt	510502	☑	☑	☑
NGAY_YL	510600	☑	☑	☐
XML5>STT >NGAY_YL không được lớn hơn thời gian hiện tại	510601	☑	☑	☑
XML5>STT >NGAY_YL không được nhỏ hơn NGAY_VAO	510602	☑	☑	☑
XML5>STT >NGAY_YL không được lớn hơn NGAY_RA	510603	☑	☑	☑
DIEN_BIEN_LS	510700	☑	☑	☐
DIEN_BIEN_LS có độ dài không được lớn hơn 4000 ký tự	510701	☑	☑	☑
DIEN_BIEN_LS gây lỗi dữ liệu xml	510702	☑	☑	☑
GIAI_DOAN_BENH	510800	☑	☑	☐
GIAI_DOAN_BENH có độ dài không được lớn hơn 4000 ký tự	510801	☑	☑	☑
GIAI_DOAN_BENH không được chứa kí tự đặc biệt	510802	☑	☑	☑
THOI_DIEM_DBLS	510900	☑	☑	☐
THOI_DIEM_DBLS không được lớn hơn thời gian hiện tại	510901	☑	☑	☑
THOI_DIEM_DBLS không được nhỏ hơn NGAY_VAO	510902	☑	☑	☑
THOI_DIEM_DBLS không được lớn hơn NGAY_RA	510903	☑	☑	☑
THOI_DIEM_DBLS không đúng định dạng ngày tháng	510904	☑	☑	☑
NGUOI_THUC_HIEN	511000	☑	☑	☐
NGUOI_THUC_HIEN có độ dài không được lớn hơn 255 ký tự	511001	☑	☑	☑
NGUOI_THUC_HIEN không được để trống	511002	☑	☑	☑
DU_PHONG	511100	☑	☑	☐
DU_PHONG tạm thời để trống	511101	☑	☑	☑
Thừa thiếu trường dữ liệu	511200	☑	☑	☐
Thiếu các trường dữ liệu	511201	☑	☑	☑
Thừa trường dữ liệu	511202	☑	☑	☑
XML6	520000	☑	☑	☐
Validate XML6	521000	☑	☑	☐
MA_LK	521100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	521101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	521102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	521103	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT	521200	☑	☑	☐
MA_THE_BHYT không được để trống	521201	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT phải có 15 ký tự	521202	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT không được khác MA_THE_BHYT của XML1	521203	☑	☑	☑
SO_CCCD	521300	☑	☑	☐
SO_CCCD không đúng định dạng	521301	☑	☑	☑
NGAYKD_HIV	521400	☑	☑	☐
NGAYKD_HIV không được để trống	521401	☑	☑	☑
NGAYKD_HIV phải có 8 ký tự	521402	☑	☑	☑
NGAYKD_HIV không đúng định dạng yyyyMMdd	521403	☑	☑	☑
BDDT_ARV	521500	☑	☑	☐
BDDT_ARV không được để trống	521501	☑	☑	☑
BDDT_ARV phải có 8 ký tự	521502	☑	☑	☑
BDDT_ARV không đúng định dạng yyyyMMdd	521503	☑	☑	☑
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI_BD	521600	☑	☑	☐
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI_BD không được để trống	521601	☑	☑	☑
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI_BD không được lớn hơn 200 ký tự	521602	☑	☑	☑
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI_BD không có trong danh mục phác đồ HIV	521603	☑	☑	☑
MA_BAC_PHAC_DO_BD	521700	☑	☑	☐
MA_BAC_PHAC_DO_BD không được để trống khi MA_PHAC_DO_DIEU_TRI_BD = KHAC	521701	☑	☑	☑
MA_BAC_PHAC_DO_BD không được lớn hơn 1 ký tự	521703	☑	☑	☑
MA_BAC_PHAC_DO_BD không có trong danh mục phác đồ HIV	521704	☑	☑	☑
MA_LYDO_DTRI	521800	☑	☑	☐
MA_LYDO_DTRI không được để trống	521801	☑	☑	☑
MA_LYDO_DTRI phải có giá trị từ 1-5	521802	☑	☑	☑
LOAI_DTRI_LAO	521900	☑	☑	☐
LOAI_DTRI_LAO không được để trống	521901	☑	☑	☑
LOAI_DTRI_LAO phải có giá trị từ 0-3	521902	☑	☑	☑
PHACDO_DTRI_LAO	522000	☑	☑	☐
PHACDO_DTRI_LAO không được để trống khi LOAI_DTRI_LAO khác 0	522001	☑	☑	☑
PHACDO_DTRI_LAO phải có giá trị từ 1-12	522002	☑	☑	☑
NGAYBD_DTRI_LAO	522100	☑	☑	☐
NGAYBD_DTRI_LAO không được để trống khi LOAI_DTRI_LAO khác 0	522101	☑	☑	☑
NGAYBD_DTRI_LAO phải có 8 ký tự	522102	☑	☑	☑
NGAYBD_DTRI_LAO không đúng định dạng yyyyMMdd	522103	☑	☑	☑

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

NGAYKT_DTRI_LAO	522200	✓	✓	☐
NGAYKT_DTRI_LAO không được để trống khi LOAI_DTRI_LAO khác 0	522201	✓	✓	✓
NGAYKT_DTRI_LAO phải có 8 ký tự	522202	✓	✓	✓
NGAYKT_DTRI_LAO không đúng định dạng yyyyMMdd	522203	✓	✓	✓
MA_LYDO_XNTL_VR	522300	✓	✓	☐
MA_LYDO_XNTL_VR không được để trống	522301	✓	✓	✓
MA_LYDO_XNTL_VR phải có giá trị từ 1-3	522302	✓	✓	✓
NGAY_XN_TLVR	522400	✓	✓	☐
NGAY_XN_TLVR không được để trống	522401	✓	✓	✓
NGAY_XN_TLVR phải có 8 ký tự	522402	✓	✓	✓
NGAY_XN_TLVR không đúng định dạng yyyyMMdd	522403	✓	✓	✓
KQ_XNTL_VR	522500	✓	✓	☐
KQ_XNTL_VR không được để trống	522501	✓	✓	✓
KQ_XNTL_VR phải có giá trị từ 1-5	522502	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_TLVR	522600	✓	✓	☐
NGAY_KQ_XN_TLVR không được để trống	522601	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_TLVR phải có 8 ký tự	522602	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_TLVR không đúng định dạng yyyyMMdd	522603	✓	✓	✓
MA_LOAI_BN	522700	✓	✓	☐
MA_LOAI_BN không được để trống	522701	✓	✓	✓
MA_LOAI_BN phải có giá trị từ 1-5	522702	✓	✓	✓
MA_TINH_TRANG_DK	522800	✓	✓	☐
MA_TINH_TRANG_DK không được để trống	522801	✓	✓	✓
MA_TINH_TRANG_DK phải có giá trị từ 1-9	522802	✓	✓	✓
MA_TINH_TRANG_DK phải có tuổi nhỏ hơn 18 tháng	522803	✓	✓	✓
LAN_XN_PCR	522900	✓	✓	☐
LAN_XN_PCR không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	522901	✓	✓	✓
LAN_XN_PCR phải có giá trị từ 1-3	522902	✓	✓	✓
NGAY_XN_PCR	523000	✓	✓	☐
NGAY_XN_PCR không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523001	✓	✓	✓
NGAY_XN_PCR phải có 8 ký tự	523002	✓	✓	✓
NGAY_XN_PCR không đúng định dạng yyyyMMdd	523003	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_PCR	523100	✓	✓	☐
NGAY_KQ_XN_PCR không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523101	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_PCR phải có 8 ký tự	523102	✓	✓	✓
NGAY_KQ_XN_PCR không đúng định dạng yyyyMMdd	523103	✓	✓	✓
MA_KQ_XN_PCR	523200	✓	✓	☐
MA_KQ_XN_PCR không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523201	✓	✓	✓
MA_KQ_XN_PCR phải có giá trị từ 0-1	523202	✓	✓	✓
NGAY_NHAN_TT_MANG_THAI	523300	✓	✓	☐
NGAY_NHAN_TT_MANG_THAI không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523301	✓	✓	✓
NGAY_NHAN_TT_MANG_THAI phải có 8 ký tự	523302	✓	✓	✓
NGAY_NHAN_TT_MANG_THAI không đúng định dạng yyyyMMdd	523303	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_DT_CTX	523400	✓	✓	☐
NGAY_BAT_DAU_DT_CTX không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523401	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_DT_CTX phải có 8 ký tự	523402	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_DT_CTX không đúng định dạng yyyyMMdd	523403	✓	✓	✓
MA_XU_TRI	523500	✓	✓	☐
MA_XU_TRI không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1	523501	✓	✓	✓
MA_XU_TRI phải có giá trị từ 1-7	523502	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_XU_TRI	523600	✓	✓	☐
NGAY_BAT_DAU_XU_TRI không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1 và MA_XU_TRI có chứa 1	523601	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_XU_TRI phải có 8 ký tự	523602	✓	✓	✓
NGAY_BAT_DAU_XU_TRI không đúng định dạng yyyyMMdd	523603	✓	✓	✓
NGAY_KET_THUC_XU_TRI	523700	✓	✓	☐
NGAY_KET_THUC_XU_TRI không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1 và MA_XU_TRI có chứa 1	523701	✓	✓	✓
NGAY_KET_THUC_XU_TRI phải có 8 ký tự	523702	✓	✓	✓
NGAY_KET_THUC_XU_TRI không đúng định dạng yyyyMMdd	523703	✓	✓	✓
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI	523800	✓	✓	☐
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI không được để trống khi MA_TINH_TRANG_DK = 1 và MA_XU_TRI có chứa 1	523801	✓	✓	✓
MA_PHAC_DO_DIEU_TRI phải có giá trị từ 1-12 hoặc KHAC	523802	✓	✓	✓
MA_BAC_PHAC_DO	523900	✓	✓	☐
MA_BAC_PHAC_DO không được để trống khi MA_PHAC_DO_DIEU_TRI = KHAC	523901	✓	✓	✓
MA_BAC_PHAC_DO phải có giá trị từ 1-3	523902	✓	✓	✓
SO_NGAY_CAP_THUOC_ARV	524000	✓	✓	☐
SO_NGAY_CAP_THUOC_ARV không được để trống khi MA_XU_TRI có chứa 1	524001	✓	✓	✓
SO_NGAY_CAP_THUOC_ARV phải nhỏ hơn hoặc bằng NGAY_KET_THUC_XU_TRI	524002	✓	✓	✓
DU_PHONG	524100	✓	✓	☐
DU_PHONG tạm thời bỏ trống	524101	✓	✓	✓
XML7	530000	✓	✓	☐
Validate XML7	531000	✓	✓	☐
MA_LK	531100	✓	✓	☐
MA_LK không được để trống	531101	✓	✓	✓
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	531102	✓	✓	✓
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	531103	✓	✓	✓
SO_LUU_TRU	531200	✓	✓	☐
SO_LUU_TRU không được để trống	531201	✓	✓	✓
SO_LUU_TRU không được lớn hơn 200 ký tự	531202	✓	✓	✓
MA_YTE	531300	✓	✓	☐
MA_YTE không được để trống	531301	✓	✓	✓
MA_YTE không được lớn hơn 200 ký tự	531302	✓	✓	✓
MA_YTE không được khác MA_BN của XML1	531303	✓	✓	✓
MA_KHOA_RV	531400	✓	✓	☐
MA_KHOA_RV không được để trống	531401	✓	✓	✓
MA_KHOA_RV không được lớn hơn 200 ký tự	531402	✓	✓	✓
MA_KHOA_RV không có trong MA_KHOA của XML1	531403	✓	✓	✓
NGAY_VAO	531500	✓	✓	☐
NGAY_VAO không được để trống	531501	✓	✓	✓
NGAY_VAO không được lớn hơn 12 ký tự	531502	✓	✓	✓
NGAY_VAO không đúng định dạng ngày	531503	✓	✓	✓
NGAY_VAO không được khác NGAY_VAO của XML1	531504	✓	✓	✓
NGAY_RA	531600	✓	✓	☐
NGAY_RA không được để trống	531601	✓	✓	✓
NGAY_RA không được lớn hơn 12 ký tự	531602	✓	✓	✓
NGAY_RA không đúng định dạng ngày	531603	✓	✓	✓

GPP.vn

NGAY_RA không được khác NGAY_RA của XML1	531604	✓	✓	✓
MA_DINH_CHI_THAI	531700	✓	✓	☐
MA_DINH_CHI_THAI không được để trống	531701	✓	✓	✓
MA_DINH_CHI_THAI không được lớn hơn 1 ký tự	531702	✓	✓	✓
MA_DINH_CHI_THAI không đúng định dạng	531703	✓	✓	✓
NGUYENNHAN_DINHCHI	531800	✓	✓	☐
NGUYENNHAN_DINHCHI không được để trống	531801	✓	✓	✓
NGUYENNHAN_DINHCHI không được lớn hơn 1500 ký tự	531802	✓	✓	✓
THOIGIAN_DINHCHI	531900	✓	✓	☐
THOIGIAN_DINHCHI không được để trống	531901	✓	✓	✓
THOIGIAN_DINHCHI không được lớn hơn 12 ký tự	531902	✓	✓	✓
THOIGIAN_DINHCHI không đúng định dạng ngày	531903	✓	✓	✓
TUOI_THAI	532000	✓	✓	☐
TUOI_THAI không được để trống	532001	✓	✓	✓
TUOI_THAI không được lớn hơn 2 ký tự	532002	✓	✓	✓
TUOI_THAI không đúng định dạng số	532003	✓	✓	✓
CHAN_DOAN_RV	532100	✓	✓	☐
CHAN_DOAN_RV không được để trống	532101	✓	✓	✓
CHAN_DOAN_RV không được lớn hơn 1500 ký tự	532102	✓	✓	✓
PP_DIEUTRI	532200	✓	✓	☐
PP_DIEUTRI không được để trống	532201	✓	✓	✓
PP_DIEUTRI không được lớn hơn 1500 ký tự	532202	✓	✓	✓
GHI_CHU	532300	☐	✓	☐
GHI_CHU không được để trống	532301	☐	✓	✓
GHI_CHU không được lớn hơn 1500 ký tự	532302	✓	✓	✓
MA_TTDV	532400	✓	✓	☐
MA_TTDV không được để trống	532401	✓	✓	✓
MA_TTDV không được lớn hơn 10 ký tự	532402	✓	✓	✓
MA_BS	532500	✓	✓	☐
MA_BS không được để trống	532501	✓	✓	✓
MA_BS không được lớn hơn 200 ký tự	532502	✓	✓	✓
TEN_BS	532600	✓	✓	☐
TEN_BS không được để trống	532601	✓	✓	✓
TEN_BS không được lớn hơn 255 ký tự	532602	✓	✓	✓
NGAY_CT	532700	✓	✓	☐
NGAY_CT không được để trống	532701	✓	✓	✓
NGAY_CT không được lớn hơn 8 ký tự	532702	✓	✓	✓
NGAY_CT không đúng định dạng ngày	532703	✓	✓	✓
MA_CHA	532800	☐	✓	☐
MA_CHA không được để trống	532801	☐	✓	✓
MA_CHA không được lớn hơn 10 ký tự	532802	☐	✓	✓
MA_ME	532900	☐	✓	☐
MA_ME không được để trống	532901	☐	✓	✓
MA_ME không được lớn hơn 10 ký tự	532902	☐	✓	✓
MA_THE_TAM	533000	✓	✓	☐
MA_THE_TAM không đúng định dạng	533001	✓	✓	✓
MA_THE_TAM không trùng MA_THE_BHYT của XML1	533002	✓	✓	✓
MA_THE_TAM không hợp lý	533003	✓	✓	✓
HO_TEN_CHA	533100	☐	✓	☐
HO_TEN_CHA không được để trống	533101	☐	✓	✓
HO_TEN_CHA không được lớn hơn 255 ký tự	533102	☐	✓	✓
HO_TEN_ME	533200	☐	✓	☐
HO_TEN_ME không được để trống	533201	☐	✓	✓
HO_TEN_ME không được lớn hơn 255 ký tự	533202	☐	✓	✓
SO_NGAY_NGHI	533300	✓	✓	☐
SO_NGAY_NGHI không được để trống	533301	✓	✓	✓
SO_NGAY_NGHI không được lớn hơn 2 ký tự	533302	✓	✓	✓
SO_NGAY_NGHI không đúng định dạng số	533303	✓	✓	✓
NGOAITRU_TUNGAY	533400	✓	✓	☐
NGOAITRU_TUNGAY không được để trống	533401	✓	✓	✓
NGOAITRU_TUNGAY không được lớn hơn 8 ký tự	533402	✓	✓	✓
NGOAITRU_TUNGAY không đúng định dạng ngày	533403	✓	✓	✓
NGOAITRU_DENNGAY	533500	✓	✓	☐
NGOAITRU_DENNGAY không được để trống	533501	✓	✓	✓
NGOAITRU_DENNGAY không được lớn hơn 8 ký tự	533502	✓	✓	✓
NGOAITRU_DENNGAY không đúng định dạng ngày	533503	✓	✓	✓
XML8	540000	✓	✓	☐
Validate XML8	541000	✓	✓	☐
MA_LK	541100	✓	✓	☐
MA_LK không được để trống	541101	✓	✓	✓
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	541102	✓	✓	✓
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	541103	✓	✓	✓
MA_LOAI_KCB	541200	✓	✓	☐
MA_LOAI_KCB không được để trống	541201	✓	✓	✓
MA_LOAI_KCB không được lớn hơn 2 ký tự	541202	✓	✓	✓
MA_LOAI_KCB không hợp lệ	541203	✓	✓	✓
HO_TEN_CHA	541300	✓	✓	☐
HO_TEN_CHA không được lớn hơn 255 ký tự	541301	✓	✓	✓
HO_TEN_ME	541400	✓	✓	☐
HO_TEN_ME không được lớn hơn 255 ký tự	541401	✓	✓	✓
NGUOI_GIAM_HO	541500	✓	✓	☐
NGUOI_GIAM_HO không được lớn hơn 255 ký tự	541501	✓	✓	✓
DON_VI	541600	✓	✓	☐
DON_VI không được lớn hơn 1024 ký tự	541601	✓	✓	✓
NGAY_VAO	541700	✓	✓	☐
NGAY_VAO không được để trống	541701	✓	✓	✓
NGAY_VAO không được lớn hơn 12 ký tự	541702	✓	✓	✓
NGAY_VAO không hợp lệ	541703	✓	✓	✓
NGAY_VAO không được lớn hơn thời gian hiện tại	541704	✓	✓	✓
NGAY_RA	541800	✓	✓	☐
NGAY_RA không được để trống	541801	✓	✓	✓
NGAY_RA không được lớn hơn 12 ký tự	541802	✓	✓	✓
NGAY_RA không hợp lệ	541803	✓	✓	✓
NGAY_RA không được lớn hơn thời gian hiện tại	541804	✓	✓	✓
CHAN_DOAN_VAO	541900	✓	✓	☐

GPP.vn

CHAN_DOAN_VAO không được lớn hơn 1024 ký tự	541901	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_VAO không được để trống	541902	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV	542000	☑	☑	☐
CHAN_DOAN_RV không được lớn hơn 1024 ký tự	542001	☑	☑	☑
QT_BENHLY	542100	☑	☑	☐
QT_BENHLY không được để trống	542101	☑	☑	☑
TOMTAT_KQ	542200	☑	☑	☐
TOMTAT_KQ không được lớn hơn 4000 ký tự	542201	☑	☑	☑
TOMTAT_KQ không được để trống	542202	☑	☑	☑
PP_DIEUTRI	542300	☑	☑	☐
PP_DIEUTRI không được lớn hơn 1024 ký tự	542301	☑	☑	☑
PP_DIEUTRI không được để trống	542302	☑	☑	☑
NGAY_SINHCON	542400	☑	☑	☐
NGAY_SINHCON không được lớn hơn 8 ký tự	542401	☑	☑	☑
NGAY_SINHCON không hợp lệ	542402	☑	☑	☑
NGAY_CONCHET	542500	☑	☑	☐
NGAY_CONCHET không được lớn hơn 8 ký tự	542501	☑	☑	☑
NGAY_CONCHET không hợp lệ	542502	☑	☑	☑
SO_CONCHET	542600	☑	☑	☐
SO_CONCHET không được lớn hơn 2 ký tự	542601	☑	☑	☑
SO_CONCHET không hợp lệ	542602	☑	☑	☑
KET_QUA_DTRI	542700	☑	☑	☐
KET_QUA_DTRI không được lớn hơn 1 ký tự	542701	☑	☑	☑
KET_QUA_DTRI không hợp lệ	542702	☑	☑	☑
GHI_CHU	542800	☑	☑	☐
GHI_CHU không được lớn hơn 1024 ký tự	542801	☑	☑	☑
MA_TTDV	542900	☑	☑	☐
MA_TTDV không được lớn hơn 10 ký tự	542901	☑	☑	☑
NGAY_CT	543000	☑	☑	☐
NGAY_CT không được để trống	543001	☑	☑	☑
NGAY_CT không đúng định dạng	543002	☑	☑	☑
NGAY_CT không hợp lệ	543003	☑	☑	☑
NGAY_CT không được lớn hơn thời gian hiện tại	543004	☑	☑	☑
MA_THE_TAM	543100	☑	☑	☐
MA_THE_TAM không được lớn hơn 15 ký tự	543101	☑	☑	☑
DU_PHONG	543200	☑	☑	☐
DU_PHONG tạm thời để trống	543201	☑	☑	☑
XML9	550000	☑	☑	☐
Validate XML9	551000	☑	☑	☐
MA_LK	551100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	551101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	551102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	551103	☑	☑	☑
MA_BHXH_NND	551200	☑	☑	☐
MA_BHXH_NND không được lớn hơn 10 ký tự	551201	☑	☑	☑
MA_THE_NND	551300	☑	☑	☐
MA_THE_NND không được lớn hơn 15 ký tự	551301	☑	☑	☑
HO_TEN_NND	551400	☑	☑	☐
HO_TEN_NND không được lớn hơn 255 ký tự	551401	☑	☑	☑
NGAYSINH_NND	551500	☑	☑	☐
NGAYSINH_NND không đúng định dạng yyyyMMdd	551501	☑	☑	☑
MA_DANTOC_NND	551600	☑	☑	☐
MA_DANTOC_NND không được lớn hơn 2 ký tự	551601	☑	☑	☑
SO_CCCD_NND	551700	☑	☑	☐
SO_CCCD_NND không được để trống	551701	☑	☑	☑
SO_CCCD không đúng định dạng	551702	☑	☑	☑
NGAYCAP_CCCD_NND	551800	☑	☑	☐
NGAYCAP_CCCD_NND không đúng định dạng yyyyMMdd	551801	☑	☑	☑
NOICAP_CCCD_NND	551900	☑	☑	☐
NOICAP_CCCD_NND không được lớn hơn 1024 ký tự	551901	☑	☑	☑
NOI_CU_TRU_NND	552000	☑	☑	☐
NOI_CU_TRU_NND không được lớn hơn 1024 ký tự	552001	☑	☑	☑
MA_QUOCTICH	552100	☑	☑	☐
MA_QUOCTICH không được lớn hơn 3 ký tự	552101	☑	☑	☑
MATINH_CU_TRU	552200	☑	☑	☐
MATINH_CU_TRU không được lớn hơn 3 ký tự	552201	☑	☑	☑
MAHUYEN_CU_TRU	552300	☑	☑	☐
MAHUYEN_CU_TRU không được lớn hơn 3 ký tự	552301	☑	☑	☑
MAXA_CU_TRU	552400	☑	☑	☐
MAXA_CU_TRU không được lớn hơn 5 ký tự	552401	☑	☑	☑
HO_TEN_CHA	552500	☑	☑	☐
HO_TEN_CHA không được lớn hơn 255 ký tự	552501	☑	☑	☑
MA_THE_TAM	552600	☑	☑	☐
MA_THE_TAM không được để trống	552601	☑	☑	☑
MA_THE_TAM không đúng định dạng	552602	☑	☑	☑
MA_THE_TAM chưa được tạo trên Cổng	552603	☑	☑	☑
HO_TEN_CON	552700	☑	☑	☐
HO_TEN_CON không được lớn hơn 255 ký tự	552701	☑	☑	☑
GIOI_TINH_CON	552800	☑	☑	☐
GIOI_TINH_CON không được lớn hơn 1 ký tự	552801	☑	☑	☑
SO_CON	552900	☑	☑	☐
SO_CON không được lớn hơn 2 ký tự	552901	☑	☑	☑
LAN_SINH	553000	☑	☑	☐
LAN_SINH không được lớn hơn 2 ký tự	553001	☑	☑	☑
SO_CON_SONG	553100	☑	☑	☐
SO_CON_SONG không được lớn hơn 2 ký tự	553101	☑	☑	☑
CAN_NANG_CON	553200	☑	☑	☐
CAN_NANG_CON không được lớn hơn 10 ký tự	553201	☑	☑	☑
NGAY_SINH_CON	553300	☑	☑	☐
NGAY_SINH_CON không được để trống	553301	☑	☑	☑
NGAY_SINH_CON không đúng định dạng yyyyMMddHHmm	553302	☑	☑	☑
NGAY_SINH_CON không đúng định dạng yyyyMMddHHmm	553303	☑	☑	☑
NGAY_SINH_CON không được lớn hơn thời gian hiện tại	553304	☑	☑	☑
NOI_SINH_CON	553400	☑	☑	☐
NOI_SINH_CON không được lớn hơn 1024 ký tự	553401	☑	☑	☑

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

TINH_TRANG_CON	553500	☑	☑	☐
TINH_TRANG_CON không được lớn hơn 255 ký tự	553501	☑	☑	☑
SINHCON_PHAUTHUAT	553600	☑	☑	☐
SINHCON_PHAUTHUAT không được lớn hơn 1 ký tự	553601	☑	☑	☑
SINHCON_DUOI32TUAN	553700	☑	☑	☐
SINHCON_DUOI32TUAN không được lớn hơn 1 ký tự	553701	☑	☑	☑
GHI_CHU	553800	☑	☑	☐
GHI_CHU không được lớn hơn 1024 ký tự	553801	☑	☑	☑
NGUOI_DO_DE	553900	☑	☑	☐
NGUOI_DO_DE không được lớn hơn 255 ký tự	553901	☑	☑	☑
NGUOI_GHI_PHIEU	554000	☑	☑	☐
NGUOI_GHI_PHIEU không được lớn hơn 255 ký tự	554001	☑	☑	☑
NGAY_CT	554100	☑	☑	☐
NGAY_CT không được để trống	554101	☑	☑	☑
NGAY_CT không đúng định dạng yyyyMMdd	554102	☑	☑	☑
NGAY_CT không đúng định dạng yyyyMMdd	554103	☑	☑	☑
NGAY_CT không được lớn hơn thời gian hiện tại	554104	☑	☑	☑
SO	554200	☑	☑	☐
SO không được lớn hơn 200 ký tự	554201	☑	☑	☑
QUYEN_SO	554300	☑	☑	☐
QUYEN_SO không được lớn hơn 200 ký tự	554301	☑	☑	☑
MA_TTDV	554400	☑	☑	☐
MA_TTDV không được lớn hơn 10 ký tự	554401	☑	☑	☑
XML10	560000	☑	☑	☐
Validate XML10	561000	☑	☑	☐
MA_LK	561100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	561101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	561102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	561103	☑	☑	☑
SO_SERI	561200	☑	☑	☐
SO_SERI không được để trống	561201	☑	☑	☑
SO_SERI không được lớn hơn 200 ký tự	561202	☑	☑	☑
SO_CT	561300	☑	☑	☐
SO_CT không được để trống	561301	☑	☑	☑
SO_CT không được lớn hơn 200 ký tự	561302	☑	☑	☑
SO_NGAY	561400	☑	☑	☐
SO_NGAY không được để trống	561401	☑	☑	☑
SO_NGAY không được lớn hơn 3 ký tự	561402	☑	☑	☑
DON_VI	561500	☑	☑	☐
DON_VI không được để trống	561501	☑	☑	☑
DON_VI không được lớn hơn 1024 ký tự	561502	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV	561600	☑	☑	☐
CHAN_DOAN_RV không được để trống	561601	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV không được lớn hơn 4000 ký tự	561602	☑	☑	☑
TU_NGAY	561700	☑	☑	☐
TU_NGAY không được để trống	561701	☑	☑	☑
TU_NGAY không được lớn hơn 8 ký tự	561702	☑	☑	☑
TU_NGAY không được lớn hơn thời gian hiện tại	561703	☑	☑	☑
DEN_NGAY	561800	☑	☑	☐
DEN_NGAY không được để trống	561801	☑	☑	☑
DEN_NGAY không được lớn hơn 8 ký tự	561802	☑	☑	☑
MA_TTDV	561900	☑	☑	☐
MA_TTDV không được để trống	561901	☑	☑	☑
MA_TTDV không được lớn hơn 10 ký tự	561902	☑	☑	☑
TEN_BS	562000	☑	☑	☐
TEN_BS không được để trống	562001	☑	☑	☑
TEN_BS không được lớn hơn 255 ký tự	562002	☑	☑	☑
MA_BS	562100	☑	☑	☐
MA_BS không được để trống	562101	☑	☑	☑
MA_BS không được lớn hơn 200 ký tự	562102	☑	☑	☑
MA_BS không đúng định dạng	562103	☑	☑	☑
NGAY_CT	562200	☑	☑	☐
NGAY_CT không được để trống	562201	☑	☑	☑
NGAY_CT không được lớn hơn 8 ký tự	562202	☑	☑	☑
NGAY_CT không đúng định dạng ngày tháng	562203	☑	☑	☑
NGAY_CT không được lớn hơn thời gian hiện tại	562204	☑	☑	☑
XML11	570000	☑	☑	☐
Validate XML11	571000	☑	☑	☐
MA_LK	571100	☑	☑	☐
MA_LK không được để trống	571101	☑	☑	☑
MA_LK không được lớn hơn 100 ký tự	571102	☑	☑	☑
MA_LK không được khác MA_LK của XML1	571103	☑	☑	☑
SO_SERI	571200	☑	☑	☐
SO_SERI không được để trống	571201	☑	☑	☑
SO_SERI không được lớn hơn 200 ký tự	571202	☑	☑	☑
SO_CT	571300	☑	☑	☐
SO_CT không được để trống	571301	☑	☑	☑
SO_CT không được lớn hơn 200 ký tự	571302	☑	☑	☑
DON_VI	571400	☑	☑	☐
DON_VI không được để trống	571401	☑	☑	☑
DON_VI không được lớn hơn 1024 ký tự	571402	☑	☑	☑
MA_BHXH	571500	☑	☑	☐
MA_BHXH không được để trống	571501	☑	☑	☑
MA_BHXH không được lớn hơn 10 ký tự	571502	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT	571600	☑	☑	☐
MA_THE_BHYT không được để trống	571601	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT không được lớn hơn 15 ký tự	571602	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV	571700	☑	☑	☐
CHAN_DOAN_RV không được để trống	571701	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV không được lớn hơn 1024 ký tự	571702	☑	☑	☑
PP_DIEUTRI	571800	☑	☑	☐
PP_DIEUTRI không được để trống	571801	☑	☑	☑
PP_DIEUTRI không được lớn hơn 1024 ký tự	571802	☑	☑	☑
MA_DINH_CHI_THAI	571900	☑	☑	☐
MA_DINH_CHI_THAI không được để trống	571901	☑	☑	☑

GPP.vn

MA_DINH_CHI_THAI không được lớn hơn 1 ký tự	571902	✓	✓	✓
NGUYENNHAN_DINHCHI	572000	✓	✓	☐
NGUYENNHAN_DINHCHI không được để trống khi MA_DINH_CHI_THAI = 1	572001	✓	✓	✓
NGUYENNHAN_DINHCHI không được lớn hơn 4000 ký tự	572002	✓	✓	✓
TUOI_THAI	572100	✓	✓	☐
TUOI_THAI không được để trống	572101	✓	✓	✓
TUOI_THAI không được lớn hơn 2 ký tự	572102	✓	✓	✓
SO_NGAY_NGHI	572200	✓	✓	☐
SO_NGAY_NGHI không được để trống	572201	✓	✓	✓
SO_NGAY_NGHI không được lớn hơn 3 ký tự	572202	✓	✓	✓
SO_NGAY_NGHI không được lớn hơn 180 ngày	572203	✓	✓	✓
TU_NGAY	572300	✓	✓	☐
TU_NGAY không được để trống	572301	✓	✓	✓
TU_NGAY không được lớn hơn 8 ký tự	572302	✓	✓	✓
TU_NGAY không được lớn hơn ngày hiện tại	572303	✓	✓	✓
DEN_NGAY	572400	✓	✓	☐
DEN_NGAY không được để trống	572401	✓	✓	✓
DEN_NGAY không được lớn hơn 8 ký tự	572402	✓	✓	✓
DEN_NGAY không được nhỏ hơn TU_NGAY	572403	✓	✓	✓
HO_TEN_CHA	572500	✓	✓	☐
HO_TEN_CHA không được để trống	572501	✓	✓	✓
HO_TEN_CHA không được lớn hơn 255 ký tự	572502	✓	✓	✓
HO_TEN_ME	572600	✓	✓	☐
HO_TEN_ME không được để trống	572601	✓	✓	✓
HO_TEN_ME không được lớn hơn 255 ký tự	572602	✓	✓	✓
MA_TTDV	572700	✓	✓	☐
MA_TTDV không được để trống	572701	✓	✓	✓
MA_TTDV không được lớn hơn 10 ký tự	572702	✓	✓	✓
MA_BS	572800	✓	✓	☐
MA_BS không được để trống	572801	✓	✓	✓
MA_BS không được lớn hơn 200 ký tự	572802	✓	✓	✓
NGAY_CT	572900	✓	✓	☐
NGAY_CT không được để trống	572901	✓	✓	✓
NGAY_CT không được lớn hơn 8 ký tự	572902	✓	✓	✓
MA_THE_TAM	573000	✓	✓	☐
MA_THE_TAM không được lớn hơn 15 ký tự	573001	✓	✓	✓
MA_THE_TAM không đúng định dạng	573002	✓	✓	✓
MA_THE_TAM chưa được tạo trên Cổng	573003	✓	✓	✓
MAU_SO	573100	✓	✓	☐
MAU_SO không được để trống	573101	✓	✓	✓
MAU_SO không được lớn hơn 5 ký tự	573102	✓	✓	✓
XML13	580000	✓	✓	☐
Validate XML13	581000	✓	✓	☐
Thừa/Thiếu trường dữ liệu	581100	✓	✓	☐
Hồ sơ chuyển tuyến thiếu bảng 13	581101	✓	✓	✓
Hồ sơ chuyển tuyến, Bảng 13 không có nội dung	581102	✓	✓	✓
Hồ sơ chuyển tuyến, Bảng 13 thừa trường dữ liệu	581103	✓	✓	✓
Hồ sơ chuyển tuyến, Bảng 13 thiếu trường dữ liệu	581104	✓	✓	✓
MA_LK	581300	✓	✓	☐
Mã liên kết không được để trống	581301	✓	✓	✓
Mã liên kết không được quá 100 ký tự	581302	✓	✓	✓
Mã liên kết không trùng với mã liên kết của XML1	581303	✓	✓	✓
SO_HOSO	581400	✓	✓	☐
Số hồ sơ không được để trống	581401	✓	✓	✓
Số hồ sơ không được quá 50 ký tự	581402	✓	✓	✓
SO_CHUYENTUYEN	581500	✓	✓	☐
Số chuyển tuyến không được để trống	581501	✓	✓	✓
Số chuyển tuyến không được quá 50 ký tự	581502	✓	✓	✓
GIAY_CHUYEN_TUYEN	581600	✓	✓	☐
Số giấy chuyển tuyến không được để trống	581601	✓	✓	✓
Số giấy chuyển tuyến không được quá 50 ký tự	581602	✓	✓	✓
MA_CSKCB	581700	✓	✓	☐
Mã cơ sở KBCB không được để trống	581701	✓	✓	✓
Mã cơ sở KBCB không được quá 5 ký tự	581702	✓	✓	✓
Mã cơ sở KBCB không trùng với mã cơ sở KBCB của XML1	581703	✓	✓	✓
MA_NOI_DI	581800	✓	✓	☐
Mã nơi đi không được quá 5 ký tự	581802	✓	✓	✓
Mã nơi đi không trùng với mã nơi đi của XML1	581803	✓	✓	✓
MA_NOI_DEN	581900	✓	✓	☐
Mã nơi đến không được để trống	581901	✓	✓	✓
Mã nơi đến không được quá 5 ký tự	581902	✓	✓	✓
Mã nơi đến không trùng với mã nơi đến của XML1	581903	✓	✓	✓
HO_TEN	582000	✓	✓	✓
Họ tên không được để trống	582001	✓	✓	✓
Họ tên không được quá 255 ký tự	582002	✓	✓	✓
Họ tên không trùng với họ tên của XML1	582003	✓	✓	✓
NGAY_SINH	582100	✓	✓	✓
Ngày sinh không được để trống	582101	✓	✓	✓
Ngày sinh không đúng định dạng dd/MM/yyyy	582102	✓	✓	✓
Ngày sinh không trùng với ngày sinh của XML1	582103	✓	✓	✓
GIOI_TINH	582200	✓	✓	✓
Giới tính không được để trống	582201	✓	✓	✓
Giới tính không được quá 1 ký tự	582202	✓	✓	✓
Giới tính không trùng với giới tính của XML1	582203	✓	✓	✓
MA_QUOCTICH	582300	✓	✓	✓
Mã quốc tịch không được để trống	582301	✓	✓	✓
Mã quốc tịch không được quá 3 ký tự	582302	✓	✓	✓
Mã quốc tịch không trùng với mã quốc tịch của XML1	582303	✓	✓	✓
MA_DANTOC	582400	✓	✓	✓
Mã dân tộc không được để trống	582401	✓	✓	✓
Mã dân tộc không được quá 2 ký tự	582402	✓	✓	✓
Mã dân tộc không trùng với mã dân tộc của XML1	582403	✓	✓	✓
MA_NGHE_NGHIEP	582500	✓	✓	✓
Mã nghề nghiệp không được để trống	582501	✓	✓	✓
Mã nghề nghiệp không được quá 5 ký tự	582502	✓	✓	✓

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Mã nghề nghiệp không trùng với mã nghề nghiệp của XML1	582503	✓	✓	✓
DIA_CHI	582600	✓	✓	✓
Địa chỉ không được để trống	582601	✓	✓	✓
Địa chỉ không được quá 1024 ký tự	582602	✓	✓	✓
Địa chỉ không trùng với địa chỉ của XML1	582603	✓	✓	✓
MA_THE_BHYT	582700	✓	✓	✓
Mã thẻ BHYT không được để trống	582701	✓	✓	✓
Mã thẻ BHYT không được quá 31 ký tự	582702	✓	✓	✓
Mã thẻ BHYT không trùng với mã thẻ BHYT của XML1	582703	✓	✓	✓
GT_THE_DEN	582800	✓	✓	✓
Giới tính thẻ đến không được để trống	582801	✓	✓	✓
Giá trị thẻ đến không trùng với Giá trị thẻ đến của XML1	582802	✓	✓	✓
NGAY_VAO	582900	✓	✓	✓
Ngày vào không được để trống	582901	✓	✓	✓
Ngày vào không đúng định dạng dd/MM/yyyy	582902	✓	✓	✓
Ngày vào không trùng với ngày vào của XML1	582903	✓	✓	✓
NGAY_VAO_NOI_TRU	583000	☐	✓	✓
Ngày vào nội trú không được để trống	583001	☐	✓	✓
Ngày vào nội trú không đúng định dạng dd/MM/yyyy	583002	☐	✓	✓
Ngày vào nội trú không trùng với ngày vào nội trú của XML1	583003	☐	✓	✓
NGAY_RA	583100	✓	✓	✓
Ngày ra không được để trống	583101	✓	✓	✓
Ngày ra không đúng định dạng dd/MM/yyyy	583102	✓	✓	✓
Ngày ra không trùng với ngày ra của XML1	583103	✓	✓	✓
DAU_HIEU_LS	583200	✓	✓	✓
Dấu hiệu lâm sàng không được để trống	583201	✓	✓	✓
Dấu hiệu lâm sàng không được quá 1024 ký tự	583202	✓	✓	✓
CHAN_DOAN_RV	583300	✓	✓	✓
Chẩn đoán ra viện không được để trống	583301	✓	✓	✓
Chẩn đoán ra viện không được quá 1024 ký tự	583302	✓	✓	✓
QT_BENHLY	583400	✓	✓	✓
Quá trình bệnh lý không được để trống	583401	✓	✓	✓
Quá trình bệnh lý không được quá 1024 ký tự	583402	✓	✓	✓
TOMTAT_KQ	583500	✓	✓	✓
Tóm tắt kết quả không được quá 4000 ký tự	583502	✓	✓	✓
PP_DIEUTRI	583600	✓	✓	✓
Phương pháp điều trị không được để trống	583601	✓	✓	✓
Phương pháp điều trị không được quá 1024 ký tự	583602	✓	✓	✓
MA_BENH_CHINH	583700	✓	✓	✓
Mã bệnh chính không được để trống	583701	✓	✓	✓
Mã bệnh chính không được quá 7 ký tự	583702	✓	✓	✓
MA_BENH_KT	583800	☐	✓	✓
MA_BENH_KT khác XML1	583801	☐	✓	✓
Mã bệnh kèm theo không được quá 200 ký tự	583802	☐	✓	✓
MA_BENH_YHCT	583900	☐	✓	✓
MA_BENH_YHCT khác XML1	583901	☐	✓	✓
Mã bệnh YHCT không được quá 255 ký tự	583902	☐	✓	✓
TEN_DICH_VU	584000	✓	✓	✓
Tên dịch vụ không được để trống	584001	✓	✓	✓
Tên dịch vụ không được quá 1024 ký tự	584002	✓	✓	✓
TEN_THUOC	584100	☐	✓	✓
Tên thuốc không được để trống	584101	☐	✓	✓
Tên thuốc không được quá 1024 ký tự	584102	☐	✓	✓
PP_DIEU_TRI	584200	✓	✓	✓
Phương pháp điều trị không được để trống	584201	✓	✓	✓
Phương pháp điều trị không được quá 1024 ký tự	584202	✓	✓	✓
MA_LOAI_RV	584300	✓	✓	✓
Mã loại ra viện không được để trống	584301	✓	✓	✓
Mã loại ra viện không được quá 1 ký tự	584302	✓	✓	✓
Mã loại ra viện không trùng với mã loại ra viện của XML1	584303	✓	✓	✓
MA_LYDO_CT	584400	✓	✓	✓
Mã lý do chuyển tuyến không được để trống	584401	✓	✓	✓
Mã lý do chuyển tuyến không được quá 1 ký tự	584402	✓	✓	✓
Mã lý do chuyển tuyến không hợp lệ	584403	✓	✓	✓
HUONG_DIEU_TRI	584500	✓	✓	✓
Hướng điều trị không được để trống	584501	✓	✓	✓
Hướng điều trị không được quá 1024 ký tự	584502	✓	✓	✓
PHUONGTIEN_VC	584600	✓	✓	✓
Phương tiện vận chuyển không được để trống	584601	✓	✓	✓
Phương tiện vận chuyển không được quá 255 ký tự	584602	✓	✓	✓
HOTEN_NGUOI_HT	584700	☐	✓	✓
Họ tên người hộ tống không được để trống	584701	☐	✓	✓
Họ tên người hộ tống không được quá 255 ký tự	584702	☐	✓	✓
CHUCDANH_NGUOI_HT	584800	☐	✓	✓
Chức danh người hộ tống không được để trống	584801	☐	✓	✓
Chức danh người hộ tống không được quá 255 ký tự	584802	☐	✓	✓
MA_BAC_SI	584900	✓	✓	✓
Mã bác sĩ không được để trống	584901	✓	✓	✓
Mã bác sĩ không được quá 255 ký tự	584902	✓	✓	✓
MA_TTDV	585000	✓	✓	✓
Mã số định danh y tế không được để trống	585001	✓	✓	✓
Mã số định danh y tế không được quá 10 ký tự	585002	✓	✓	✓
DU_PHONG	585100	✓	✓	✓
Dữ liệu dự phòng không được nhập	585101	✓	✓	✓
XML14	590000	✓	✓	☐
Validate XML14	591000	✓	✓	☐
Thừa/Thiếu trường dữ liệu	591100	✓	✓	☐
Hồ sơ chuyển tuyến, Bảng 14 thừa trường dữ liệu	591102	✓	✓	✓
Hồ sơ chuyển tuyến, Bảng 14 thiếu trường dữ liệu	591103	✓	✓	✓
MA_LK	591200	✓	✓	☐
Mã liên kết không được để trống	591201	✓	✓	✓
Mã liên kết không được quá 100 ký tự	591202	✓	✓	✓
Mã liên kết không trùng với mã liên kết của XML1	591203	✓	✓	✓
SO_GIAYHEN_KL	591300	✓	✓	☐
Số giấy hẹn khám lại không được để trống	591301	✓	✓	✓

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Số giấy hẹn khám lại không được quá 50 ký tự	591302	☑	☑	☑
MA_CSKCB	591400	☑	☑	☐
Mã cơ sở KCB không được để trống	591401	☑	☑	☑
Mã cơ sở KCB không được quá 5 ký tự	591402	☑	☑	☑
Mã cơ sở KCB không trùng với mã cơ sở KCB của XML1	591403	☑	☑	☑
HO_TEN	591500	☑	☑	☐
Họ tên không được để trống	591501	☑	☑	☑
Họ tên không được quá 255 ký tự	591502	☑	☑	☑
NGAY_SINH	591600	☑	☑	☑
Ngày sinh không được để trống	591601	☑	☑	☑
Ngày sinh không được quá 12 ký tự	591602	☑	☑	☑
Ngày sinh không trùng với ngày sinh của XML1	591603	☑	☑	☑
GIOI_TINH	591700	☑	☑	☑
Giới tính không được để trống	591701	☑	☑	☑
Giới tính không hợp lệ	591702	☑	☑	☑
Giới tính không trùng với giới tính của XML1	591703	☑	☑	☑
DIA_CHI	591800	☑	☑	☑
Địa chỉ không được để trống	591801	☑	☑	☑
Địa chỉ không được quá 1024 ký tự	591802	☑	☑	☑
Địa chỉ không trùng với địa chỉ của XML1	591803	☑	☑	☑
MA_THE_BHYT	591900	☑	☑	☑
Mã thẻ BHYT không trùng với mã thẻ BHYT của XML1	591903	☑	☑	☑
GT_THE_DEN	592000	☑	☑	☑
GT_THE_DEN không trùng với GT_THE_DEN của XML1	592001	☑	☑	☑
NGAY_VAO	592100	☑	☑	☑
Ngày vào không được để trống	592101	☑	☑	☑
Ngày vào không được quá 12 ký tự	592102	☑	☑	☑
Ngày vào không trùng với ngày vào của XML1	592103	☑	☑	☑
NGAY_VAO_NOI_TRU	592200	☑	☑	☑
Ngày vào nội trú không được để trống	592201	☑	☑	☑
Ngày vào nội trú không được quá 12 ký tự	592202	☑	☑	☑
Ngày vào nội trú không trùng với ngày vào nội trú của XML1	592203	☑	☑	☑
NGAY_RA	592300	☑	☑	☑
Ngày ra không được để trống	592301	☑	☑	☑
Ngày ra không được quá 12 ký tự	592302	☑	☑	☑
NGAY_RA không trùng với NGAY_RA của XML1	592303	☑	☑	☑
NGAY_HEN_KL	592400	☑	☑	☑
Ngày hẹn khám lại không được để trống	592401	☑	☑	☑
NGAY_HEN_KL không đúng định dạng yyyyMMddHHmm	592402	☑	☑	☑
Ngày hẹn khám lại không được nhỏ hơn ngày ra của XML1	592403	☑	☑	☑
CHAN_DOAN_RV	592500	☑	☑	☑
Chẩn đoán ra viện không được để trống	592501	☑	☑	☑
Chẩn đoán ra viện không được quá 1024 ký tự	592502	☑	☑	☑
Chẩn đoán ra viện không trùng với chẩn đoán ra viện của XML1	592503	☑	☑	☑
MA_BENH_CHINH	592600	☑	☑	☑
Mã bệnh chính không được để trống	592601	☑	☑	☑
Mã bệnh chính không được quá 7 ký tự	592602	☑	☑	☑
MA_BENH_KT	592700	☑	☑	☑
Mã bệnh kèm theo không được để trống	592701	☑	☑	☑
Mã bệnh kèm theo không được quá 100 ký tự	592702	☑	☑	☑
Mã bệnh kèm theo không trùng với mã bệnh kèm theo của XML1	592703	☑	☑	☑
MA_BENH_YHCT	592800	☑	☑	☑
Mã bệnh y học cổ truyền không được để trống	592801	☑	☑	☑
Mã bệnh y học cổ truyền không được quá 255 ký tự	592802	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB	592900	☑	☑	☑
Mã đối tượng KCB không được để trống	592901	☑	☑	☑
Mã đối tượng KCB không được quá 4 ký tự	592902	☑	☑	☑
Mã đối tượng KCB phải trùng với XML1	592903	☑	☑	☑
MA_BAC_SI	593000	☑	☑	☑
Mã bác sĩ không được để trống	593001	☑	☑	☑
Mã bác sĩ không được quá 225 ký tự	593002	☑	☑	☑
MA_TTDV	593100	☑	☑	☑
Mã TTĐV không được để trống	593101	☑	☑	☑
Mã TTĐV không được quá 10 ký tự	593102	☑	☑	☑
NGAY_CT	593200	☑	☑	☑
NGAY_CT cấp giấy hẹn không được để trống	593201	☑	☑	☑
NGAY_CT cấp giấy hẹn không được quá 8 ký tự	593202	☑	☑	☑
NGAY_CT cấp giấy hẹn không được nhỏ hơn ngày vào của XML1	593203	☑	☑	☑
DU_PHONG	593300	☑	☑	☑
Dự phòng để trống	593301	☑	☑	☑
XML15	599000	☑	☑	☐
KHÁC	600000	☑	☑	☑
Danh mục	610000	☑	☑	☐
Danh mục cơ sở KCB	611000	☑	☑	☐
MA_NOI_CHUYEN không tồn tại trong DmCsKCB	611001	☑	☑	☑
MA_CSKCB không tồn tại trong DmCsKCB	611002	☑	☑	☑
MA_THUOC có macskcb không tồn tại trong DmCsKCB	611003	☑	☑	☑
MA_DICH_VU có macskcb không tồn tại trong DmCsKCB	611004	☑	☑	☑
MA_NOI_DI không tồn tại trong DmCsKCB	611005	☑	☑	☑
MA_NOI_DEN không tồn tại trong DmCsKCB	611006	☑	☑	☑
MA_BAC_SI có macskcb không tồn tại trong DmCsKCB	611007	☑	☑	☑
TT_THAU có macskcb không tồn tại trong DmCsKCB	611008	☑	☑	☑
Danh mục ICD10	612000	☑	☑	☐
XML1 MA_BENH không tồn tại trong danh mục ICD10	612001	☑	☑	☑
XML1 MA_BENHKHAC không tồn tại trong danh mục ICD10	612002	☑	☑	☑
XML2 MA_BENH của thuốc không tồn tại trong danh mục ICD10	612003	☑	☑	☑
XML3 MA_BENH của dịch vụ không tồn tại trong danh mục ICD10	612004	☑	☑	☑
XML1 MA_BENH_CHINH không tồn tại trong danh mục ICD10	612005	☑	☑	☑
XML1 MA_BENH_KT không tồn tại trong danh mục ICD10	612006	☑	☑	☑
XML1 MA_BENH_YHCT không tồn tại trong danh mục ICD10	612007	☑	☑	☑
XML3 MA_BENH_YHCT của dịch vụ không tồn tại trong danh mục ICD10	612008	☑	☑	☑
Danh mục DmNhanvien	613000	☑	☑	☐
XML2 MA_BAC_SI không tồn tại trong DmNhanvien	613001	☑	☑	☑
XML3 MA_BAC_SI không tồn tại trong DmNhanvien	613002	☑	☑	☑
XML3 NGUOI_THUC_HIEN không tồn tại trong DmNhanvien	613003	☑	☑	☑

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

XML1 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613006	☑	☑	☑
XML4 MA_BS_DOC_KQ không tồn tại trong DmNhanvien	613007	☑	☑	☑
XML7 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613008	☑	☑	☑
XML8 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613009	☑	☑	☑
XML10 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613010	☑	☑	☑
XML11 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613011	☑	☑	☑
XML13 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613012	☑	☑	☑
XML14 MA_TTDV không tồn tại trong DmNhanvien	613013	☑	☑	☑
Thời gian đăng ký làm việc	613014	☑	☑	☑
Nhân viên hết hiệu lực	613016	☐	☑	☑
Người chỉ định không phù hợp với VBCM	613017	☑	☑	☑
Người thực hiện XN không phù hợp với VBCM	613018	☑	☑	☑
Người thực hiện CĐHA không phù hợp với VBCM	613019	☑	☑	☑
Người cấp giường không phù hợp với VBCM	613020	☑	☑	☑
Ngày làm việc không đúng thời gian đã đăng ký cổng	613021	☐	☑	☑
Nhân viên làm việc ngoài thời gian đăng ký cổng	613022	☐	☑	☑
Nhân viên khám bệnh ngoài thời gian đăng ký cổng	613023	☐	☑	☑
Danh mục Thuốc tại cskcb	614000	☑	☑	☐
Thuốc chưa được phê duyệt	614001	☑	☑	☑
Sai TEN_THUOC	614002	☑	☑	☑
Sai DON_VI_TINH	614003	☐	☑	☑
Sai HAM_LUONG	614004	☑	☑	☑
Sai MA_DUONG_DUNG	614005	☑	☑	☑
Sai SO_DANG_KY	614006	☑	☑	☑
Sai DON_GIA	614007	☑	☑	☑
Sai DON_GIA_TT	614008	☑	☑	☑
Sai TT_THAU	614009	☑	☑	☑
Sai GOI	614019	☑	☑	☑
Sai NHOM	614029	☑	☑	☑
Sai NAM	614039	☑	☑	☑
Danh mục thuốc dùng chung Tân dược	614010	☑	☑	☑
Mã thuốc gộp (+) sai quy định	614110	☑	☑	☑
Mã thuốc không có trong dmdc tân dược	614210	☐	☑	☑
Mã thuốc hết hiệu lực	614310	☐	☑	☑
Mã thuốc có đường dùng không phù hợp	614410	☑	☑	☑
Danh mục Dịch vụ	615000	☑	☑	☐
Sai TEN_DICH_VU	615100	☑	☑	☑
Sai MA_NHOM	615200	☑	☑	☑
Sai DON_GIA	615300	☑	☑	☑
Dịch vụ chưa được phê duyệt	615400	☑	☑	☑
Danh mục VTYT	616000	☑	☑	☐
Vật tư chưa được phê duyệt	616100	☑	☑	☑
Sai TEN_VAT_TU	616200	☑	☑	☑
Sai DON_GIA_BH	616300	☑	☑	☑
Sai MA_NHOM	616400	☑	☑	☑
Sai TT_THAU	616500	☑	☑	☑
Quyền lợi BHYT	620000	☑	☑	☐
Kiểm tra thẻ BHYT	621000	☑	☑	☐
Mã thẻ hoặc Họ tên hoặc Ngày sinh không được để trống	621001	☑	☑	☑
Không lấy được thông tin thẻ BHYT	621002	☑	☑	☑
Thẻ sai họ tên	621003	☑	☑	☑
Thẻ sai giới tính	621004	☑	☑	☑
Thẻ sai Mã đăng ký ban đầu	621005	☑	☑	☑
Thẻ sai giá trị từ	621006	☑	☑	☑
Thẻ sai giá trị đến	621007	☑	☑	☑
Thẻ sai năm năm liên tục	621008	☑	☑	☑
Thẻ sai mã khu vực	621009	☑	☑	☑
Đợt điều trị trùng với cơ sở khác hoặc hồ sơ khác	621010	☑	☑	☑
Chủ thẻ đã được thẻ mới	621011	☑	☑	☑
Thời gian điều trị lớn hơn giá trị sử dụng thẻ	621012	☑	☑	☑
Thẻ chưa có giá trị sử dụng	621013	☑	☑	☑
Thẻ hết giá trị sử dụng	621014	☑	☑	☑
Thẻ sai ngày sinh	621015	☑	☑	☑
Thẻ Không tồn tại	621016	☑	☑	☑
Thẻ sai họ tên	621017	☑	☑	☑
Kiểm tra thẻ tạm	622000	☑	☑	☐
MA_THE_BHYT của thẻ tạm chưa được tạo trên Cổng	622111	☑	☑	☑
Họ tên không đúng	622112	☑	☑	☑
Ngày sinh không đúng	622113	☑	☑	☑
Giới tính không đúng	622114	☑	☑	☑
Kiểm tra mức hưởng	622001	☑	☑	☑
Chi phí sai mức hưởng	622002	☑	☑	☑
Kiểm tra Mã đối tượng KCB	623000	☑	☑	☐
MA_DOITUONG_KCB không tồn tại trong danh mục	623100	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB không đúng với quy định	623200	☑	☑	☑
MA_DOITUONG_KCB lý do vào viện không hợp lý	623300	☑	☑	☑
Kiểm tra tiền thanh toán BHYT	624000	☑	☑	☐
T_TONGCHI_BV trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624100	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC trên XML1 lệch với XML3	624110	☑	☑	☑
Lỗi tính tiền trên XML2	624120	☑	☑	☑
Lỗi tính tiền trên XML3	624130	☑	☑	☑
Không kiểm tra được thông tin thẻ nên không được mức hưởng đúng	624140	☑	☑	☑
T_TONGCHI_BH trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624200	☑	☑	☑
T_THUOC trên XML1 lệch với XML2	624300	☑	☑	☑
T_VTYT trên XML1 lệch với XML3	624400	☑	☑	☑
T_BHTT trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624500	☑	☑	☑
T_BNCCT trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624600	☑	☑	☑
T_BNTT trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624700	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC trên XML1 lệch với XML2 + XML3	624800	☑	☑	☑
T_NGUONKHAC trên XML1 lệch với XML2	624900	☑	☑	☑
Tiền giường	640000	☑	☑	☐
Kiểm tra thanh toán giường	642000	☑	☑	☐
Thời gian vào nội trú dưới 4 giờ không tính tiền giường	642001	☑	☑	☑
Thời gian vào nội trú dưới 24 giờ chỉ tính 1 ngày giường	642002	☑	☑	☑
Thời gian vào nội trú trên 4 giờ được tính ngày giường	642003	☑	☑	☑

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Kiểm tra thanh toán giường	642004	✓	✓	✓
Thời gian điều trị nội trú trên 4h nhưng không tính tiền giường	642006	✓	✓	✓
Kê Giường Ngoại trước phẫu thuật	642007	✓	✓	✓
Thời gian cấp trả giường không hợp lý so với số ngày giường	642008	✓	✓	✓
Kiểm soát theo chuyên đề	800000	✓	✓	✓
Tương tác thuốc	801000	✓	✓	✓
Kiểm tra tương tác thuốc	801001	✓	✓	✓
Chỉ định dịch vụ	810000	✓	✓	☐
Dịch vụ không phù hợp với chẩn đoán	811000	✓	✓	✓
Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học) (03.4119.0440)	810003	✓	✓	☐
Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết (02.0259.0137)	810006	✓	✓	☐
nội soi thực quản dạ dày tá tràng không sinh thiết (02.0305.0135)	810007	✓	✓	☐
Đo thính lực đơn âm (21.0060.0890)	810008	✓	✓	☐
Siêu âm tim cấp cứu tại giường (01.0018.0004)	810009	✓	✓	☐
Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (18.0049.0004)	810010	✓	✓	☐
Định lượng Creatinin ‹máu› (23.0051.1494)	810011	✓	✓	☐
Định lượng Glucose [máu] (23.0075.1494)	810012	✓	✓	☐
Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản (03.3820.0573)	810043	✓	✓	☐
Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản (03.3821.0216)	810044	✓	✓	☐
Xét nghiệm Khí máu (23.0103.1531)	810020	✓	✓	☐
Cắt cụt cẳng chân (03.3775.0534)	810022	✓	✓	☐
Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương (03.3800.0577)	810023	✓	✓	☐
Nắn, bó bột gãy mâm chày (03.3857.0525)	810024	✓	✓	☐
Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật (03.3860.0511)	810025	✓	✓	☐
Nắn, bó bột gãy Dupuytren (03.3868.0525)	810026	✓	✓	☐
Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) (18.0200.0043)	810028	✓	✓	☐
Vá da dầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm² (03.3824.0575)	810045	✓	✓	☐
Chăm sóc lỗ mở khí quản (03.0102.0200)	810073	✓	✓	☐
Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản (03.3377.0494)	810074	✓	✓	☐
Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ (03.3378.0494)	810075	✓	✓	☐
Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ (03.3379.0494)	810076	✓	✓	☐
Cắt polype trực tràng (03.3380.0498)	810077	✓	✓	☐
Thông tiểu (03.0133.0210)	810036	✓	✓	☐
Làm thuốc tai, mũi, thanh quản (03.2184.0899)	810037	✓	✓	☐
Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [máu] (23.0039.1476)	810039	✓	✓	☐
Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay (03.3684.0556)	810040	✓	✓	☐
Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè (03.3754.0556)	810041	✓	✓	☐
Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn (03.3818.0218)	810042	✓	✓	☐
Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng (03.3381.0492)	810078	✓	✓	☐
Cắt nang/polyp rốn (03.3383.0584)	810079	✓	✓	☐
Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt (03.3384.0492)	810080	✓	✓	☐
Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BiPAP) (03.0082.0209)	810081	✓	✓	☐
Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản (03.0083.0209)	810082	✓	✓	☐
Chọc thăm dò màng phổi (03.0084.0077)	810083	✓	✓	☐
Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn (03.3387.0489)	810084	✓	✓	☐
HCV đo tải lượng Real-time PCR (24.0151.1654)	810046	✓	✓	☐
Tháo đốt bàn (03.3798.0571)	810047	✓	✓	☐
Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim ‹có thuốc cản quang› (18.0198.0041)	810048	✓	✓	☐
Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy (03.3889.0556)	810050	✓	✓	☐
Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên (03.3896.0344)	810051	✓	✓	☐
Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa (03.3710.0571)	810052	✓	✓	☐
Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm (03.0035.0099)	810053	✓	✓	☐
Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu (03.0043.0004)	810054	✓	✓	☐
Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu (03.0069.0001)	810055	✓	✓	☐
Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy. (03.0076.0114)	810056	✓	✓	☐
Mở khí quản (03.0078.0120)	810057	✓	✓	☐
Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi (03.0079.0077)	810058	✓	✓	☐
Cắt ruột thừa đơn thuần (10.0506.0459)	810059	✓	✓	☐
Chích áp xe phần mềm lớn (03.3817.0505)	810061	✓	✓	☐
Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần (03.3816.0571)	810062	✓	✓	☐
Gỡ dính gân (03.3804.0559)	810063	✓	✓	☐
Khâu nối thần kinh (03.3805.0572)	810064	✓	✓	☐
Gỡ dính thần kinh (03.3806.0572)	810065	✓	✓	☐
Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm² (03.3807.0574)	810066	✓	✓	☐
Thăm dò chức năng hô hấp (03.0088.1791)	810067	✓	✓	☐
Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần (03.0091.0300)	810070	✓	✓	☐
Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín (03.0092.0299)	810071	✓	✓	☐
Mở khí quản qua da cấp cứu (03.0096.0120)	810072	✓	✓	☐
Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột (03.3388.0489)	810085	✓	✓	☐
Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột (03.3389.0456)	810086	✓	✓	☐
Nắn gãm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles (03.3676.0556)	810087	✓	✓	☐
Phẫu thuật trật khớp khuỷu (03.3669.0548)	810088	✓	✓	☐
Cắt đoạn khớp khuỷu (03.3668.0534)	810089	✓	✓	☐
Gãm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn (03.3703.0556)	810090	✓	✓	☐
Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng (03.3725.0556)	810091	✓	✓	☐
Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển (03.3727.0556)	810092	✓	✓	☐
Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu (03.3728.0548)	810093	✓	✓	☐
Phẫu thuật viêm xương khớp háng (03.3729.0571)	810094	✓	✓	☐
Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần (03.3298.0465)	810095	✓	✓	☐
Phẫu thuật viêm ruột thừa (03.3327.0459)	810096	✓	✓	☐
Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng (03.3330.0493)	810098	✓	✓	☐
Cắt đoạn ruột non (03.3331.0458)	810099	✓	✓	☐
Đóng đinh xương chày mở (03.3758.0556)	810100	✓	✓	☐
Siêu âm 3D/4D tim (18.0053.0007)	810101	✓	✓	☐
Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [máu] (23.0033.1470)	810104	✓	✓	☐
Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá) (22.0292.1280)	810106	✓	✓	☐
Định lượng Ferritin (23.0063.1514)	810110	✓	✓	☐
Định lượng D-Dimer (22.0023.1239)	810112	✓	✓	☐
Định lượng Pro-BNP (23.0121.1548)	810130	✓	✓	☐
Vi khuẩn nhuộm soi (24.0001.1714)	810403	✓	✓	☐
Vibrio cholerae nhuộm soi (24.0043.1714)	810404	✓	✓	☐
Vibrio cholerae soi tươi (24.0042.1714)	810405	✓	✓	☐
Định lượng Cortisol (23.0046.1480)	810113	✓	✓	☐
Định lượng Urê máu [Máu] (23.0166.1494)	810115	✓	✓	☐
Siêu âm tuyến giáp (18.0001.0001)	810116	✓	✓	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Định lượng TSH (23.0162.1570)	810117	☑	☑	☐	
Định lượng FT4 (23.0069.1561)	810124	☑	☑	☐	
Virus test nhanh (24.0108.1720.SC2)	810408	☑	☑	☐	
Xác định nhóm máu A_1 (Kỹ thuật ống nghiệm) (22.0312.1266)	810409	☑	☑	☐	
Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser) (22.0135.1313)	810410	☑	☑	☐	
Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết (02.0304.0134)	810118	☑	☑	☐	
Siêu âm tuyến vú hai bên (18.0054.0001)	810119	☑	☑	☐	
Điện não đồ (02.0145.1777)	810120	☑	☑	☐	
Định lượng Cholesterol toàn phần (23.0215.1506)	810121	☑	☑	☐	
Định lượng T3 (23.0147.1561)	810122	☑	☑	☐	
Định lượng FT3 (23.0068.1561)	810125	☑	☑	☐	
Điện tim thường (21.0014.1778)	810127	☑	☑	☐	
Định lượng LDL (23.0112.1506)	810128	☑	☑	☐	
Định lượng HDL (23.0084.1506)	810129	☑	☑	☐	
Tổng phân tích nước tiểu (23.0206.1596)	810131	☑	☑	☐	
Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn (03.3587.0435)	810170	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên (03.3599.0492)	810171	☑	☑	☐	
Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang (03.3517.0421)	810172	☑	☑	☐	
Tiêm khớp gối (02.0381.0213)	810199	☑	☑	☐	
CRP định lượng [máu*] (23.9000.1483)	810136	☑	☑	☐	
Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [theo dõi suy tim trên người bệnh suy thận] (23.0028.1466)	810137	☑	☑	☐	
Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [người bệnh không suy thận] (23.0028.1548)	810138	☑	☑	☐	
Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu*] (23.0050.1484)	810139	☑	☑	☐	
Chụp cộng hưởng từ động mạch vành ‹có thuốc cản quang› (18.0349.0065)	810143	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính mạch vành (18.0207.0042)	810144	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính mạch vành (18.0208.0043)	810145	☑	☑	☐	
XN định lượng Vancomycin (23.0168.1498)	810146	☑	☑	☐	
Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ (18.0048.0004)	810148	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch thận (18.0024.0004)	810149	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch tử cung (18.0037.0004)	810150	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới (18.0045.0004)	810151	☑	☑	☐	
HDF Online (02.0209.0194)	810152	☑	☑	☐	
Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ (18.0048.0004)	810154	☑	☑	☐	
Tiêm khớp ức đòn (02.0390.0213)	810155	☑	☑	☐	
Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh cảm giác (21.0032.1775)	810459	☑	☑	☐	
Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh vận động (21.0033.1775)	810460	☑	☑	☐	
EV71 IgM/IgG test nhanh (24.0225.2041)	810461	☑	☑	☐	
Tiêm khớp đốt ngón tay (02.0387.0213)	810158	☑	☑	☐	
Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết (02.0262.0136)	810159	☑	☑	☐	
Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu (02.0294.0137)	810161	☑	☑	☐	
Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết (02.0306.0137)	810162	☑	☑	☐	
Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết (02.0307.0136)	810163	☑	☑	☐	
Siêu âm tim, màng tim qua thực quản (18.0050.0008)	810166	☑	☑	☐	
Siêu âm 3D/4D tim (18.0053.0007)	810167	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler mạch máu (02.0112.0004)	810168	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr (03.4022.0476)	810169	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ) (22.0284.1270)	810173	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt (03.3395.0492)	810174	☑	☑	☐	
Dẫn lưu nang ống mật chủ (03.3444.0464)	810175	☑	☑	☐	
Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu (03.3663.0556)	810176	☑	☑	☐	
Nhét bấc mũi sau (03.2149.0916)	810177	☑	☑	☐	
Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò (03.3350.0494)	810178	☑	☑	☐	
Định lượng HbA1c [máu] (23.0083.1523)	810179	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát (03.3386.0686)	810181	☑	☑	☐	
Phẫu thuật dính khớp khuỷu (03.3667.0551)	810182	☑	☑	☐	
Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng) (03.3732.0556)	810183	☑	☑	☐	
Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày (03.3760.0556)	810184	☑	☑	☐	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động [máu] (22.0013.1242)	810185	☐	☐	☐	
Chụp cộng hưởng từ động mạch vành ‹có thuốc cản quang› (18.0349.0065)	810186	☑	☑	☐	
Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời (03.3774.0577)	810187	☑	☑	☐	
Tháo bỏ các ngón chân (03.3797.0571)	810188	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương (03.3887.0556)	810189	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch (18.0099.0010)	810462	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch (18.0099.0012)	810463	☑	☑	☐	
Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0190.0040)	810464	☑	☑	☐	
Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0172.0041)	810465	☑	☑	☐	
Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0171.0040)	810466	☑	☑	☐	
HBsAb miễn dịch bán tự động (24.0123.1620)	810467	☑	☑	☐	
HBsAb test nhanh (24.0122.1643)	810468	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương (22.0286.1268)	810190	☑	☑	☐	
Đặt sonde hậu môn (03.0178.0211)	810194	☑	☑	☐	
Mở màng phổi tối thiểu (03.0085.0094)	810195	☑	☑	☐	
Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu (03.3685.0571)	810196	☑	☑	☐	
Tháo khớp gối (03.3755.0534)	810197	☑	☑	☐	
Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ (03.2103.0911)	810198	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm) (22.0291.1280)	810380	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới (18.0045.0004)	810388	☑	☑	☐	
Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm (22.0160.1345)	810392	☑	☑	☐	
Thời gian máu chảy phương pháp Duke (22.0019.1348)	810393	☑	☑	☐	
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở) (22.0120.1370)	810394	☑	☑	☐	
Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công) (22.0163.1412)	810395	☑	☑	☐	
Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0416.0214)	810200	☑	☑	☐	
Tiêm khớp khuỷu tay (02.0388.0213)	810205	☑	☑	☐	
Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0420.0214)	810206	☑	☑	☐	
Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán (20.0063.0142)	810208	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động) (22.0290.1275)	810230	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch thận (18.0024.0004)	810231	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...) (18.0023.0004)	810232	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel (03.4079.0457)	810241	☑	☑	☐	
Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp (03.0113.0074)	810266	☑	☑	☐	
Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay (03.3689.0556)	810267	☑	☑	☐	
Chụp động mạch vành (18.0657.0053)	810210	☑	☑	☐	
Tiêm khớp ức - sườn (02.0391.0213)	810213	☑	☑	☐	
Tiêm khớp háng (02.0382.0213)	810215	☑	☑	☐	
Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay (03.3690.0556)	810268	☑	☑	☐	

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp (03.3691.0577)	810269	☑	☑	☐	
Tháo khớp háng (03.3723.0534)	810270	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt cụt đùi (03.3726.0534)	810271	☑	☑	☐	
Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi (03.3740.0534)	810272	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) (18.0231.0043)	810218	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ CK-MB (23.0043.1478)	810219	☑	☑	☐	
Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn ‹nội soi kết hợp đường dưới› (03.2264.0669)	810220	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu (22.0285.1267)	810224	☑	☑	☐	
Định lượng Pro-calcitonin [Máu] (23.0130.1549)	810226	☑	☑	☐	
Định lượng Pro-calcitonin [máu] (23.0130.1483)	810229	☑	☑	☐	
Định lượng Cholesterol toàn phần (23.0041.1506)	810236	☑	☑	☐	
Tán sỏi niệu quản qua nội soi (03.4109.0440)	810238	☑	☑	☐	
Nội soi tháo sonde JJ (03.4107.0152)	810239	☑	☑	☐	
Nội soi đặt sonde JJ (03.4106.0436)	810240	☑	☑	☐	
Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu (03.3741.0571)	810273	☑	☑	☐	
Nắn, bó bột gãy Monteggia (03.3869.0521)	810274	☑	☑	☐	
Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp (03.3813.0551)	810276	☑	☑	☐	
Dẫn lưu dịch màng bụng (03.2355.0077)	810277	☑	☑	☐	
Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi (03.3834.0529)	810278	☑	☑	☐	
Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp (03.0080.0079)	810279	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy) (22.0283.1269)	810280	☑	☑	☐	
Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ (03.3586.0435)	810244	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt (03.3590.0492)	810245	☑	☑	☐	
Mở thông bàng quang (03.3532.0121)	810246	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng (03.3397.0492)	810247	☑	☑	☐	
Lấy máu tụ tầng sinh môn (03.3400.0632)	810248	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường (03.3401.0492)	810249	☑	☑	☐	
Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan (03.3416.0493)	810250	☑	☑	☐	
Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr (03.3428.0474)	810251	☑	☑	☐	
Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại (03.3434.0475)	810252	☑	☑	☐	
Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay (03.3662.0556)	810254	☑	☑	☐	
Bẻ cuốn dưới (03.2152.0867)	810255	☑	☑	☐	
Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại (03.3349.0494)	810256	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng (03.3385.0493)	810257	☑	☑	☐	
Phẫu thuật gãy Monteggia (03.3679.0556)	810258	☑	☑	☐	
Đặt nẹp vít điều trịgãy mâm chày và đầu trên xương chày (03.3738.0556)	810259	☑	☑	☐	
Đặt nẹp vít gãy thân xương chày (03.3759.0556)	810260	☑	☑	☐	
Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu (03.3776.0571)	810261	☑	☑	☐	
Tháo khớp cổ chân (03.3795.0534)	810262	☑	☑	☐	
Rút đinh các loại (03.3901.0563)	810263	☑	☑	☐	
Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay (03.3711.0571)	810264	☑	☑	☐	
Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể (03.3811.0571)	810265	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính mạch vành (18.0199.0040)	810281	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm) (22.0279.1269)	810284	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá) (22.0280.1269)	810285	☑	☑	☐	
Chụp động mạch vành (18.0657.0053)	810286	☑	☑	☐	
Siêu âm tim, màng tim qua thực quản (18.0050.0008)	810287	☑	☑	☐	
Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0414.0214)	810288	☑	☑	☐	
Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0413.0214)	810289	☑	☑	☐	
Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0415.0214)	810290	☑	☑	☐	
Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0422.0214)	810291	☑	☑	☐	
Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0417.0214)	810292	☑	☑	☐	
Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0411.0214)	810293	☑	☑	☐	
Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0412.0214)	810294	☑	☑	☐	
Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0418.0214)	810295	☑	☑	☐	
Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0421.0214)	810296	☑	☑	☐	
Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm (02.0419.0214)	810297	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp (10.0572.0577)	810298	☑	☑	☐	
Điện não đồ (21.0040.1777)	810299	☑	☑	☐	
Điện não đồ (03.0138.1777)	810300	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu (22.0287.1272)	810302	☑	☑	☐	
Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu (03.3815.0493)	810303	☑	☑	☐	
Chọc hút áp xe thành bụng (03.2356.0505)	810304	☑	☑	☐	
Nắn, bó bột trật khớp khuỷu (03.3844.0515)	810305	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương (22.0288.1271)	810306	☑	☑	☐	
Nội soi ổ bụng có sinh thiết (02.0289.0143)	810318	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động) (22.0289.1275)	810310	☑	☑	☐	
Bơm rửa màng phổi (03.0081.0071)	810311	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn (22.0294.1273)	810312	☑	☑	☐	
HBV đo tải lượng Real-time PCR (24.0136.1651)	810313	☑	☑	☐	
Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết (02.0304.0134)	810319	☑	☑	☐	
Siêu âm tuyến giáp (18.0001.0001)	810320	☑	☑	☐	
Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ (18.0048.0004)	810338	☑	☑	☐	
Siêu âm tim, màng tim qua thực quản (18.0050.0008)	810340	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch thận (18.0024.0004)	810331	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch tử cung (18.0037.0004)	810332	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch thận (18.0024.0004)	810341	☑	☑	☐	
Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [máu] (23.0032.1468)	810348	☑	☑	☐	
Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [máu] (23.0034.1469)	810349	☑	☑	☐	
Siêu âm tuyến giáp (18.0001.0001)	810352	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler tim, van tim (18.0052.0004)	810355	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới (18.0029.0004)	810356	☑	☑	☐	
Định lượng Calci ion hoá [Máu] (23.0030.1472)	810365	☑	☑	☐	
Định lượng Calci toàn phần [Máu] (23.0029.1473)	810366	☑	☑	☐	
Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori (02.0272.2044)	810372	☑	☑	☐	
Siêu âm ổ bụng (02.0314.0001)	810373	☐	☑	☐	
Siêu âm khớp (một vị trí) (02.0373.0001)	810374	☑	☑	☐	
Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...) (18.0044.0001)	810375	☑	☑	☐	
Treponema pallidum test nhanh (24.0098.1720)	810401	☑	☑	☐	
Vi khuẩn định danh PCR (24.0012.1719)	810402	☑	☑	☐	
HIV Ab miễn dịch bán tự động (24.0171.1617)	810472	☑	☑	☐	
HIV Ab test nhanh (24.0169.1616)	810473	☑	☑	☐	
Holter điện tâm đồ (21.0012.1798)	810474	☑	☑	☐	
Chụp CLVT hốc mắt (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0189.0040)	810475	☑	☑	☐	
Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0176.0040)	810476	☑	☑	☐	

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Holter huyết áp (21.0007.1798)	810477	☑	☑	☐	
Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn) (22.0605.1299)	810478	☑	☑	☐	
Huyết đồ (bằng máy đếm laser) (22.0125.1298)	810479	☑	☑	☐	
Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công) (22.0123.1297)	810480	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler tim, van tim (18.0052.0004)	810396	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler tim (02.0113.0004)	810398	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler tim, van tim (18.0052.0004)	810399	☑	☑	☐	
Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công (22.0152.1609)	810412	☑	☑	☐	
HBsAg test nhanh (24.0117.1646)	810413	☑	☑	☐	
Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm) (22.0267.1294)	810471	☑	☑	☐	
Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống (17.0026.0220)	810414	☑	☑	☐	
Phương pháp Proetz (15.0139.0897)	810416	☑	☑	☐	
Điều trị bằng các dòng điện xung (17.0007.0234)	810440	☑	☑	☐	
Tiêp bắp (03.3826.0075)	810441	☑	☑	☐	
Định lượng T4 (23.0148.1561)	810420	☑	☑	☐	
Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo (18.0031.0003)	810443	☑	☑	☐	
()	810445	☑	☑	☐	
Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng (20.0080.0135)	810446	☑	☑	☐	
Siêu âm tuyến giáp (18.0001.0001)	810450	☑	☑	☐	
Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết (02.0308.0139)	810451	☑	☑	☐	
Điều trị bằng từ trường (17.0004.0232)	810428	☑	☑	☐	
Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope) (21.0083.0848)	810454	☑	☑	☐	
Đo khúc xạ máy (21.0084.0754)	810455	☑	☑	☐	
Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí] (21.0102.0070)	810456	☑	☑	☐	
Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...) (21.0092.0755)	810457	☑	☑	☐	
Đo nhĩ lượng (21.0064.0885)	810458	☑	☑	☐	
Điều trị bằng dòng điện một chiều đều (17.0005.0231)	810429	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ GGT (23.0077.1518)	810430	☑	☑	☐	
HbsAg (24.0119.1649)	810431	☑	☑	☐	
Điện não đồ thường quy (03.0138.1777)	810434	☑	☑	☐	
Khí dung thuốc cấp cứu (03.0089.0898)	810436	☑	☑	☐	
Khâu phục hồi bờ mi (28.0035.0772)	810481	☑	☑	☐	
Leptospira test nhanh (24.0080.1675)	810482	☑	☑	☐	
Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị (20.0067.0140)	810483	☑	☑	☐	
Chụp CLVT mạch máu não (từ ≥ 256 dãy) [giá 64-128 dãy] (18.0182.0042)	810484	☑	☑	☐	
Mycoplasma hominis test nhanh (24.0085.1720)	810487	☑	☑	☐	
Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi (24.0049.1714)	810488	☑	☑	☐	
Neisseria meningitidis nhuộm soi (24.0056.1714)	810489	☑	☑	☐	
Nối gân duỗi (28.0340.0559)	810490	☑	☑	☐	
Phản ứng hòa hợp tiểu cầu (kỹ thuật pha rắn). (22.0624.1328)	810494	☑	☑	☐	
Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22ºC (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động) (22.0269.1329)	810495	☑	☑	☐	
Phản ứng Pandy [dịch] (23.0209.1606)	810496	☑	☑	☐	
Phản ứng Rivalta [dịch] (23.0220.1608)	810497	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo (28.0299.0662)	810498	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai (28.0160.0562)	810499	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt chỉnh cằm (28.0189.1064)	810500	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da lân cận (28.0325.0573)	810501	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da tại chỗ (28.0324.0573)	810502	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân (28.0323.1126)	810503	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận (28.0330.0573)	810504	☑	☑	☐	
Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ (28.0329.0573)	810505	☑	☑	☐	
Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ (28.0161.0576)	810506	☑	☑	☐	
Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt (28.0168.1076)	810507	☑	☑	☐	
Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng ghép da tự thân (28.0281.1126)	810508	☑	☑	☐	
Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng vạt da cơ có cuống mạch (28.0282.1136)	810509	☑	☑	☐	
Phẫu thuật loét tì đè mấu chuyển bằng vạt da cơ có cuống mạch (28.0284.1136)	810510	☑	☑	☐	
Phẫu thuật loét tì đè ụ ngồi bằng vạt da cơ có cuống mạch (28.0283.1136)	810511	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung (27.0421.0687)	810512	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi cắt túi mật (27.0273.0473)	810513	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng (27.0190.2039)	810514	☑	☑	☐	
Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày (27.0142.0451)	810515	☑	☑	☐	
Phẫu thuật vết thương khuyết da niêm mạc vùng âm hộ âm đạo bằng vạt da tại chỗ (28.0295.1136)	810516	☑	☑	☐	
Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức (28.0162.0576)	810517	☑	☑	☐	
Rotavirus test nhanh (24.0249.1697)	810520	☑	☑	☐	
Rửa hồng cầu/ tiểu cầu bằng máy ly tâm lạnh (22.0487.1338)	810521	☑	☑	☐	
Salmonella Widal (24.0093.1703)	810522	☑	☑	☐	
Sắc tố mật (23.9004.1599)	810524	☑	☑	☐	
Siêu âm tại giường (18.0703.0001)	810525	☑	☑	☐	
Siêu âm tim cấp cứu tại giường (01.0019.0004)	810527	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0165.0040)	810528	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0166.0041)	810529	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0170.0041)	810530	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0178.0040)	810531	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0179.0041)	810532	☑	☑	☐	
Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0183.0040)	810533	☑	☑	☐	
Streptococcus pyogenes ASO (24.0094.1623)	810534	☑	☑	☐	
Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0175.0041)	810535	☑	☑	☐	
Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0174.0040)	810536	☑	☑	☐	
Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ (22.0137.1361)	810539	☑	☑	☐	
Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm) (22.0139.1362)	810540	☑	☑	☐	
Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công) (22.0138.1362)	810541	☑	☑	☐	
Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ ≥ 256 dãy) [giá 64-128 dãy] (18.0181.0042)	810543	☑	☑	☐	
Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm (22.0160.1345)	810544	☑	☑	☐	
Thời gian máu chảy phương pháp Duke (22.0019.1348)	810545	☑	☑	☐	
Thời gian máu đông (22.9000.1349)	810546	☑	☑	☐	
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động (22.0002.1352)	810547	☑	☑	☐	
Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động (22.0008.1353)	810548	☑	☑	☐	
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động. (22.0006.1354)	810549	☑	☑	☐	
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động (22.0005.1354)	810550	☑	☑	☐	
Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần) (22.0127.0091)	810551	☑	☑	☐	
Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần) (22.0126.0092)	810552	☑	☑	☐	
Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay) (22.0128.0093)	810553	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên (18.0092.0013)	810554	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên (18.0092.0028)	810555	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên (18.0092.0029)	810556	☑	☑	☐	

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng (18.0093.0011)	810557	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng (18.0093.0029)	810558	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn (18.0094.0011)	810559	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze (18.0095.0010)	810560	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng (18.0096.0011)	810561	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng (18.0096.0013)	810562	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng (18.0096.0028)	810563	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng (18.0096.0029)	810564	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên (18.0097.0030)	810565	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khung chậu thẳng (18.0098.0010)	810568	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khung chậu thẳng (18.0098.0012)	810569	☑	☑	☐	
Chụp Blondeau + Hirtz [Chụp Xquang phim > 24x30 cm] (18.9001.0013)	810570	☑	☑	☐	
Chụp Blondeau + Hirtz [Chụp Xquang phim ≤ 24x30 cm] (18.9001.0011)	810571	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) [giá 32 dãy] (18.0269.0041)	810572	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0285.0041)	810573	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0284.0040)	810574	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0287.0041)	810575	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0286.0040)	810576	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0272.0040)	810577	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu (từ 1-32 dãy) (18.0230.0041)	810578	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0289.0041)	810581	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0275.0041)	810582	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0274.0040)	810583	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64- 128 dãy) (18.0281.0042)	810586	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ ≥ 256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0213.0040)	810587	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ ≥ 256 dãy) [giá 64-128 dãy] (18.0218.0042)	810590	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ ≥256 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0292.0041)	810591	☑	☑	☐	
Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy) [giá 1-32 dãy] (18.0278.0041)	810592	☑	☑	☐	
Chụp X quang ổ răng (18.9000.9000)	810593	☑	☑	☐	
Chụp X quang ổ răng số hóa (18.9000.9001)	810594	☑	☑	☐	
Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động (24.0189.1635)	810597	☑	☑	☐	
Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động (24.0188.1636)	810598	☑	☑	☐	
Dengue virus IgM/IgG test nhanh (24.0187.1637)	810599	☑	☑	☐	
Điện võng mạc (21.0070.0747)	810600	☑	☑	☐	
Định lượng Acid Folic (22.0079.1515)	810601	☑	☑	☐	
Định lượng Alpha1 Antitrypsin [Máu] (23.0008.1490)	810603	☑	☑	☐	
Định lượng Amylase (niệu) (23.0175.1576)	810604	☑	☑	☐	
Định lượng Anti CCP [Máu] (23.0013.1491)	810605	☑	☑	☐	
Định lượng Cyclosporin A (22.0081.1485)	810614	☑	☑	☐	
Định lượng Cystatine C [Máu] (23.0047.1495)	810615	☑	☑	☐	
Định lượng D-Dimer bằng kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang (22.0570.1238)	810616	☑	☑	☐	
Định lượng Ethanol (cồn) [Máu] (23.0060.1496)	810617	☑	☑	☐	
Định lượng FDP (22.0043.1241)	810618	☑	☑	☐	
Định lượng Ferritin (22.0116.1514)	810619	☑	☑	☐	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (22.0014.1242)	810620	☑	☑	☐	
Định lượng Globulin (thủy dịch) (23.0212.1494)	810625	☑	☑	☐	
Định lượng Glucose (dịch não tủy) (23.0208.1605)	810626	☑	☑	☐	
Định lượng Lambda [Máu] (23.0105.1533)	810627	☑	☑	☐	
Định lượng Lambda tự do (Free Lambda) [Máu] (23.0106.1498)	810628	☑	☑	☐	
Định lượng Mg [Máu] (23.0118.1503)	810629	☑	☑	☐	
Định lượng Protein (dịch não tủy) (23.0210.1607)	810630	☑	☑	☐	
Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen) (22.0045.1247)	810631	☑	☑	☐	
Định lượng Protein S toàn phần (22.0046.1248)	810632	☑	☑	☐	
Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh (UIBC) (22.0084.1502)	810634	☑	☑	☐	
Định lượng sắt huyết thanh (22.0117.1503)	810635	☑	☑	☐	
Định lượng Tacrolimus [Máu] (23.0150.1562)	810637	☑	☑	☐	
Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu] (23.0154.1565)	810638	☑	☑	☐	
Định lượng Troponin Ths [Máu] (23.0160.1569)	810642	☑	☑	☐	
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá) (22.0280.1269)	810643	☑	☑	☐	
Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm) (22.0281.1281)	810647	☑	☑	☐	
Đo điện thế kích thích cảm giác (21.0034.1775)	810648	☑	☑	☐	
Đo điện thế kích thích vận động (21.0036.1775)	810649	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu] (23.0042.1482)	810651	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ MPO [Máu] (23.0116.1452)	810652	☑	☑	☐	
Đo khúc xạ giác mạc Javal (21.0085.0753)	810653	☑	☑	☐	
Chụp Xquang đường dò (18.0135.0025)	810654	☑	☑	☐	
Chụp Xquang đường mật qua Kehr (18.0133.0019)	810655	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0013)	810656	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp háng nghiêng (18.0110.0010)	810657	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp háng nghiêng (18.0110.0012)	810658	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên (18.0109.0012)	810659	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0104.0011)	810660	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0104.0013)	810661	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0104.0028)	810662	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) (18.0105.0010)	810663	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) (18.0105.0012)	810664	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) (18.0105.0028)	810665	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch (18.0122.0011)	810666	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch (18.0122.0013)	810667	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch (18.0122.0028)	810668	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch (18.0122.0029)	810669	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp vai thẳng (18.0100.0010)	810670	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp vai thẳng [thẳng và nghiêng] (18.0100.0029)	810671	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch (18.0101.0010)	810672	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch (18.0101.0012)	810673	☑	☑	☐	
Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi (18.0134.0019)	810674	☑	☑	☐	
Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng (18.0143.0033)	810675	☑	☑	☐	
Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) (18.0140.0032)	810676	☑	☑	☐	
Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng (18.0142.0021)	810677	☑	☑	☐	
Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng (18.0142.0033)	810678	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ngực thẳng (18.0119.0012)	810679	☐	☑	☐	
Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên (18.0120.0010)	810680	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên (18.0120.0012)	810681	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên (18.0120.0028)	810682	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ống tuyến sữa (18.0139.0039)	810683	☑	☑	☐	

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Chụp Xquang ruột non (18.0131.0035)	810684	☑	☑	☐	
Chụp Xquang tại giường (18.0127.0028)	810685	☑	☑	☐	
Chụp Xquang tại phòng mổ (18.0128.0028)	810686	☑	☑	☐	
Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng (18.0118.0013)	810687	☑	☑	☐	
Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng (18.0118.0030)	810688	☑	☑	☐	
Chụp Xquang tuyến vú (18.0126.0026)	810689	☑	☑	☐	
Chụp Xquang tử cung vòi trứng (18.0138.0031)	810690	☑	☑	☐	
Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng (18.0124.0016)	810691	☑	☑	☐	
Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng (18.0124.0034)	810692	☑	☑	☐	
Chụp Xquang thực quản dạ dày (18.0130.0017)	810693	☑	☑	☐	
Chụp Xquang thực quản dạ dày (18.0130.0035)	810694	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0010)	810695	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0013)	810696	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0028)	810697	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0108.0013)	810698	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0108.0028)	810699	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0116.0011)	810700	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0116.0013)	810701	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè (18.0113.0011)	810702	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè (18.0113.0013)	810703	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè (18.0113.0028)	810704	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0011)	810705	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0013)	810706	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0028)	810707	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng (18.0114.0011)	810708	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng (18.0114.0013)	810709	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng (18.0114.0028)	810710	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0011)	810711	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0013)	810712	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0028)	810713	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0115.0011)	810714	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0115.0013)	810715	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0115.0028)	810716	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0011)	810717	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0013)	810718	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0028)	810719	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng (18.0111.0011)	810720	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng (18.0111.0013)	810721	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng (18.0111.0028)	810722	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng (18.0117.0011)	810723	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng (18.0117.0028)	810724	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng (18.0121.0011)	810725	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng (18.0121.0013)	810726	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng (18.0121.0028)	810727	☑	☑	☐	
AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen (24.0017.1714)	810728	☑	☑	☐	
Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi (20.0087.0152)	810729	☑	☑	☐	
Bơm túi giãn da vùng da đầu (28.0022.1135)	810730	☑	☑	☐	
Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi (27.0436.0690)	810731	☑	☑	☐	
Cắt u buồng trứng qua nội soi (27.0433.0689)	810732	☑	☑	☐	
Cắt u máu vùng đầu mặt cổ (28.0217.1059)	810733	☑	☑	☐	
Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi (27.0396.0433)	810734	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng (18.0086.0011)	810737	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng (18.0086.0013)	810738	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng (18.0086.0029)	810739	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên (18.0087.0010)	810740	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên (18.0087.0013)	810741	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên (18.0087.0028)	810742	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên (18.0087.0029)	810743	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế (18.0088.0030)	810744	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 (18.0089.0010)	810745	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 (18.0089.0028)	810746	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 (18.0089.0029)	810747	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch (18.0090.0011)	810748	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch (18.0090.0013)	810749	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch (18.0090.0028)	810750	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch (18.0090.0029)	810751	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng (18.0091.0011)	810752	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên (18.0092.0011)	810753	☑	☑	☐	
Thay băng vết mổ (15.0303.0202)	810759	☑	☑	☐	
Thay băng vết mổ (15.0303.0205)	810760	☑	☑	☐	
Thay băng vết mổ (15.0303.0204)	810761	☑	☑	☐	
Thay băng (10.9003.0201)	810763	☑	☑	☐	
Thay băng, cắt chỉ vết mổ (03.3826.0202)	810767	☑	☑	☐	
Thay băng, cắt chỉ vết mổ (03.3826.0200)	810768	☑	☑	☐	
Điều trị bằng sóng ngắn (17.0001.0254)	810780	☑	☑	☐	
Khám Răng hàm mặt (16.1897)	810781	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] (23.0020.1493)	810783	☑	☑	☐	
Cắt chỉ khâu da mi đơn giản (14.0203.0075)	810801	☑	☑	☐	
Cắt chỉ khâu kết mạc (14.0204.0075)	810802	☑	☑	☐	
Thay băng điều trị vết thương mạn tính (11.0116.0199)	810803	☑	☑	☐	
Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật (28.0352.1091)	810804	☑	☑	☐	
Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu (01.0053.0075)	810805	☑	☑	☐	
Đặt catheter lọc máu cấp cứu (01.0172.0101)	810806	☑	☑	☐	
Chăm sóc da cho bn steven jonhson (03.4212.0076)	810807	☑	☑	☐	
Tháo bột các loại (03.4246.0198)	810808	☑	☑	☐	
Cắt chỉ khâu giác mạc (14.0192.0075)	810809	☑	☑	☐	
Cắt chỉ khâu kết mạc (03.1690.0075)	810810	☑	☑	☐	
Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu (02.0498.0101)	810811	☑	☑	☐	
Tiêm trong da (03.2387.0212)	810812	☑	☑	☐	
Tiêm dưới da (03.2388.0212)	810813	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] (23.0019.1493)	810784	☑	☑	☐	
Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) (18.0015.0001)	810786	☑	☑	☐	
Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng (11.0089.0215)	810814	☑	☑	☐	
Cắt chỉ khâu da (03.1703.0075)	810815	☑	☑	☐	
Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch (14.0291.0212)	810816	☑	☑	☐	

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Tiêm bắp thịt (03.2389.0212)	810817	☑	☑	☐
Tiêm tĩnh mạch (03.2390.0212)	810818	☑	☑	☐
Truyền tĩnh mạch (03.2391.0215)	810819	☑	☑	☐
Cắt chỉ (10.9004.0075)	810820	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa (27.0187.2039)	810790	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa (27.0191.0451)	810791	☑	☑	☐
Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson (03.3007.0076)	810821	☑	☑	☐
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động (22.0012.1254)	810837	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa (27.0187.2039)	810843	☑	☑	☐
Nội soi trực tràng ống mềm (02.0256.0139)	810823	☑	☑	☐
Bơm thông lệ đạo (14.0197.0854)	810825	☑	☑	☐
Bơm thông lệ đạo (14.0197.0855)	810826	☑	☑	☐
Bơm thông lệ đạo (03.1685.0854)	810827	☑	☑	☐
Vận động trị liệu hô hấp (01.0085.0277)	810828	☑	☑	☐
Vận động trị liệu hô hấp (02.0068.0277)	810829	☑	☑	☐
Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp (08.0429.0280)	810830	☑	☑	☐
Điện châm (Kim ngắn) (08.0005.0230)	810831	☑	☑	☐
Đỡ đẻ thường ngôi chỏm (13.0033.0614)	810832	☑	☑	☐
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá) ()	810835	☑	☑	☐
Siêu âm tim thai qua đường âm đạo (03.4253.0003)	810836	☑	☑	☐
Phẫu thuật lấy thai lần đầu (13.0007.0671)	810838	☑	☑	☐
Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên (13.0002.0672)	810839	☑	☑	☐
HCV Ab miễn dịch tự động (24.0146.1622)	810844	☑	☑	☐
Chụp Xquang bao rễ thần kinh (18.0148.0027)	810845	☑	☑	☐
Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng (18.0141.0020)	810846	☑	☑	☐
Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng (18.0141.0032)	810847	☑	☑	☐
Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng (18.0125.0012)	810848	☐	☑	☐
Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng (18.0125.0028)	810849	☐	☑	☐
Chụp Xquang đại tràng (18.0132.0018)	810850	☑	☑	☐
Chụp Xquang đại tràng (18.0132.0036)	810851	☑	☑	☐
Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn (18.0123.0010)	810852	☑	☑	☐
Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn (18.0123.0012)	810853	☑	☑	☐
Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng (18.0091.0029)	810857	☑	☑	☐
Chụp Xquang ngực thẳng (18.0119.0010)	810862	☑	☑	☐
Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng (18.0091.0013)	810864	☑	☑	☐
Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn (18.0094.0013)	810868	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp vai thẳng (18.0100.0010)	810869	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp vai thẳng (18.0100.0012)	810870	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch (18.0101.0010)	810871	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0010)	810873	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0013)	810874	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0011)	810875	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0013)	810876	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0011)	810877	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0013)	810878	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0011)	810879	☑	☑	☐
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0013)	810880	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0011)	810881	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0013)	810882	☑	☑	☐
Điều trị bằng vi sóng (17.0003.0254)	810883	☑	☑	☐
Điều trị bằng từ trường (17.0004.0232)	810884	☑	☑	☐
Điều trị bằng dòng điện một chiều đều (17.0005.0231)	810885	☑	☑	☐
Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc (17.0006.0231)	810886	☑	☑	☐
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0028)	810888	☑	☑	☐
Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu] (23.0018.1457)	810889	☑	☑	☐
Định lượng PSA toàn phần (23.0139.1553)	810890	☑	☑	☐
Định lượng PSA tự do (23.0139.1554)	810891	☑	☑	☐
HCV Ab test nhanh (24.0144.1621)	810892	☑	☑	☐
HBeAg miễn dịch tự động (24.0132.1644)	810896	☑	☑	☐
Định lượng Troponin T [Máu] (23.0159.1569)	810900	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0264.0040)	810901	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0265.0041)	810902	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dãy) (18.0266.0041)	810903	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 1- 32 dãy) (18.0195.0040)	810904	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy) (18.0193.0040)	810905	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0191.0040)	810907	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0256.0041)	810908	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0255.0040)	810909	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0257.0040)	810910	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT) (18.0164.0040)	810911	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0262.0041)	810912	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT) (18.0163.0040)	810913	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0258.0041)	810914	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT) (18.0162.0040)	810915	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dãy) (18.0267.0041)	810916	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy) (18.0196.0041)	810917	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0192.0041)	810918	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) (18.0219.0040)	810919	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0261.0040)	810920	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy) (18.0259.0040)	810921	☑	☑	☐
Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy) (18.0197.0041)	810922	☑	☑	☐
Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0151.0041)	810923	☑	☑	☐
Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0156.0041)	810924	☑	☑	☐
Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dãy) (18.0158.0040)	810925	☑	☑	☐
Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 1-32 dãy) (18.0157.0040)	810926	☑	☑	☐
Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0150.0041)	810927	☑	☑	☐
Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0155.0040)	810928	☑	☑	☐
Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy) (18.0154.0041)	810929	☑	☑	☐
Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) (18.0160.0040)	810930	☑	☑	☐
Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0149.0040)	810931	☑	☑	☐
Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dãy) (18.0153.0041)	810932	☑	☑	☐
Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 1-32 dãy) (18.0152.0041)	810933	☑	☑	☐
Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy) (18.0159.0041)	810934	☑	☑	☐
Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi (03.2177.0965_GT)	810935	☑	☑	☐
Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột (03.3389.0456_GT)	810936	☑	☑	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn (03.3387.0489_GT)	810937	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột (03.3388.0489_GT)	810938	☑	☑	☐	
Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm (03.2457.1044)	810939	☑	☑	☐	
Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm (03.2536.1049)	810940	☑	☑	☐	
Cắt u phần mềm vùng cổ (03.2451.1049)	810941	☑	☑	☐	
Cắt u da đầu lành, đường kính từ5 cm trở lên (03.2455.1045)	810942	☑	☑	☐	
Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm (03.2443.1045)	810943	☑	☑	☐	
Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi (03.2177.0965)	810944	☑	☑	☐	
Cắt u da đầu lành, đường kính dưới5 cm (03.2456.1044)	810945	☑	☑	☐	
Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm (03.2444.1045)	810946	☑	☑	☐	
Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm (03.2442.1045)	810947	☑	☑	☐	
Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm (03.2458.1044)	810948	☑	☑	☐	
Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm (03.2457.1049)	810949	☑	☑	☐	
Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới5 cm (03.2535.1049)	810950	☑	☑	☐	
Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm (03.2532.1049)	810951	☑	☑	☐	
Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm (03.2458.1049)	810952	☑	☑	☐	
Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] (23.0027.1493)	810954	☑	☑	☐	
Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] (23.0025.1493)	810955	☑	☑	☐	
Dengue virus NS1Ag test nhanh (24.0183.1637)	810957	☑	☑	☐	
Định lượng Insulin [Máu] (23.0098.1529)	810958	☑	☑	☐	
Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu] (23.0138.1554)	810959	☑	☑	☐	
Định lượng Protein toàn phần [Máu] (23.0133.1494)	810960	☑	☑	☐	
Định lượng Triglycerid (máu) [Máu] (23.0158.1506)	810961	☑	☑	☐	
Streptococcus pyogenes ASO (24.0094.1623)	810962	☑	☑	☐	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động (22.0011.1254)	810964	☑	☑	☐	
Nội soi tai mũi họng (20.0013.0933)	810965	☑	☑	☐	
Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu] (23.0035.1471)	810966	☑	☑	☐	
Đo hoạt độ Amylase [Máu] (23.0010.1494)	810967	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ngực thẳng (18.0119.0010)	811004	☑	☑	☐	
Siêu âm hạch vùng cổ (18.0004.0001)	811007	☑	☑	☐	
Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới (18.0045.0004)	811008	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0011)	811010	☑	☑	☐	
Định lượng Acid Uric (23.0003.1494)	810968	☑	☑	☐	
Tháo khớp vai (03.3648.0534)	811076	☑	☑	☐	
Mổ lấy sỏi bàng quang (03.3531.0421)	811077	☑	☑	☐	
Lấy sỏi niệu quản (03.3492.0421)	811078	☑	☑	☐	
Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn (03.3649.0556)	811079	☑	☑	☐	
Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản (03.3399.0600)	811080	☑	☑	☐	
Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt (03.3396.0492)	811081	☑	☑	☐	
Điện giải đồ (Na, K, Cl) ‹máu› (23.0058.1487)	810977	☐	☐	☐	
Dẫn lưu đài bể thận qua da (03.3482.0464)	811082	☑	☑	☐	
Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận (03.3489.0464)	811083	☑	☑	☐	
Nối niệu quản - đài thận (03.3490.0422)	811084	☑	☑	☐	
Định lượng CK-MB mass [Máu] (23.0044.1478)	810981	☑	☑	☐	
Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] (23.0026.1493)	810983	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng (18.0117.0029)	810987	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0116.0028)	810988	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0108.0010)	810989	☑	☑	☐	
Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng (18.0086.0028)	810990	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0108.0029)	810992	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0116.0029)	810993	☑	☑	☐	
Cắt nối niệu quản (03.3491.0422)	811085	☑	☑	☐	
Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương (03.3650.0553)	811086	☑	☑	☐	
Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay (03.3664.0548)	811089	☑	☑	☐	
Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay (03.3665.0556)	811090	☑	☑	☐	
Ghi điện não đồ vi tính (21.0037.1777)	811019	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng (18.0103.0029)	811038	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng (18.0114.0029)	811039	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng (18.0106.0029)	811040	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0107.0029)	811041	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch (18.0099.0028)	811042	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng (18.0111.0029)	811043	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng (18.0121.0029)	811044	☑	☑	☐	
Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) (18.0020.0001)	811045	☑	☑	☐	
Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối (18.0036.0001)	811046	☑	☑	☐	
Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa (18.0035.0001)	811047	☑	☑	☐	
Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu (18.0034.0001)	811048	☑	☑	☐	
Siêu âm tuyến giáp (18.0001.0001)	811049	☑	☑	☐	
Siêu âm tử cung phần phụ (18.0018.0001)	811051	☑	☑	☐	
Định lượng Triglycerid (23.0221.1506)	811015	☑	☑	☐	
Phẫu thuật co gân Achille (03.3763.0559)	811054	☑	☑	☐	
Phẫu thuật khớp giả xương chầy (03.3766.0556)	811055	☑	☑	☐	
Gãm Kirschner trong gãy mắt cá (03.3778.0556)	811056	☑	☑	☐	
Kết hợp xương trong trong gãy xương mác (03.3779.0556)	811057	☑	☑	☐	
Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân (03.3785.0556)	811058	☑	☑	☐	
Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay (03.3686.0571)	811059	☑	☑	☐	
Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu (03.3687.0571)	811060	☑	☑	☐	
Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay (03.3688.0556)	811061	☑	☑	☐	
Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên (03.3788.0556)	811062	☑	☑	☐	
Đặt vít gãy thân xương sên (03.3786.0556)	811063	☑	☑	☐	
Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren (03.3789.0556)	811064	☑	☑	☐	
Tháo một nửa bàn chân trước (03.3792.0534)	811065	☑	☑	☐	
Định lượng Albumin [Máu] (23.0007.1494)	811024	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khung chậu thẳng (18.0098.0028)	811026	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0112.0029)	811027	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp háng nghiêng (18.0110.0028)	811028	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên (18.0109.0028)	811029	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0104.0029)	811030	☑	☑	☐	
Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch (18.0101.0028)	811031	☑	☑	☐	
Chụp Xquang số hóa khớp vai thẳng (18.0100.0028)	811032	☑	☑	☐	
Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn (18.0123.0028)	811033	☑	☑	☐	
Chụp Xquang ngực thẳng (18.0119.0028)	811034	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch (18.0115.0029)	811035	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè (18.0113.0029)	811036	☑	☑	☐	
Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng (18.0102.0029)	811037	☑	☑	☐	

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren (03.3794.0556)	811066	☑	☑	☐
Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt (03.3589.0492)	811067	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi nạo V.A (03.3961.0958)	811068	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi (03.3959.0918)	811069	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới (03.3958.0969)	811070	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy (03.3957.0975)	811071	☑	☑	☐
Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới (03.3956.0969)	811072	☑	☑	☐
Chích hạch viêm mủ (03.3910.0505)	811073	☑	☑	☐
Chích rạch áp xe nhỏ (03.3909.0505)	811074	☑	☑	☐
Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn (03.3608.0505)	811075	☑	☑	☐
Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu (03.3666.0550)	811091	☑	☑	☐
Làm Proetz (03.2154.0897)	811092	☑	☑	☐
Nắn sống mũi sau chấn thương (03.2148.0912)	811093	☑	☑	☐
Phẫu thuật nạo VA gây mê (03.2240.0914)	811094	☑	☑	☐
Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ (03.2245.0216)	811095	☑	☑	☐
Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê (03.2179.0870)	811096	☑	☑	☐
Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm (03.2329.0095)	811097	☑	☑	☐
Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn (03.3348.0494)	811098	☑	☑	☐
Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá) (22.0280.1269)	811104	☑	☑	☐
Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động) (22.0290.1275)	811112	☑	☑	☐
Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá) (22.0292.1280)	811115	☑	☑	☐
()	811116	☑	☑	☐
Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết (02.0304.0134)	811122	☑	☑	☐
Định lượng Troponin I (hs) [máu] (23.0161.1569)	811128	☑	☑	☐
Siêu âm Doppler động mạch thận (18.0024.0004)	811131	☑	☑	☐
Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới (18.0045.0004)	811132	☑	☑	☐
Dengue virus NS1Ag/IgM-IgG test nhanh (24.0184.1637)	811140	☑	☑	☐
Điện tim thường (02.0085.1778)	811142	☑	☑	☐
CRP định lượng [máu] (23.9000.1544)	811150	☑	☑	☐
Chỉ định Thuốc	820000	☑	☑	☐
Thuốc không phù hợp với chẩn đoán	821000	☑	☑	☑
Citicoline 40.563	820001	☑	☑	☐
Progesteron 40.795	820002	☑	☑	☐
Diosmin 40.735	820003	☑	☑	☐
Omeprazol 40.677	820006	☑	☑	☐
Pantoprazol 40.679	820007	☑	☑	☐
Rabeprazol 40.680	820008	☑	☑	☐
Rebamipid 40.683	820009	☑	☑	☐
Lansoprazol 40.668	820010	☑	☑	☐
Kali clorid 40.567	820011	☑	☑	☐
Piracetam 40.576 1.01	820013	☑	☑	☐
Diacerein 40.63	820015	☑	☑	☐
ENTEROGOLDS Bacillus clausii 40.719 1.01	820410	☑	☑	☐
Tottim extra 05C.125.1	820495	☑	☑	☐
Esomeprazole 40.678	820016	☑	☑	☐
Gliclazid 40.800	820019	☑	☑	☐
Glimepirid 40.801	820020	☑	☑	☐
Glimepirid + metformin 40.30.777	820021	☑	☑	☐
Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short-acting) 40.804	820022	☑	☑	☐
Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting) 40.805	820023	☑	☑	☐
Insulin tác dụng trung bình, trung gian (Medium-acting, Intermediate-acting) 40.803	820024	☑	☑	☐
Rotundin 40.937	820027	☑	☑	☐
Propylthiouracil (PTU) 40.816	820028	☑	☑	☐
Telmisartan 40.526	820032	☑	☑	☐
Perindopril 40.520	820033	☑	☑	☐
Telmisartan + hydroclorothiazid 40.527	820036	☑	☑	☐
Valsartan 40.528	820037	☑	☑	☐
Valsartan + hydroclorothiazid 40.529	820038	☑	☑	☐
Nicardipin 40.518	820040	☑	☑	☐
Nebivolol 40.517	820041	☑	☑	☐
Irbesartan 40.506	820042	☑	☑	☐
Irbesartan + hydroclorothiazid 40.507	820043	☑	☑	☐
Lacidipin 40.508	820044	☑	☑	☐
Etifoxin chlohydrat 40.934	820052	☑	☑	☐
Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực 05C.28.2	820055	☑	☑	☐
Amlodipin + indapamid + perindopril 40.30.499	820063	☑	☑	☐
Amlodipine+ indapamide 40.30.498	820064	☑	☑	☐
Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid 40.30.502	820066	☑	☑	☐
Dutasterid 40.414	820069	☑	☑	☐
Diltiazem 40.477	820072	☑	☑	☐
Felodipin 40.502	820099	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481	820103	☑	☑	☐
Insulin analog trộn, hỗn hợp [dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart] 40.30.805.1	820104	☑	☑	☐
Kẽm sulfat 40.724	820105	☑	☑	☐
Racecadotril 40.732	820107	☑	☑	☐
Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec) 40.806	820114	☑	☑	☐
Fluticasone furoate 40.902	820121	☑	☑	☐
Piroxicam 40.55	820124	☑	☑	☐
Naphazolin 40.905	820126	☑	☑	☐
Levodopa + benserazid 40.421	820127	☑	☑	☐
Acenocoumarol 40.537	820130	☑	☑	☐
Ursodeoxycholic acid 40.756	820132	☑	☑	☐
Otilonium bromide 40.30.738	820135	☑	☑	☐
Pravastatin 40.557	820137	☑	☑	☐
Vinpocetin 40.580	820138	☑	☑	☐
Dydrogesteron 40.784	820139	☑	☑	☐
Bezafibrat 40.550	820140	☑	☑	☐
Thiocolchicosid 40.841	820142	☑	☑	☐
Bilastine 40.30.95	820144	☑	☑	☐
Tamsulosin hydroclorid 40.30.427	820145	☑	☑	☐
Lactulose 40.710	820147	☑	☑	☐
Aspirin 40.538 1.01	820148	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid+ clopidogrel 40.30.554 1.01	820152	☑	☑	☐
Allopurinol 40.59	820155	☑	☑	☐
Natri Valproat 40.141 1.01	820158	☑	☑	☐

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Natri Valproat + Acid valproic 40.142 1.01	820159	☑	☑	☐
Oxcarbazepin 40.135 1.01	820161	☑	☑	☐
Piperacilin + Tazobactam 40.192 2.10	820165	☑	☑	☐
calcitonin 40.813 2.10	820168	☑	☑	☐
Nimovac-V 40.572	820248	☑	☑	☐
Amoxicilin + Sulbactam 40.156 2.10	820169	☑	☑	☐
L-Ornithin - L-aspartat 40.747 2.10	820170	☑	☑	☐
Losartan 40.512 1.01	820172	☑	☑	☐
Meloxicam 40.41 2.10	820173	☑	☑	☐
Nitroglycerin 40.478 2.10	820175	☑	☑	☐
Trimebutin maleat 40.754 1.01	820176	☑	☑	☐
Magnesi + Vitamin B6 40.1055 1.01	820177	☑	☑	☐
Fexofenadin 40.87 1.01	820180	☑	☑	☐
Acarbose 40.798 1.01	820184	☑	☑	☐
Metoprolol 40.515 1.01	820185	☑	☑	☐
Clopidogrel 40.540 1.01	820186	☑	☑	☐
Clopidogrel Acetylsalicylic acid 40.457+29 1.01	820187	☑	☑	☐
Clopidogrel 40.540	820197	☑	☑	☐
Fenofibrat 40.553	820198	☑	☑	☐
Rosuvastatin 40.558 1.01	820202	☑	☑	☐
Bezafibrat 40.550 1.01	820203	☑	☑	☐
Captopril 40.496	820206	☑	☑	☐
Hishiphagen combination intravenous 40.745	820249	☑	☑	☐
Calcitriol 40.1040	820250	☑	☑	☐
Aspirin 40.538 1.01	820209	☑	☑	☐
Vitamin D3 40.1060 1.01	820213	☑	☑	☐
Propranolol 40.487 1.01	820214	☑	☑	☐
Haloperidol 40.949 1.01	820215	☑	☑	☐
Olanzapin 40.953 1.01	820216	☑	☑	☐
Viengan-B 05C.26.9	820220	☑	☑	☐
Albuman 40.455	820221	☑	☑	☐
Ceftriaxon 40.183	820222	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481	820223	☑	☑	☐
Phezam 40.491+68	820251	☑	☑	☐
05C.128	820252	☑	☑	☐
Phyllantol 05C.25	820253	☑	☑	☐
Cerecaps 05C.133.1	820254	☑	☑	☐
Cerebrolysin 40.561	820258	☑	☑	☐
Gliatilin 40.562	820259	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481 1.01	820262	☑	☑	☐
Fenoterol + ipratropium 40.976 5.05	820264	☑	☑	☐
Oxaliplatin 40.386 2.15	820268	☑	☑	☐
Alteplase 40.539 2.10	820269	☑	☑	☐
Docetaxel 40.358 2.15	820270	☑	☑	☐
Zoledronic acid 40.76 2.10	820271	☑	☑	☐
Pegfilgratim 40.475 2.10	820272	☑	☑	☐
Cefepim 40.168 2.15	820273	☑	☑	☐
Fenofibrate 40.553 1.01	820281	☑	☑	☐
Pregabalin 40.138 1.01	820283	☑	☑	☐
Clopidogrel Acetylsalicylic acid 40.457+29 1.01	820284	☑	☑	☐
Bezafibrat 40.550 1.01	820286	☑	☑	☐
Captopril 40.496	820287	☑	☑	☐
Aspirin 40.538 1.01	820289	☑	☑	☐
Alpha chymotrypsin 40.67	820298	☑	☑	☐
Citirizin 40.79 1.01	820304	☑	☑	☐
Desloratadine 40.82 1.01	820305	☑	☑	☐
Hismedan (Trimetizine) 0 40.481	820306	☑	☑	☐
Atigluco 500 40.64	820309	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481 1.01	820314	☑	☑	☐
Alteplase 40.539 2.10	820315	☑	☑	☐
Pegfilgratim 40.475 2.10	820316	☑	☑	☐
Sulpirid 40.956	820319	☑	☑	☐
Clopidogrel 40.540 1.01	820330	☑	☑	☐
Clopidogrel Acetylsalicylic acid 40.457+29 1.01	820331	☑	☑	☐
Albendazol 40.145 1.01	820334	☑	☑	☐
Amitriptylin hydroclorid 40.961 1.01	820335	☑	☑	☐
Bisoprolol 40.493	820336	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid 40.538 1.01	820337	☑	☑	☐
Eperison 40.829 1.01	820343	☑	☑	☐
Candesartan + hydrochlorothiazid 40.30.508 1.01	820344	☑	☑	☐
Loxoprofen 40.40 1.01	820345	☑	☑	☐
Diltiazem 40.477 1.01	820384	☑	☑	☐
Paracetamol + codein phosphat 40.50 1.01	820386	☑	☑	☐
Ginkgo biloba 40.566 1.01	820347	☑	☑	☐
Paracetamol + tramadol 40.30.64 1.01	820348	☑	☑	☐
Norfloxacin 40.234 1.01	820351	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid 40.538 1.01	820353	☑	☑	☐
Diltiazem 40.477 1.01	820354	☑	☑	☐
Alverin citrat 40.922 1.01	820357	☑	☑	☐
MUMCAL Calci lactat 40.1034 1.01	820358	☑	☑	☐
	820361	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481 1.01	820362	☑	☑	☐
Hoạt huyết Phúc Hưng Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa 05C.181.19 1.01	820364	☑	☑	☐
Dưỡng tâm an thần TW3 Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn 05C.131 1.01	820365	☑	☑	☐
Silygamma Silymarin 40.751 1.01	820367	☑	☑	☐
BỔ GAN P/H Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử 05C.22 1.01	820368	☑	☑	☐
Cardilopin Amlodipin 40.491 1.01	820369	☑	☑	☐
Calci lactat 40.1034 1.01	820377	☑	☑	☐
Dexibuprofen 40.29 1.01	820378	☑	☑	☐
Paracetamol + methocarbamol 40.30.61 1.01	820381	☑	☑	☐
Cinnarizin 40.80 1.01	820382	☑	☑	☐
Mecobalamin 40.1043 1.01	820387	☑	☑	☐
Kim tiền thảo 05C.35 1.01	820388	☑	☑	☐
Ebastin 40.85 1.01	820394	☑	☑	☐
Paracetamol (acetaminophen) 40.48 4.04	820405	☑	☑	☐

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Pancres Amylase + lipase + protease 40.740 1.01	820407	☑	☑	☐
ZINC Kẽm gluconat 40.725 1.01	820411	☑	☑	☐
DUSPATALIN RETARD MebevFRin hydroclorid 40.699 1.01	820414	☑	☑	☐
Simacone Alverin (citrat) + simethicon 40.694 1.01	820416	☑	☑	☐
BACIVIT-H Lactobacillus acidophilus 40.726 1.01	820419	☑	☑	☐
GEL-APHOS Aluminum phosphat 40.662 1.01	820420	☑	☑	☐
THEOSTAT L.P. TAB. 300MG (Theophylline 300mg) Theophylline 300mg 1.01	820423	☑	☑	☐
CLANZEN Levocetirizin 40.90 1.01	820424	☑	☑	☐
SAVI EPRAZINONE 50 Eprazinon 40.995 1.01	820429	☑	☑	☐
MIMOSA VIÊN AN THẦN Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ 05C.135.5 1.01	820434	☑	☑	☐
ATILIVER DIỆP HẠ CHÂU Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực. 05C.28 1.01	820438	☑	☑	☐
HƯƠNG SA LỤC QUÂN Nhân sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ, Sa nhân, Mộc hương 05C.105.1 1.01	820439	☑	☑	☐
RHEUMAPAIN - F Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử,Thổ phục linh,Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác 05C.62.2 1.01	820440	☑	☑	☐
CHÈ DÂY Chè dây 05C.87 1.01	820441	☑	☑	☐
TIÊU DAO Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà 05C.50 1.01	820442	☑	☑	☐
AN THẦN BỔ TÂM - F Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh. 05C.138.1 1.01	820443	☑	☑	☐
DẠ DÀY TÁ TRÀNG - F Huyền hồ sách, Mai mực, Phèn chua 05C.93 1.01	820444	☑	☑	☐
GỪNG Gừng 05C.1 1.01	820445	☑	☑	☐
FITÔRHI - F Bạch chỉ; Tân di hoa; Thương nhĩ tử; Tinh dầu Bạc hà 05C.204 1.01	820446	☑	☑	☐
THÔNG XOANG TÂN NAM DƯỢC Tân di, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo 05C.208.1 1.01	820447	☑	☑	☐
BÁT TRÂN Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo 05C.179.1 1.01	820448	☑	☑	☐
V.PHONTE Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất , Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng , Tế tân, Quế nhục,Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung 05C.57.2 1.01	820449	☑	☑	☐
BỔ HUYẾT ÍCH NÃO BDF Đương quy, Bạch quả 05C.129 1.01	820450	☑	☑	☐
BỔ THẬN ÂM Thục địa, Táo nhục, Củ súng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải 05C.195 1.01	820451	☑	☑	☐
REVMATON Độc hoạt, Quế chi, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh,Thục địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đảng sâm 05C.58.15 1.01	820452	☑	☑	☐
FENGSHI-OPC VIÊN PHONG THẤP Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì 05C.71.1 1.01	820453	☑	☑	☐
XOANGSPRAY Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor 05C.206 3.05	820454	☑	☑	☐
BEARBIDAN Sinh địa, Nhân sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Chu sa 05C.139.18 1.01	820455	☑	☑	☐
BETASIPHON Râu mèo, Actiso, Sorbitol 05C.47.2 1.01	820456	☑	☑	☐
LIPIDAN Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt, Sơn tra, Hậu phác nam 05C.172.1 1.01	820457	☑	☑	☐
BERMORIC Mộc hương, Hoàng liên 05C.100.2 1.01	820458	☑	☑	☐
Heptaminol hydroclorid HEPTAMINOL 40.530 1.01	820460	☑	☑	☐
Bài Thạch Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng 05C.36 1.01	820466	☑	☑	☐
KAHAGAN Actiso, Biển súc, Bìm bìm biếc, Nghệ 05C.8.4 1.01	820468	☑	☑	☐
SIRO BỔ TỲ P/H Bạch truật; Đảng sâm; Liên nhục; Cát cánh; Sa nhân; Cam thảo, Bạch linh; Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sử quân tử, Bán hạ 05C.79 1.01	820469	☑	☑	☐
Alpha chymotrypsin 40.67	820474	☑	☑	☐
Thuốc ho trẻ em OPC 05C.158.2	820476	☑	☑	☐
Cerebrolysin 40.561	820492	☑	☑	☐
Trimetizine 40.481	820494	☑	☑	☐
Calci vit D3 40.1033	820480	☑	☑	☐
Flunarizin 40.336 1.01	820481	☑	☑	☐
IDARAC Floctafenin 40.35 1.01	820486	☑	☑	☐
Calci vit D3 40.1033	820487	☑	☑	☐
	820488	☑	☑	☐
Thuốc bổ gan 05C.14	820496	☑	☑	☐
Cảm cúm bảo phương 05C.4.2	820497	☑	☑	☐
Độc hoạt tang ký sinh VT 05C.58.3	820498	☑	☑	☐
Flucort 40.769	820500	☑	☑	☐
Cefotiam 2g 40.174	820501	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481 1.01	820503	☑	☑	☐
Fenofibrate 40.553 1.01	820515	☑	☑	☐
Clopidogrel 40.540 1.01	820517	☑	☑	☐
Clopidogrel Acetylsalicylic acid 40.457+29 1.01	820518	☑	☑	☐
Bezafibrat 40.550 1.01	820523	☑	☑	☐
Aspirin 40.538 1.01	820526	☑	☑	☐
Betahistin 40.899	820600	☑	☑	☐
Calci lactat 40.1034	820602	☑	☑	☐
Candesartan 40.495	820603	☑	☑	☐
Cardilopin Amlodipin 40.491 1.01	820532	☑	☑	☐
Carbamazepin 40.131 1.01	820534	☑	☑	☐
Diosmin + hesperidin 40.736 1.01	820535	☑	☑	☐
Metformin 40.807	820536	☑	☑	☐
Mg + Nhôm + Simethicon 40.671 1.01	820537	☑	☑	☐
Ephedrin 40.105 2.10	820543	☑	☑	☐
Levofloxacin 40.228 2.10	820544	☑	☑	☐
Monobasic natri phosphat+ dibasic natri phosphat 40.714 4.03	820545	☑	☑	☐
Diosmectit 40.722 1.01	820546	☑	☑	☐
Mebendazol 40.148 1.01	820548	☑	☑	☐
Moxifloxacin 40.231 2.10	820550	☑	☑	☐
Nicorandil 40.480 1.01	820552	☑	☑	☐
Piroxicam 40.55 2.10	820553	☑	☑	☐
Nifedipin 40.519 1.10	820554	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid 40.538	820597	☑	☑	☐
Salicylic acid + betamethason dipropionat 40.623 3.05	820555	☑	☑	☐
Hydroxyethylstarch 40.469 2.15	820556	☑	☑	☐
Theophylin 40.985 1.01	820557	☑	☑	☐
Calci lactat 40.1034	820560	☑	☑	☐
Acetazolamid 40.844 1.01	820562	☑	☑	☐
Aciclovir 40.260 3.05	820563	☑	☑	☐
Acid amin* 40.1011	820564	☑	☑	☐
Acetylsalicylic Acid 40.31 1.01	820565	☑	☑	☐
Epinephrin (adrenalin) 40.86 2.10	820566	☑	☑	☐
Trimetazidin 40.481 1.01	820567	☑	☑	☐
Pegfilgrastim 40.475 2.10	820568	☑	☑	☐
Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin 40.734	820604	☑	☑	☐
Cefuroxim 40.184	820605	☑	☑	☐
Clopidogrel 40.540	820607	☑	☑	☐
Atorvastatin 40.549 1.01	820569	☑	☑	☐
Imipenem + cilastatin 40.188 2.10	820571	☑	☑	☐
Colchicin 40.61	820608	☑	☑	☐
Vitamin B1 + B6 + B12 40.1050 1.01	820576	☑	☑	☐
Captopril 40.496	820580	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid 40.538 1.01	820582	☑	☑	☐
Cytidin-5monophosphat disodium + uridin 40.69	820609	☑	☑	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ 05C.26.5	820612	☑	☑	☐	
Amlodipin + atorvastatin 40.30.495 2.10	820588	☑	☑	☐	
Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa. 05C.27	820613	☑	☑	☐	
Diệp hạ châu. 05C.21	820614	☑	☑	☐	
Enalapril 40.501	820617	☑	☑	☐	
Atropin sulfat 40.1 2.10	820590	☑	☑	☐	
Vinpocetin 40.580 1.01	820591	☑	☑	☐	
Trihexyphenidyl hydroclorid 40.425 1.01	820593	☑	☑	☐	
Phenobarbital 40.136 2.10	820594	☑	☑	☐	
Peptide (Cerebrolysin concentrate) 40.561	820595	☑	☑	☐	
Gabapentin 40.132	820620	☑	☑	☐	
Galantamin 40.830	820621	☑	☑	☐	
Gliclazide + Metformin 40.666+670	820624	☑	☑	☐	
Glimepirid + metformin 40.667+670	820627	☑	☑	☐	
Guaiazulen + dimethicon 40.667	820630	☑	☑	☐	
Ketoprofen 40.38	820638	☑	☑	☐	
Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô. 05C.37.2	820640	☑	☑	☐	
Piracetam + Cinnarizin 40.491+68	820643	☑	☑	☐	
Simethicon 40.750	820646	☑	☑	☐	
Simvastatin 40.559	820647	☑	☑	☐	
Telmisartan + Amlodipine 40.448+419	820649	☑	☑	☐	
Trimetazidin 40.481	820652	☑	☑	☐	
Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol 05C.158.1	820653	☑	☑	☐	
Levothyroxin (muối natri) 40.815	820655	☑	☑	☐	
Loratadin 40.91	820656	☑	☑	☐	
Methocarbamol 40.73	820662	☑	☑	☐	
N-Acetylcystein 40.998	820663	☑	☑	☐	
Natri montelukast 40.979	820664	☑	☑	☐	
Ô đầu, Địa liền 05C.224.6	820666	☑	☑	☐	
Ginkgo biloba	820670	☑	☑	☐	
(Phong liễu tràng vị khang): 05C.103	820671	☑	☑	☐	
Thuốc xịt mũi Agenytin / Thông xoang Nam Dược 05C.207	820672	☑	☑	☐	
Trimetazidin 40.481 1.01	820674	☑	☑	☐	
Cefuroxim 40.184	820675	☑	☑	☐	
Ofloxacin 40.235	820679	☑	☑	☐	
Prednisolon acetat 40.776	820680	☑	☑	☐	
Dioctahedral smectit 40.721	820681	☑	☑	☐	
Calci carbonat + vitamin D3 40.1033	820682	☑	☑	☐	
Tenofovir 40.277	820683	☑	☑	☐	
Fenofibrat 40.553	820684	☑	☑	☐	
Tolperison 40.842	820685	☑	☑	☐	
Fluvastatin 40.554	820686	☑	☑	☐	
Cilnidipin 40.498	820687	☑	☑	☐	
Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd 40.670	820689	☑	☑	☐	
Eprazinon 40.995	820690	☑	☑	☐	
Bambuterol 40.972	820691	☑	☑	☐	
Moxifloxacin 40.232	820692	☑	☑	☐	
Lamivudine + Tenofovir + Efavirenz 40.30.270	820693	☑	☑	☐	
Captopril 40.496	820699	☑	☑	☐	
Saccharomyces boulardii 40.733	820700	☑	☑	☐	
Sitagliptin 40.811	820703	☑	☑	☐	
Carvedilol 40.497	820704	☑	☑	☐	
Domperidon 40.688	820706	☑	☑	☐	
Ô đầu, Địa liền, Đại hồi,Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora, Riềng 05C.224.8	820707	☑	☑	☐	
Vitamin C 40.1057	820708	☑	☑	☐	
Vitamin E 40.1061	820709	☑	☑	☐	
Allopurinol 40.59	820710	☑	☑	☐	
Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô 05C.140	820712	☑	☑	☐	
Salmeterol+ fluticason propionat 40.982	820713	☑	☑	☐	
Cefdinir 40.167	820715	☑	☑	☐	
Cefixim 40.169	820717	☑	☑	☐	
Naproxen 40.46	820720	☑	☑	☐	
Entecavir 40.264	820721	☑	☑	☐	
Amoxicilin + acid clavulanic 40.155	820722	☑	☑	☐	
Indapamid 40.505	820723	☑	☑	☐	
Imidapril 40.504	820724	☑	☑	☐	
Ibuprofen 40.37	820726	☑	☑	☐	
Ofloxacin 40.323	820727	☑	☑	☐	
Etodolac 40.32	820728	☑	☑	☐	
Metronidazol 40.306	820729	☑	☑	☐	
Bisoprolol + hydroclorothiazid 40.494	820730	☑	☑	☐	
Diclofenac 40.30	820731	☑	☑	☐	
Nystatin 40.297	820732	☑	☑	☐	
Ketoconazol 40.293	820733	☑	☑	☐	
Itraconazol 40.292	820734	☑	☑	☐	
Ciprofloxacin 40.227	820739	☑	☑	☐	
Spiramycin 40.224	820740	☑	☑	☐	
Azithromycin 40.219	820741	☑	☑	☐	
Cloramphenicol 40.208	820743	☑	☑	☐	
Cefalexin 40.163	820747	☑	☑	☐	
Alimemazin 40.78	820748	☑	☑	☐	
Nicorandil 40.480	820751	☑	☑	☐	
Bromhexin (hydroclorid) 40.989	820753	☑	☑	☐	
Carbocistein + salbutamol 40.975	820754	☑	☑	☐	
Cefadroxil 40.162	820756	☑	☑	☐	
Isosorbid (dinitrat hoặcmononitrat) 40.479	820760	☑	☑	☐	
Atenolol 40.476	820761	☑	☑	☐	
Sắt fumarat + acid folic 40.429	820762	☑	☑	☐	
Alverin (citrat) 40.693	820763	☑	☑	☐	
Sucralfat 40.684	820764	☑	☑	☐	
Amlodipin + valsartan 40.419+449	820766	☑	☑	☐	
Dextromethorphan 40.993	820767	☑	☑	☐	
Codein + terpin hydrat 40.992	820768	☑	☑	☐	
Vitamin PP 40.1064	820770	☑	☑	☐	
Cimetidin 40.665	820772	☑	☑	☐	

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Carvedilol 40.531	820775	☑	☑	☐
Mephenesin 40.831	820777	☑	☑	☐
Metformin + glibenclamid 40.808	820779	☑	☑	☐
Amylase + papain + simethicon 40.739	820781	☑	☑	☐
Chlorpheniramin (hydrogen maleat) 40.81	820782	☑	☑	☐
Digoxin 40.532	820784	☑	☑	☐
Doxycyclin 40.245	820785	☑	☑	☐
Spironolacton 40.661	820787	☑	☑	☐
Domperidon + Simethicone 40.583+628	820789	☑	☑	☐
Ranitidin + bismuth + sucralfat 40.682	820790	☑	☑	☐
Loperamid 40.727	820791	☑	☑	☐
Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế. 05C.118	820794	☑	☑	☐
Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi 05C.24	820795	☑	☑	☐
Levofloxacin 40.229	820796	☑	☑	☐
Paracetamol + ibuprofen 40.51	820797	☑	☑	☐
Enalapril + Hydrochlorothiazid 40.428+561	820798	☑	☑	☐
Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus 40.606+612	820799	☑	☑	☐
Paracetamol + Codein phosphat 40.50	820800	☑	☑	☐
Codein camphosulphonat + sulfogaiacol + cao mềm grindelia 40.991	820801	☑	☑	☐
Salbutamol (sulfat) 40.926	820805	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid + Clopidogrel 40.29+457	820806	☑	☑	☐
Ketorolac 40.39	820810	☑	☑	☐
Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà 05C.148.1	820813	☑	☑	☐
Acetyl leucin 40.685	820814	☑	☑	☐
Amoxicilin 40.154	820816	☑	☑	☐
Cefaclor 40.161	820817	☑	☑	☐
Paracetamol + codein phosphat 40.50	820820	☑	☑	☐
Paracetamol + Tramadol 40.43+47	820821	☑	☑	☐
Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd 40.663	820831	☑	☑	☐
Furosemid 40.659	820832	☑	☑	☐
Allopurinol 40.59	820834	☑	☑	☐
Methyl prednisolon 40.775	820836	☑	☑	☐
Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ 05C.56	820873	☑	☑	☐
Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất , Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng , Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung 05C.57.1	820874	☑	☑	☐
cefotaxim 40.173 2.10	820838	☑	☑	☐
Ebitac 25 Enalapril + hydrochlorothiazid 40.30.516 1.01	820841	☑	☑	☐
Massoft Lá thường xuân 05C.151 1.01	820843	☑	☑	☐
Dorover plus Perindopril + indapamid 40.522 1.01	820845	☑	☑	☐
Ampicilin + sulbactam 40.158 2.10	820839	☑	☑	☐
Lisinopril 40.510	820944	☑	☑	☐
Lisinopril + hydroclorothiazid 40.511	820945	☑	☑	☐
Lopinavir + ritonavir (LPV/r) 40.269	820946	☑	☑	☐
Lysin + Vitamin + Khoáng chất 40.1042	820948	☑	☑	☐
SaVi Trimetazidine 35MR Trimetazidin 40.481 1.01	820846	☑	☑	☐
Albumin 40.455	820847	☑	☑	☐
ASPIRIN 81mg Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat) 40.538	820852	☑	☑	☐
Pravastatin 40.557	820858	☑	☑	☐
Lovastatin 40.556	820859	☑	☑	☐
Amlodipin + valsartan 40.30.501	820860	☑	☑	☐
Amlodipin + telmisartan 40.30.500	820861	☑	☑	☐
Amlodipin + lisinopril 40.30.497	820862	☑	☑	☐
Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ 05C.17	820864	☑	☑	☐
Diltiazem 40.477	820869	☑	☑	☐
Độc hoạt, Quế chi, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đảng sâm 05C.58.13	820875	☑	☑	☐
Độc hoạt,Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đảng sâm 05C.58.19	820876	☑	☑	☐
Donepezil 40.946	820877	☑	☑	☐
Doripenem* 40.186	820879	☑	☑	☐
Clorpromazin (hydroclorid) 40.943	820882	☑	☑	☐
Albumin 40.455	820885	☑	☑	☐
Efavirenz 40.263	820890	☑	☑	☐
Fluorometholon 40.771	820898	☑	☑	☐
Fluticason propionat 40.903	820899	☑	☑	☐
Gemfibrozil 40.555	820901	☑	☑	☐
Gentamicin 40.198	820902	☑	☑	☐
Glipizid 40.802	820903	☑	☑	☐
Griseofulvin 40.291	820904	☑	☑	☐
Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế 05C.162	820906	☑	☑	☐
Hydroclorothiazid 40.660	820917	☑	☑	☐
Hydroxypropylmethylcellulose 40.867	820919	☑	☑	☐
Hyoscin butylbromid 40.698	820920	☑	☑	☐
Imipenem + Cilastatin 40.188	820922	☑	☑	☐
Isofluran 40.9	820923	☑	☑	☐
Kali clorid 40.1017	820926	☑	☑	☐
Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng. 05C.33	820931	☑	☑	☐
Kim tiền thảo, Trạch tả, Đường kinh trắng 05C.38.2	820932	☑	☑	☐
Lactulose 40.710	820936	☑	☑	☐
Lamivudin 40.268	820937	☑	☑	☐
Lamivudin + Nevirapin (NVP) + Zidovudin (ZDV hoặc AZT) 40.30.271	820938	☑	☑	☐
Levofloxacin 40.322	820940	☑	☑	☐
Lidocain (hydroclorid) 40.12	820941	☑	☑	☐
Linagliptin + metformin 40.30.786	820943	☑	☑	☐
Ma hoàng, Bán hạ, Ngũ vị tử, Tỳ bà diệp, Cam thảo, Tế tân, Can khương, Hạnh nhân, Bối mẫu, Trần bì 05C.152	820949	☑	☑	☐
Macrogol 40.711	820952	☑	☑	☐
Macrogol (polyethylen glycol) + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid 40.712	820953	☑	☑	☐
Magnesi aspartat + kali aspartat 40.1007	820954	☑	☑	☐
Magnesi sulfat 40.1018	820955	☑	☑	☐
Magnesi trisilicat + nhôm hydroxyd 40.672	820956	☑	☑	☐
Mequitazin 40.93	820958	☑	☑	☐
Meropenem* 40.189	820959	☑	☑	☐
Methyldopa 40.514	820961	☑	☑	☐
Metronidazol + neomycin + nystatin 40.213	820965	☑	☑	☐
Miconazol + hydrocortison 40.30.306	820966	☑	☑	☐
Mirtazapin 40.966	820968	☑	☑	☐
Misoprostol 40.921	820969	☑	☑	☐
Nabumeton 40.45	820972	☑	☑	☐

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Nalidixic acid 40.233	820974	☑	☑	☐	
Natri clorid 40.658	820978	☑	☑	☐	
Neomycin + polymyxin B + dexamethason 40.203	820986	☑	☑	☐	
Ngưu tất, Nghệ, Hoa hoè, Bạch truật 05C.186.3	820990	☑	☑	☐	
Nước oxy già 40.619	820998	☑	☑	☐	
Oxacilin 40.190	821002	☑	☑	☐	
Paracetamol + chlorpheniramin + dextromethorphan 40.30.65	821005	☑	☑	☐	
Paracetamol + Tramadol 40.30.64	821007	☑	☑	☐	
Pemirolast kali 40.887	821008	☑	☑	☐	
Perindopril + amlodipin 40.521	821010	☑	☑	☐	
Pethidin 40.18	821011	☑	☑	☐	
Pilocarpin 40.888	821014	☑	☑	☐	
Piroxicam 40.55	821015	☑	☑	☐	
Polyethylen glycol + Propylen glycol 40.890	821016	☑	☑	☐	
Povidon iodin 40.656	821017	☑	☑	☐	
Promethazin (hydroclorid) 40.94	821021	☑	☑	☐	
Pygeum africanum 05C.46	821024	☑	☑	☐	
Quinapril 40.523	821025	☑	☑	☐	
Ramipril 40.524	821027	☑	☑	☐	
Repaglinid 40.809	821029	☑	☑	☐	
Rivaroxaban 40.450	821031	☑	☑	☐	
Roxithromycin 40.223	821033	☑	☑	☐	
Salbutamol + ipratropium 40.981	821034	☑	☑	☐	
Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat 40.1044	821035	☑	☑	☐	
Saxagliptin + metformin 40.30.791	821036	☑	☑	☐	
Sevofluran 40.22	821037	☑	☑	☐	
Sofosbuvir + ledipasvir 40.30.274	821039	☑	☑	☐	
Sofosbuvir + velpatasvir 40.30.275	821040	☑	☑	☐	
Sofosbuvir 400mg 40.30.273	821041	☑	☑	☐	
Spiramycin + metronidazol 40.225	821043	☑	☑	☐	
Sulfamethoxazol + trimethoprim 40.242	821045	☑	☑	☐	
Tenofovir + Lamivudin 40.278	821048	☑	☑	☐	
Tenoxicam 40.56	821049	☑	☑	☐	
Terbinafin (hydroclorid) 40.303	821050	☑	☑	☐	
Terlipressin 40.753	821052	☑	☑	☐	
Tetracain 40.892	821053	☑	☑	☐	
Tetracyclin (hydroclorid) 40.247	821054	☑	☑	☐	
Thiamazol 40.817	821056	☑	☑	☐	
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù,Mẫu đơn bì, Bạch linh, Trạch tả 05C.193.3	821057	☑	☑	☐	
Thục địa, Hoài sơn,Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh, Sơn thù,Phụ tử chế,Quế nhục 05C.169.18	821058	☑	☑	☐	
Thục địa, Hoài sơn,Mẫu đơn bì, Trạch tả,Phục linh, Sơn thù,Phụ tử chế, Quế 05C.169.21	821059	☑	☑	☐	
Thục địa, Hoài sơn,Mẫu đơn bì,Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa. 05C.211.7	821060	☑	☑	☐	
Timolol 40.894	821062	☑	☑	☐	
Tobramycin 40.206	821066	☑	☑	☐	
Tobramycin + dexamethason 40.207	821067	☑	☑	☐	
Topiramat 40.139	821069	☑	☑	☐	
Tricalcium phosphat 40.1046	821073	☑	☑	☐	
Vildagliptin 40.812	821078	☑	☑	☐	
Vildagliptin + metformin 40.30.795	821079	☑	☑	☐	
Vitamin A 40.1047	821080	☑	☑	☐	
Vitamin A + D 40.1048	821081	☑	☑	☐	
Vitamin B2 40.1051	821082	☑	☑	☐	
Budesonid 40.973	821090	☑	☑	☐	
Alimemazin 40.987	821093	☑	☑	☐	
Daclatasvir 60mg 40.30.272	821100	☑	☑	☐	
Clotrimazol 40.593	821101	☑	☑	☐	
Clotrimazol 40.285	821102	☑	☑	☐	
Calci glucoheptonat + vitamin D3 40.1036	821107	☑	☑	☐	
Beclometason (dipropionat) 40.757	821109	☑	☑	☐	
Clobetasol propionat 40.594	821110	☑	☑	☐	
Cloxacilin 40.185	821111	☑	☑	☐	
Bạch truật; Đảng sâm; Liên nhục; Cát cánh; Sa nhân; Cam thảo, Bạch linh; Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sử quân tử, Bán hạ 05C.79	821112	☑	☑	☐	
Clarithromycin 40.220	821115	☑	☑	☐	
Cao khô Trinh nữ hoàng cung. 05C.117	821117	☑	☑	☐	
Desmopressin 40.818	821119	☑	☑	☐	
Betamethason 40.758	821121	☑	☑	☐	
Carbocistein 40.990	821125	☑	☑	☐	
Calci glycerophosphat + magnesi gluconat 40.1038	821126	☑	☑	☐	
Bismuth 40.664	821128	☑	☑	☐	
Calci glubionat 40.1035	821130	☑	☑	☐	
Bupivacain (hydroclorid) 40.2	821131	☑	☑	☐	
Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen 05C.126	821133	☑	☑	☐	
Benazepril hydroclorid 40.492	821135	☑	☑	☐	
Amiodaron (hydroclorid) 40.483	821137	☑	☑	☐	
Bạch chỉ; Tân di hoa; Thương nhĩ tử; Tinh dầu Bạc hà 05C.204	821141	☑	☑	☐	
Cilostazol 40.441	821144	☑	☑	☐	
Calci gluconat 40.98	821147	☑	☑	☐	
Captopril 40.496	821154	☑	☑	☐	
Calci carbonat + vitamin D3 40.1033	821156	☑	☑	☐	
Cồn boric 40.598	821159	☑	☑	☐	
Húng chanh, Núc nác, Cineol HD.150	821161	☑	☑	☐	
Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi, Râu ngô 05C.26.1	821163	☑	☑	☐	
Acenocoumarol 40.438	821165	☑	☑	☐	
Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng). HD.224.6	821170	☑	☑	☐	
Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor HD.206	821171	☑	☑	☐	
Ô đầu, Địa liền, Đại hồi,Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora, Riềng HD.224.8	821175	☑	☑	☐	
Tinidazol 40.216	821185	☑	☑	☐	
Albumin 40.455	821186	☑	☑	☐	
Terbinafin (hydroclorid) 40.303	821187	☑	☑	☐	
Dịch lọc máu liên tục 40.929	821188	☑	☑	☐	
Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm 05C.45.1	821189	☑	☑	☐	
Piperacilin + Tazobactam 40.192 2.10	821192	☑	☑	☐	
Alfuzosin 40.412 1.01	821194	☑	☑	☐	
Colitis Nha đạm tử, Berberin, Tỏi, Cát căn, Mộc hương 05C.104 1.01	821199	☑	☑	☐	
Heparin (natri) 40.445	821280	☑	☑	☐	

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

Hoastex Húng chanh, Núc nác, Cineol 05C.150 1.01	821203	☑	☑	☐
Habroxol Ambroxol 40.988 1.01	821204	☑	☑	☐
Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat) 40.538	821211	☑	☑	☐
Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn. 05C.149 1.01	821213	☑	☑	☐
Calci clorid 40.1014 2.10	821216	☑	☑	☐
Tioga 05C.12	821219	☑	☑	☐
Cảm Mạo Thông 05C.2.17	821220	☑	☑	☐
Marathone 05C.68	821221	☑	☑	☐
Đại tràng hoàn P/H 05C.80	821223	☑	☑	☐
Hoạt huyết dưỡng não TP 05C.127.1	821224	☑	☑	☐
Flavoxat 40.415	821281	☑	☑	☐
Bacillus subtilis 40.718	821282	☑	☑	☐
Baclofen 40.827	821284	☑	☑	☐
Amiodaron hydroclorid 40.483	821285	☑	☑	☐
Tuần hoàn não Thái Dương 05C.127.2	821227	☑	☑	☐
Lyzatop Men bia ép tinh chế 05C.98	821230	☑	☑	☐
Dobutamin 40.533	821286	☑	☑	☐
Mesalazin (mesalamin) 40.748	821287	☑	☑	☐
Carbimazol 40.814	821290	☑	☑	☐
Lamivudine/ Zidovudine 150mg/300mg Lamivudin + Zidovudin 40.30.268 1.01	821232	☑	☑	☐
Levocetirizin 40.9 1.01	821236	☑	☑	☐
Vinfadin V20 Famotidin 40.666 2.1	821239	☑	☑	☐
Rabeloc I.V 40.68	821240	☑	☑	☐
Gliclazid + metformin 40.30.775	821242	☑	☑	☐
Ivabradin 40.485	821244	☑	☑	☐
Ventolin Nebules 5mg/ 2.5ml 6x5's Salbutamol sulfat 40.980 5.05	821246	☑	☑	☐
Thuốc ho người lớn OPC Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, Menthol 05C.158.3 1.01	821247	☑	☑	☐
Thấp khớp hoàn P/H Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện. 05C.73 1.01	821248	☑	☑	☐
Phalintop Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia. 05C.85	821254	☑	☑	☐
Drotaverin clohydrat 40.697	821292	☑	☑	☐
Octreotid 40.749	821258	☑	☑	☐
Tiaprofenic acid 40.57	821273	☑	☑	☐
Acid folic (vitamin B9) 40.426	821275	☑	☑	☐
Quy luật tự tạo	830000	☑	☑	☑
Rule do người dùng khai báo	831000	☑	☑	☑
Thời gian thực hiện dưới 2 phút	830151	☐	☑	☑
Dịch vụ có thời gian tối thiểu	840000	☑	☑	☐
Dịch vụ có thời gian tối thiểu	841000	☑	☑	☑
Dịch vụ có số lượng thanh toán lớn hơn 1	842000	☑	☑	☑
(23.0112.1506)	840001	☑	☑	☐
(23.0112.1506)	840002	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840007	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840008	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840009	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840010	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840011	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840012	☑	☑	☐
(23.0083.1523)	840013	☑	☑	☐
(23.0084.1506)	840014	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840015	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840016	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840017	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840018	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840019	☑	☑	☐
(23.0084.1506)	840021	☑	☑	☐
(02.0085.1778)	840023	☑	☑	☐
(21.0014.1778)	840024	☑	☑	☐
(18.0119.0028)	840025	☐	☑	☐
(18.0119.0013)	840026	☐	☑	☐
(18.0120.0028)	840027	☐	☑	☐
(02.0209.0194)	840031	☑	☑	☐
(23.0003.1494)	840032	☑	☑	☐
(23.0003.1494)	840033	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840034	☑	☑	☐
(24.0151.1654)	840035	☑	☑	☐
(23.0158.1506)	840036	☑	☑	☐
(23.0084.1506)	840037	☑	☑	☐
(23.0112.1506)	840038	☑	☑	☐
(23.0041.1506)	840039	☑	☑	☐
(02.0314.0001)	840040	☐	☑	☐
(23.0112.1506)	840041	☑	☑	☐
(24.0136.1651)	840044	☑	☑	☐
Quy luật thanh toán nhân đôi	850000	☑	☑	☐
Kiểm tra thanh toán trùng cơ chế	851000	☑	☑	☑
Định lượng Pro- calcitonin (PCT) không thanh toán BHYT khi thực hiện đồng thời với DVKT Định lượng CRP/CRP hs (TT 35)	850001	☑	☑	☐
Siêu âm ổ bụng không thanh toán thêm SA hệ tiết niệu, SA tử cung , SA thai	850002	☑	☑	☐
DVKT này không được thanh toán đồng thời với nhau. Thanh toán đúng là DVKT Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phồng thất trái, ...)	850003	☑	☑	☐
DVKT này không được thanh toán đồng thời với nhau. Thanh toán đúng là DVKT Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phồng thất trái, ...)	850004	☑	☑	☐
Quy trình nuôi cấy và định danh vi khuẩn	850005	☑	☑	☐
Quy trình nuôi cấy và định danh vi khuẩn	850006	☑	☑	☐
Quy trình nuôi cấy và định danh vi khuẩn	850007	☑	☑	☐
Quy trình nuôi cấy và định danh vi khuẩn	850008	☑	☑	☐
Quy trình đơn bào nhuộm soi và định danh vi khuẩn	850009	☑	☑	☐
CV 4262	850011	☑	☑	☐
CV 4262	850012	☑	☑	☐
CV 4262	850013	☑	☑	☐
CV 4262	850014	☑	☑	☐
CV 4262	850015	☑	☑	☐
CV 4262	850016	☑	☑	☐
CV 4262	850017	☑	☑	☐
CV 4262	850018	☑	☑	☐
CV 4262	850019	☑	☑	☐
CV 4262	850020	☑	☑	☐

GPP.vn

https://checkxml.gpp.vn

CV 4262	850021	☑	☑	☐
CV 4262	850022	☑	☑	☐
CV 4262	850023	☑	☑	☐
CV 4262	850024	☑	☑	☐
Không thanh toán BHYT dịch vụ Nhuộm soi khi thực hiện cùng với dịch vụ Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	850025	☑	☑	☐
Không thanh toán dịch vụ CRP khi chỉ định đồng thời với dịch vụ Pro-calcitonin	850026	☑	☑	☐
CV 4262	850027	☑	☑	☐
CV 4262	850028	☑	☑	☐
CV 4262	850029	☑	☑	☐
Không thanh toán thuốc Heparin, enoxaparin dùng trong dịch vụ Thận nhân tạo (CV 401\GĐB-NVGĐ ngày 25-09-2020)	850030	☑	☑	☐
Thanh toán Phẫu thuật và hút đàm chung	850031	☑	☑	☐
Không thực hiện đồng thời dịch vụ siêu âm ổ bụng và siêu âm tử cung,phần phụ, siêu âm hệ tiết niệu	850032	☑	☑	☐
Quy luật thanh toán Vật tư gói	860000	☐	☑	☐
Kiểm tra thanh toán vật tư gói	861000	☐	☑	☑
VTYT trong gói không được để trống MA_DICH_VU	862000	☐	☑	☑
Quy luật đơn giá dịch vụ	870000	☑	☑	☐
Kiểm tra đơn giá dịch vụ	871000	☑	☑	☑
03.1541.0806 - 14.0020.0733 - 1200000	870001	☑	☑	☐
03.1540.0806 - 14.0019.0733 - 1200000	870002	☑	☑	☐
03.2537.1047 - 12.0070.1039 - 429000	870003	☑	☑	☐
03.3491.0422 - 10.0324.0423 - 2950000	870004	☑	☑	☐
03.3290.0456 - 10.0476.0459 - 2460000	870005	☑	☑	☐
12.0108.0824 - 14.0089.0736 - 1115000	870006	☑	☑	☐
12.0056.1059 - 03.2492.1061 - 2858000	870007	☑	☑	☐
03.2535.1049 - 12.0092.0910 - 834000	870008	☑	☑	☐
03.2532.1049 - 12.0091.0910 - 819000	870009	☑	☑	☐
12.0109.0837 - 14.0090.0860 - 1195000	870010	☑	☑	☐
12.0086.0944 - 12.0086.1060 - 3043000	870011	☑	☑	☐
12.0087.0944 - 12.0087.1060 - 3043000	870012	☑	☑	☐
12.0088.0944 - 12.0088.1060 - 3043000	870013	☑	☑	☐
03.2536.1049 - 12.0068.0834 - 1200000	870014	☑	☑	☐
03.2533.1049 - 12.0069.0834 - 1200000	870015	☑	☑	☐
12.0104.0562 - 14.0227.0834 - 1200000	870016	☑	☑	☐
12.0140.1182 - 03.2556.0941 - 6604000	870017	☑	☑	☐
12.0274.0599 - 13.0170.0653 - 2753000	870018	☑	☑	☐
03.2581.0915 - 12.0154.0488 - 3629000	870019	☑	☑	☐
12.0154.0915 - 12.0154.0488 - 3629000	870020	☑	☑	☐
01.0091.0071 - 03.0098.0079 - 136000	870021	☑	☑	☐
03.0061.0297 - 01.0098.0079 - 136000	870022	☑	☑	☐
03.3482.0464 - 10.0313.0104 - 904000	870023	☑	☑	☐
03.3489.0464 - 10.0319.0436 - 1684000	870024	☑	☑	☐
14.0101.0800 - 28.0071.0583 - 1793000	870025	☑	☑	☐
02.0082.0055 - 03.2306.0054 - 6696000	870026	☑	☑	☐
03.0044.0300 - 01.0002.1778 - 45900	870027	☑	☑	☐
28.0344.0559 - 03.3806.0572 - 2801000	870028	☑	☑	☐
03.1668.0766 - 14.0177.0767 - 1060000	870029	☑	☑	☐
03.2264.0669 - 13.0150.0724 - 1373000	870030	☑	☑	☐
03.3517.0421 - 10.0342.0582 - 2619000	870031	☑	☑	☐
10.1005.0528 - 03.3850.0522 - 200000	870032	☑	☑	☐
10.1004.0528 - 03.3849.0522 - 200000	870033	☑	☑	☐
03.3867.0525 - 10.1022.0519 - 225000	870034	☑	☑	☐
03.3867.0526 - 10.1022.0520 - 150000	870035	☑	☑	☐
10.1010.0523 - 03.3855.0511 - 635000	870036	☑	☑	☐
10.1010.0524 - 03.3855.0512 - 265000	870037	☑	☑	☐
03.3490.0422 - 10.0323.0423 - 2950000	870038	☑	☑	☐
03.1078.0148 - 02.0221.0150 - 506000	870039	☑	☑	☐
27.0024.0372 - 03.4232.0936 - 5809000	870040	☑	☑	☐
03.3266.0442 - 10.0442.0441 - 5209000	870041	☑	☑	☐
03.3537.0434 - 10.0362.0423 - 2950000	870042	☑	☑	☐
03.3538.0434 - 10.0363.0423 - 2950000	870043	☑	☑	☐
03.3536.0434 - 10.0361.0423 - 2950000	870044	☑	☑	☐
28.0074.0337 - 14.0130.0817 - 595000	870045	☑	☑	☐
28.0176.1076 - 16.0294.1079 - 2303000	870046	☑	☑	☐
03.2180.0954 - 15.0046.0872 - 449000	870047	☑	☑	☐
03.3938.0365 - 27.0052.0357 - 4008000	870048	☑	☑	☐
27.0053.0358 - 27.0053.0358 - 5614000	870049	☑	☑	☐
03.1678.0794 - 14.0189.0789 - 614000	870050	☑	☑	☐
03.1678.0795 - 14.0189.0789 - 614000	870051	☑	☑	☐
28.0352.1091 - 03.3900.0563 - 1731000	870052	☑	☑	☐
03.0029.0192 - 01.0032.0299 - 430000	870053	☑	☑	☐
28.0073.0582 - 03.1596.0828 - 1060000	870054	☑	☑	☐
03.2750.0534 - 12.0333.0551 - 2657000	870055	☑	☑	☐
12.0093.0915 - 03.2504.0488 - 3629000	870056	☑	☑	☐
03.3811.0571 - 03.3821.0216 - 178000	870057	☑	☑	☐
28.0350.0552 - 03.3709.0578 - 4675000	870058	☑	☑	☐
01.0009.0098 - 03.0033.0097 - 533000	870059	☑	☑	☐
03.2500.0558 - 12.0076.1063 - 3085000	870060	☑	☑	☐
Quy luật trùng	872000	☑	☑	☑
Trùng chi phí	872100	☑	☑	☑
Cuộc mổ có nhiều dịch vụ sai tỷ lệ	872101	☑	☑	☑
Khám bệnh vượt 65 ca trên ngày	872102	☑	☑	☑
Siêu âm vượt 48 ca trên ngày	872103	☑	☑	☑
X Quang vượt 58 ca trên ngày	872104	☑	☑	☑
MSCT dưới 32 dãy vượt 29 ca trên ngày	872105	☑	☑	☑
MRI vượt 19 ca trên ngày	872106	☑	☑	☑
Vượt giường kế hoạch theo khoa/ngày	872107	☑	☑	☑
Trùng hồ sơ nội viện	872108	☑	☑	☑
Trùng trên hồ sơ	872200	☑	☑	☑
Trùng khoảng thời gian thực hiện trên bệnh nhân	872201	☐	☑	☑
Trùng Xét nghiệm	872202	☐	☑	☑
Trùng XN Huyết học	872210	☐	☑	☑
Trùng XN Sinh hóa	872211	☐	☑	☑
Trùng XN Vi sinh	872212	☐	☑	☑
Trùng XN Giải phẫu	872213	☐	☑	☑
Trùng XN Vi phẫu	872214	☐	☑	☑

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Trùng Chẩn đoán hình ảnh	872203	☐	☑	☑	
Trùng Siêu âm	872215	☐	☑	☑	
Trùng XQuang	872216	☐	☑	☑	
Trùng MSCT	872217	☐	☑	☑	
Trùng MRI	872218	☐	☑	☑	
Trùng DSA	872219	☐	☑	☑	
Trùng Thăm dò chức năng	872204	☐	☑	☑	
Trùng Phẫu thuật	872205	☐	☑	☑	
Trùng Vận chuyển	872206	☐	☑	☑	
Trùng Khám bệnh	872207	☐	☑	☑	
Trùng Giường bệnh	872208	☐	☑	☑	
Trùng Thủ thuật	872209	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL trên bệnh nhân	872240	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Xét nghiệm	872241	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Huyết học	872249	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Sinh hóa	872250	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Vi sinh	872251	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Giải phẫu	872252	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Vi phẫu	872253	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Chẩn đoán hình ảnh	872242	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Siêu âm	872254	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XQuang	872255	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL MSCT	872256	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL MRI	872257	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL DSA	872258	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Thăm dò chức năng	872243	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Phẫu thuật	872244	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Vận chuyển	872245	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Khám bệnh	872246	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Giường bệnh	872247	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Thủ thuật	872248	☑	☑	☑	
Trùng liên hồ sơ	872300	☑	☑	☑	
Trùng khoảng thời gian thực hiện trên nhiều bệnh nhân	872301	☐	☑	☑	
Trùng người thực hiện	872303	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Xét nghiệm	872321	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XN Huyết học	872329	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XN Sinh hóa	872330	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XN Vi sinh	872331	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XN Giải phẫu	872332	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XN Vi phẫu	872333	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Chẩn đoán hình ảnh	872322	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Siêu âm	872334	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện XQuang	872335	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện MSCT	872336	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện MRI	872337	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện DSA	872338	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Thăm dò chức năng	872323	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Phẫu thuật	872324	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Vận chuyển	872325	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Khám bệnh	872326	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Giường bệnh	872327	☐	☑	☑	
Trùng thời gian thực hiện Thủ thuật	872328	☐	☑	☑	
Trùng ngày trên nhiều bệnh nhân	872400	☑	☑	☑	
Trùng người chỉ định	872401	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Xét nghiệm	872404	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XN Huyết học	872412	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XN Sinh hóa	872413	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XN Vi sinh	872414	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XN Giải phẫu	872415	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XN Vi phẫu	872416	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Chẩn đoán hình ảnh	872405	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Siêu âm	872417	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL XQuang	872418	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL MSCT	872419	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL MRI	872420	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL DSA	872421	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Thăm dò chức năng	872406	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Phẫu thuật	872407	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Vận chuyển	872408	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Khám bệnh	872409	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Giường bệnh	872410	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Thủ thuật	872411	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Thuốc	872452	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_YL Máu	872453	☑	☑	☑	
Trùng người thực hiện	872402	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Xét nghiệm	872422	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Huyết học	872430	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Sinh hóa	872431	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Vi sinh	872432	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Giải phẫu	872433	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XN Vi phẫu	872434	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Chẩn đoán hình ảnh	872423	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Siêu âm	872435	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL XQuang	872436	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL MSCT	872437	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL MRI	872438	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL DSA	872439	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Thăm dò chức năng	872424	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Phẫu thuật	872425	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Vận chuyển	872426	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Khám bệnh	872427	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Giường bệnh	872428	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Thủ thuật	872429	☐	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Thuốc	872454	☑	☑	☑	
Trùng NGAY_TH_YL Máu	872455	☑	☑	☑	

GPP.vn
https://checkxml.gpp.vn

Trùng người đọc kết quả	872403	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ Xét nghiệm	872440	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XN Huyết học	872442	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XN Sinh hóa	872443	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XN Vi sinh	872444	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XN Giải phẫu	872445	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XN Vi phẫu	872446	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ Chẩn đoán hình ảnh	872441	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ Siêu âm	872447	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ XQuang	872448	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ MSCT	872449	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ MRI	872450	✓	✓	✓
Trùng NGAY_DOC_KQ DSA	872451	✓	✓	✓
Trùng thời gian y lệnh - thực hiện - đọc KQ	872456	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Xét nghiệm	872457	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XN Huyết học	872458	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XN Sinh hóa	872459	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XN Vi sinh	872460	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XN Giải phẫu	872461	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XN Vi phẫu	872462	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Chẩn đoán hình ảnh	872463	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Siêu âm	872464	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL XQuang	872465	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL MSCT	872466	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL MRI	872467	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL DSA	872468	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Thăm dò chức năng	872469	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Phẫu thuật	872470	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Vận chuyển	872471	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Khám bệnh	872472	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Giường bệnh	872473	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Thủ thuật	872474	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Thuốc	872475	✓	✓	✓
Trùng NGAY YL với NGAY_TH_YL Máu	872476	✓	✓	✓
Chuyên đề khám bệnh	873000	✓	✓	✓
Kiểm soát số lần khám bệnh	873100	✓	✓	✓
Cùng chuyên khoa thanh toán trên 1 lần khám	873101	✓	✓	✓
Tỷ lệ thanh toán không đúng	873102	✓	✓	✓
Khám bệnh phát sinh sau khi vào nội trú	873103	✓	✓	✓
Nội trú không thanh toán tiền khám ở cấp cứu	873104	✓	✓	✓
Khám bệnh ngoài giờ hành chánh	873200	✓	✓	✓
Khám bệnh ngoài giờ hành chánh	873201	✓	✓	✓
Quy luật kiểm soát thuốc	874000	✓	✓	✓
Thuốc vượt tuyến	874001	✓	✓	✓
Cổng tiếp nhận	880000	✓	✓	✓
Lỗi từ cổng tiếp nhận	880001	✓	✓	✓

GPP.vn

© CheckXML 1.0.1.06-05-2025 - Privacy